

Jean Craighead George

Chuyện cô gái

JULIE

Nguyễn Xuân Hồng dịch



KIM ĐỒNG
NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

CHUYỆN CÔ GÁI JULIE

Tác giả: Jean Craighead George

Người dịch: Nguyễn Xuân Hồng

Phát hành & NXB Kim Đồng 06/2020



ebook@vctvegroup

CHUYỆN CÔ GÁI JULIE

TẬP TIẾP THEO CỦA CUỐN SÁCH ĐOẠT GIẢI
NEWBERY

JULIE - CON CỦA BẦY SÓI

Julie sống sót trên lãnh nguyên Alaska nhiều ngày nhờ hòa hợp với một đàn sói coi cô như một thành viên trong đàn của chúng. Việc cô quyết định quay về với thế giới hiện đại và sống cùng cha mình không hề dễ dàng. Giờ đây cuộc sống của cô sẽ rất khác. Cô nhanh chóng phát hiện ra rằng cha mình đã từ bỏ rất nhiều tập quán Eskimo: Ông cưới một người vợ da trắng, ông là lãnh đạo công ty của làng, và tệ hơn cả, ông quyết tâm bắn hạ đàn sói của Julie nếu chúng đe dọa mối làm ăn của làng. Cô cũng bối rối khi một chàng thanh niên điển trai đến từ Siberia, người rất tin vào những tập tục cổ xưa vốn là những điểm chung cho các nền văn hóa của họ, cố gắng chinh phục trái tim cô.

Tập tiếp theo cho cuốn truyện **Julie - Con của bầy sói**, từng đoạt giải Newbery, của Jean Craighead George đã nắm bắt được những thách thức từ việc đan xen những lối sống của thế giới cũ và mới, và những khúc ca về vẻ đẹp của một vùng đất nơi chó sói vẫn rong ruổi và sự quyết tâm của một cô gái trẻ có thể tạo nên sự khác biệt hoàn toàn.

JEAN CAROLYN CRAIGHEAD GEORGE

(1919 - 2012)

Là nhà văn người Mỹ với hơn 100 tác phẩm dành cho trẻ em và thanh niên, tập trung vào chủ đề môi trường và thế giới tự nhiên.

Sinh ra trong gia đình có nhiều người nghiên cứu về tự nhiên, bà tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh và khoa học tại Đại học Bang Pennsylvania năm 1940. Bà từng là phóng viên cho tờ *The Washington Post*, biên tập viên cho Nhà xuất bản *Readers Digest*.

Bà viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên, *Vulpes the Red Fox* năm 1948 cùng với chồng là John Lothar George và đích thân bà vẽ minh họa cho cuốn sách.

Với tiểu thuyết *Julie - Con của bảy sói*, George giành được Huy chương Newbery do Hiệp hội Thư viện Mỹ trao tặng năm 1973. Bà cũng giành Giải thưởng Văn học Thanh niên Đức năm 1975 cho bản dịch tiếng Đức của tác phẩm này.

TÁC PHẨM CHÍNH:

- **Vulpes the Red Fox** (tạm dịch: *Vulpes Cáo đỏ*), 1948, nằm trong bộ truyện *American Woodland Tales* (Truyện cổ miền rừng Mỹ).

- **Julie of the Wolves** (*Julie - Con của bảy sói*), 1972, nằm trong bộ truyện *Julie*. Các tập tiếp theo là: *Julie* (tạm dịch: *chuyện Julie*), 1994; *Julie's Wolf Pack* (Đàn sói của Julie) 1997; *Nutik, the Wolf Pup* (tạm dịch: *Nutik, sói con*), 2001; *Nutik and Amaroq Play Ball* (tạm dịch: *Nutik và Amaroq chơi bóng*), 2001.

- **Going to the Sun** (tạm dịch: *Đi tới Mặt trời*), 1976.

- **Journey Inward** (tự truyện, tạm dịch: *Hành trình vào nội tâm*), 1982.

- **Snow Bear** (tạm dịch: *Gấu tuyết*), 1999.

- **Cliff Hanger** (tạm dịch: *Cheo leo vách đá*), xuất bản năm 2002, nằm trong bộ truyện *Outdoor Adventures* (Các cuộc phiêu lưu ngoài trời) gồm 3 tập.

- **Galapagos George** (sách tranh), 2011.

PHẦN I: THỢ SĂN KAPUGEN

MỘT CON SÓI CẤT TIẾNG TRU. Nó bắt đầu với âm điệu thấp hơn tiếng gấu gầm gừ, rồi tăng lên âm vực cao nhất của gió và giữ nguyên như vậy.

Tiếng tru lan khắp lãnh nguyên tuyết trắng và lọt vào tai cô gái trẻ đứng ở cửa một ngôi nhà nhỏ màu xanh rêu. Ngôi nhà gỗ ấy tọa lạc ngay rìa một ngôi làng Eskimo bên bờ dòng sông Avalik đã đóng băng ở Alaska. Cô hát quãng lông bao quanh khuôn mặt xinh xắn của mình ra sau và lắng nghe. Con sói đang bảo cô đến chỗ nó. Cô không trả lời.

Julie Edwards Miyax Kapugen biết rất rõ con sói ấy. Nó đã chia sẻ thức ăn với cô khi cô bị lạc trên lãnh nguyên vô tận. Nó đã chạy và chơi đùa cùng cô. Nó đã nằm im trong lều của cô trong khi cô chăm sóc cho nó khỏi hằn những vết thương do đạn bắn. Giờ nó đang cố gắng xác định vị trí của cô. Không được để nó tìm ra cô. Nó phải đi, đi thật xa. Sau nhiều năm xa cách, Julie trở về với cha cô, Kapugen, và cô biết ông ấy sẽ giết chết con sói.

- Phải như vậy thôi - cô thì thầm với con sói đang tru. - Nếu em đến gần Kapugen, ông ấy sẽ bắn em ngay. Ông ấy cũng giống tất cả các thợ săn Eskimo. Ông ấy sẽ nói: “Con

sói tự hiến dâng nó cho bố mà.”

Tiếng tru vút lên và lắng xuống.

Julie nheo mắt nhìn về phía tiếng gọi xa xa.

- Tránh đi, Kapu yêu quý. Chị đang về nhà rồi.

Cô chờ đợi. Con sói mà cô đã đặt tên là Kapu theo tên cha cô, người thợ săn và vị thủ lĩnh vĩ đại, không gọi lại nữa. Cô nhanh chóng mở và đóng cánh cửa đầu tiên dẫn vào nhà Kapugen. Cô bước vào *qanitchaq*, gian sảnh được thiết kế để ngăn khí lạnh. Tường sảnh treo đầy áo trùm *parka* và ủng, còn trên sàn toàn mái chèo, súng và bình khí đốt. Cô buông hành lý xuống, cởi chiếc áo choàng *parka* da hải cẩu cùng đôi ủng *maklak* của mình, và treo tất cả lên móc. Cô bước tới cánh cửa thứ hai, mở vào phòng khách, và ngập ngừng.

Cô nghĩ về tuổi thơ của mình trên hòn đảo Nunivak của người Eskimo trên biển Bering, về thời thiếu nữ của mình ở Barrow trên Bắc Băng Dương. Rồi cô nghĩ đến ngày cô vội vã rời khỏi cái thị trấn đó để chấm dứt một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp. Cô chạy vào lãnh nguyên với ý định đi bộ tới Mũi Hy Vọng và bắt tàu tới San Francisco để gặp người bạn qua thư của mình là Amy.

Trên lãnh nguyên hoang vu, cô bị lạc một cách vô vọng.

Cô đã cố không nghĩ đến đàn sói đáng mến đã hạ gục một con tuần lộc và cứu sống cô. Cô phải để chúng vào quá khứ. Cô đã tìm thấy người cha kính yêu của mình và sẽ về nhà ông.

Hôm qua ông ấy chào đón cô trong ngôi nhà này. Lòng cô phấn chấn hẳn và nỗi cô đơn trĩu nặng tan đi. Đầu cô tung bừng những ý nghĩ hân hoan.

Niềm hạnh phúc của cô không kéo dài lâu. Chỉ trong thoáng chốc, cô nhận ra Kapugen không còn là người cha từng đưa cô đi săn và bắt cá theo mùa ở Nunivak nữa.

Ông ấy không còn là người cha sống hài hòa với biển và đất liền nữa. Kapugen đã thay đổi. Ông ấy có một người vợ Mỹ da trắng, một *gussak*. Ông ấy có những cái bộ đàm, một cái điện thoại, và một lò sưởi hiện đại. Lẽ ra Julie có thể đã chấp nhận mấy thứ này nếu đôi mắt cô không nhìn thấy chiếc mũ phi công và cặp kính máy bay của Kapugen. Cô đã nhìn thấy những thứ ấy trên người đàn ông trong cửa sổ chiếc máy bay, người đã bắn Amaroq, con đầu đàn tuyệt vời trong đàn sói của cô. Cô không thể chấp nhận được điều này. Khi Kapugen ra khỏi nhà, cô đã cầm hành lý của mình và quay lại khu trại của cô nơi bờ sông trơ trụi.

Ở đó, một mình trong đêm Bắc Cực cựa mình rằng rắc với màn sương muối rắc kín ngôi lều của cô bằng những bông hoa tuyết, cô biết mình phải quay về. Cho dù ông ấy đã làm gì đi nữa, Kapugen vẫn là cha cô, và cô yêu ông.

- Chúng ta không phán xét người thân của mình - cô từng nghe nhiều người già Eskimo nói vậy, và Julie hướng đôi ủng của mình về phía Kapugen.

Giờ đây, chỉ còn một cánh cửa gỗ ngăn giữa họ thôi.

Cô mở cửa và bước vào trong. Kapugen có ở nhà. Ông ngồi trên một tấm da tuần lộc trải trên sàn, đang mài lại

con dao của mình, chỉ có mình ông.

Ông không hề nhìn lên, mặc dù Julie biết ông đã nghe thấy tiếng cô vào. Cô nhón chân đi tới *iglek*, chiếc đi văng chất lông thú cao ngang đầu cô. Cô leo lên đó, ngồi im, và khoang tay đặt trong lòng.

Kapugen nhìn dọc lưỡi dao để xem nó đã đủ sắc chưa. Julie nhặt một sợi chỉ trên chiếc tất len của mình. Kapugen lựa một miếng da hải cẩu có lông và cắt lấy một sợi dây mảnh. Ông buộc sợi dây quanh ủng của mình. Julie vẫn ngồi im.

Ngay sau đó, Kapugen nhìn ra cửa sổ ngắm bầu trời màu xanh dương trong ngày đông không có ánh mặt trời ấy.

- Gió lặng rồi - ông nói. - Tốt quá.
- Sao còn sáng lắm - Julie nói thêm.
- Thế thì tốt - Kapugen nói.

Im lặng. Kapugen thắt chặt dây ủng và cuối cùng cũng nhìn cô.

- Con có nghe thấy tiếng con sói không? - Ông hỏi, nhìn thẳng vào mắt cô.

- Con nghe rõ tiếng con sói - cô đáp.

Lại thêm một lúc im lặng nữa. Kapugen không hề rời mắt khỏi mắt cô. Julie biết ông đang nói với cô theo cách của thợ săn Eskimo liên lạc mà không cần âm thanh. Đôi mắt ông đang nói rằng một con sói không hay cất tiếng gọi thân thiện như vậy.

Julie không trả lời. Cô ngấm kỹ cha mình.

Kapugen là một người đàn ông rắn chắc với tấm lưng vạm vỡ và đôi tay khỏe mạnh. Gương mặt ông rạm nắng gió Bắc Cực, và hai bàn tay ông xạm đen vì sương giá. Tóc ông ngắn hơn so với cô còn nhớ, nhưng cằm ông vẫn nhẵn nhụi và nhô sạch sẽ râu. Một bộ ria lơ mờ viền thẫm phần môi trên của ông. Ông ngồi duỗi thẳng hai chân trước mặt.

- Con sói biết con - ông chậm rãi nói về trầm ngâm.

- Vâng - Julie trả lời.

Kapugen nhặt tấm da hải cẩu lên và cắt một sợi dây nữa. Julie đợi ông lên tiếng tiếp. Nhưng ông không nói. Ông liếc con dao của mình lần chót và đút nó vào bao ở thắt lưng. Chỉ bằng một động tác, ông đã đứng trên hai chân và dang tay ra. Cô nhảy xuống khỏi *iglek* và chạy tới chỗ ông.

Sau một cái ôm an ủi rất dài, Kapugen nâng cằm Julie lên và chạm vào làn da láng mịn màu ô liu trên má cô.

- Bố rất vui con quay trở lại - ông nói. - Bố đã sợ rằng bố lại mất con lần thứ hai. Bố yêu con bằng cả vầng trăng sáng tròn đầy.

- Thế nhiều quá - cô bẽn lễn nói.

Ông bắt chéo chân và buông mình ngồi xuống tấm da tuần lộc, rồi vỗ vỗ lên đó và mời Julie ngồi xuống. Julie nhìn thấy câu hỏi trên gương mặt ông. Cô đã trả lời rồi.

- Con phá bỏ hôn ước với con trai bạn của bố. - Giọng cô rất nhẹ.

- Nếu đàn ông và đàn bà - Kapugen nói bằng giọng trầm, bình thản - không yêu nhau thì họ chia tay thôi. Như thế mới phải.

Họ ngồi im lặng.

Julie nhận ra Kapugen muốn biết thêm nữa về quá khứ, nhưng ông không hỏi vì tôn trọng quyền riêng tư của cô. Cô phải kể với ông cho dù hồi ức của cô có đau đớn đến thế nào.

- Bố không biết con đã ở đâu vào cái hôm bà Martha đưa con rời khỏi bố để đi học ư? - Cô hỏi bằng giọng dịu dàng.

- Bố chỉ biết con đến Barrow khi con mười ba tuổi và đủ lớn để lấy chồng - ông trả lời, nhịp từng từ thật chậm. - Bố tình cờ gặp Nusan, mẹ chồng của con, ở thị trấn đó. Bà ấy nói con đã bỏ đi và chết rồi.

- Điều kinh khủng như thế mà bà ấy cũng nói ra được khi mà bà ấy thật sự không hề biết - Julie nói. - Con xin lỗi. Con sẽ cố gắng kể cho bố những gì đã xảy ra, - có lẽ không phải tất cả, - một vài việc vẫn còn quá buồn.

Julie kể với ông về cuộc sống không vui vẻ của cô ở Mekor-yok, thị trấn trên đảo Nunivak, những ngày của cô ở Barrow, cuộc hôn nhân của cô, và cô đã ghê sợ Daniel, gã chồng căm ghét của cô, như thế nào. Cô nhớ lại những ngày tháng trên lãnh nguyên cùng đàn sói tử tế và con đầu đàn tốt bụng, Amaroq, nhưng cô không tài nào nói được rằng Kapugen đã giết chết nó. Lời nói không hình thành nổi.

Khi cô kể xong, Kapugen hạ ánh mắt xuống một lúc, rồi ngẩng lên nhìn cô. Mắt ông nói rằng ông yêu cô rất nhiều và ông rất biết ơn vì cô còn sống.

Julie vùi đầu vào vai ông, và ông ôm ghì cô vào lồng ngực vạm vỡ của mình. Trong lúc ông ôm cô, cô cảm thấy sự tha thứ dâng trào dọc sống lưng, ngập đến tim và óc cô. Kapugen, nói cho cùng, là trụ cột của gia đình và ngôi làng của ông. Những người Eskimo là trụ cột đều phải đi săn.

- Con mệt lắm - cuối cùng cô nói, hai vai cô trĩu xuống.

Kapugen gạt lọn tóc ở trán cô. Ông nhắc bổng cô lên bằng hai cánh tay mình, đem cô đến *iglek*, và đặt cô lên đó. Cô chìm trong lớp lông mềm, êm ái và kéo một tấm da gấu trùm lên mình.

- Bố rất mừng con đã về nhà, Miyax - ông nói, và hôn cô.

Cô mỉm cười nghe ông gọi cô bằng cái tên Eskimo. Như hầu hết những người Eskimo, Julie có hai cái tên, tiếng Anh và tiếng Eskimo - Julie Edwards và Miyax Kapugen. Nghe cha gọi cô là Miyax khiến cô cảm thấy gần gũi ông hơn, và cô quyết định cô sẽ để ông gọi cô như thế. Cái tên ấy gắn kết hai người với mẹ cô, người đã đặt tên ấy cho cô, và gắn kết họ với nhau. Với những người còn lại, cô sẽ là Julie.

Cô nhắm mắt lại và ngủ say.

ooo

- Chào anh, Kapugen. Chúc một buổi sáng tốt lành.

- Julie ngồi thẳng trên chiếc giường lông thú và nhìn quanh. Giọng đàn ông oang oang rồn rang, nhưng trong phòng chẳng có ai cả.

Kapugen bước ra khỏi phòng ngủ.

- Xin chào. - Ông nói với chiếc bộ đàm CB^[1] lấp loáng trên giá sách. - Xin chào, Atik. Xin chào.

Julie nhận ra tên của người thợ săn cô đã gặp cùng vợ ông ấy, Uma, và đưa nhỏ trên dòng sông Avalik đóng băng. Ngạc nhiên vì nghe thấy tiếng ông ấy trong phòng, cô leo ra khỏi *iglek* và ngồi trên tấm da tuần lộc của Kapugen, nhìn chiếc bộ đàm và chăm chú lắng nghe.

- Chào anh, Malek - một giọng phụ nữ vang lên. - Xin chào.

- Chào chị, Marie. Chào chị.

Trong suốt gần một tiếng, dân làng Kangik thức giấc và chào hỏi nhau bằng bộ đàm CB. Giọng họ vui vẻ ngập tràn cái màn tối của buổi sáng không có ánh mặt trời.

Dì Ellen, vợ Kapugen, bước ra khỏi phòng ngủ và chào cô khi nhận thấy Julie đã thức giấc.

- Chào con, Miyax - dì nói.

- Julie - cô nói khẽ nhưng kiên quyết.

- Tùy con thôi - dì Ellen nói, và quay người để múc nước trà từ một bình nhựa khoảng ba mươi *gallon*^[2]. Ở Kangik bị đóng băng, không hề có nước chảy.

Julie ngấm kỹ dì Ellen. Mái tóc đỏ nhạt của dì với những

lợn trông rất lạ mắt thật kỳ dị đối với cô, cặp mắt xanh xám và hàng lông mi của dì ấy cùng vậy. Julie thấy mình chăm chú nhìn và đầy thắc mắc về người vợ mới của cha mình. Khi bữa sáng kết thúc, cô lại leo lên *iglek* và nhìn dì Ellen ngồi bên bàn. Dì viết vào một cuốn sổ, thỉnh thoảng ngược lên nhìn Julie như thể để hỏi xem cô có ổn không. Julie chẳng nói gì cả.

Rồi dì Ellen đọc sách. Đến giờ ăn trưa, thậm chí dì còn nấu ăn nhờ đọc một cuốn sách. Đầu giờ chiều, dì Ellen gọi điện cho mẹ dì ở Minnesota.

- Con chào mẹ - dì nói. - Con có một cô con gái.

Dì mỉm cười và liếc nhìn Julie.

- Vâng, cháu rất xinh - dì Ellen nói. - Da mịn màng và mắt hạt dẻ rất to. Tóc cháu đen và óng ả như gỗ mun đánh bóng vậy.

Bối rối, Julie hụp xuống mớ lông thú màu xám và nhòm vợ của cha mình qua cổ áo. Cô thắc mắc làm thế nào người phụ nữ này lại đi xa nhà đến vậy và tại sao dì ấy không quay về.

- Con muốn chào mẹ của dì không, Julie? - Dì Ellen hỏi.

Cô không trả lời. Julie biết tiếng Anh rất thạo. Nhất thời cô quên mất sau khi Amaroq bị giết, nhưng giờ cô hiểu từng từ được nói ra. Cô chỉ không cảm thấy muốn nói chuyện với dì Ellen.

Julie đã vô cùng thất vọng khi thấy cha mình cưới một người vợ từ thế giới bên ngoài. Với người Eskimo, có hai

dạng dân - những người bên trong thế giới băng giá và những người bên ngoài. Dì Ellen không phải người bên trong. Dì đi lại và nói quá nhanh. Giọng dì đanh, và dì cười to chẳng khác gì lũ chim cướp biển.

Julie chậm rãi thích nghi với cuộc sống mới. Cô rửa bát đĩa, nấu cá và thịt tuần lộc cho dì Ellen. Cô nạo và chuẩn bị da để đem ra chợ, và đẽo băng đá ở ngoài sông rồi bỏ vào thùng chứa cho tan.

Cô đọc những cuốn sách của dì Ellen khi dì ra ngoài. Cô học tiếng Anh ở Nunivak rất xuất sắc. Cô đọc sách say sưa, háo hức tìm hiểu về thế giới bên ngoài. Thỉnh thoảng khi không có ai ở xung quanh, cô lại đi dọc con sông và lắng nghe tiếng đàn sói của mình. Có lần cô nghe tiếng Kapu, và ngó xung quanh xem Kapugen đã ra ngoài chưa, cô khum hai bàn tay và hú rồi sửa một tiếng cảnh báo. Kapu đáp lại bằng sự im lặng. Nó đã nhận được thông điệp.

Một hôm khi Julie đang nạo một tấm da hải cẩu còn nguyên lông dùng để làm ủng, một giọng nói rất mới vang lên qua bộ đàm CB.

- Xin chào, Kapugen. Chào chú.

- Xin chào, Peter Sugluk - Kapugen nói. - Cậu về rồi đấy à?

- Cháu về rồi - người kia nói. - Và cháu kiếm được hai cái áo len *qivit*^[3] mà mẹ Marie nhờ cháu mang tới cho chú.

Julie nhớ Uma cho cô biết rằng phụ nữ ở Kangik đan áo len và khăn quàng từ lớp lông tơ ấm áp nhẹ như lông vũ

của bò xạ. Bà ấy nói, Kapugen bán những món đồ vô cùng ấm áp này cho thương nhân ở Anchorage và Fairbanks với giá rất cao, hàng trăm đô la.

- Mời cậu - Kapugen nói, và quay sang Julie - Peter Sugluk là con nuôi cộng sự làm ăn của bố.

- Anh ấy nói bằng giọng rất lạ - Julie nói.

- Không lạ lắm đâu. Cậu ấy nói tiếng Yupik hết chúng ta, không phải tiếng Inupiat như những người ở Barrow và Mũi Hy Vọng.

Tiếng Eskimo có hai nhánh. Yuk, hay Yupik, được nói ở tây nam Alaska và Siberia. Inuk, hay Inupiat, được nói ở khắp bắc Alaska, Canada, và Greenland. Julie học tiếng Yupik ở Nunivak và tiếng Inupiat ở Barrow. Mặc dù cô hiểu Peter vì anh nói tiếng Yupik, nhưng cô vẫn không tài nào xác định được giọng của anh. Cô thắc mắc không rõ anh từ đâu đến.

Chẳng mấy chốc, có tiếng gõ lên cánh cửa gian sảnh *qanitchaq* bên trong.

- Vào đi - Kapugen gọi, và Peter Sugluk bước vào gian buồng ấm áp.

- Chào chú, Kapugen - anh nói, và liếc nhìn Julie. - Hẳn em là Julie. Chào em.

Nụ cười của anh thân thiện và quyến rũ.

Julie nhìn lên một chàng trai Eskimo có gương mặt màu đồng. Anh ấy cao ráo. Mũi anh thẳng, lưỡng quyền cao, và đôi mắt như hai nửa vầng trăng sáng dưới đôi mày đen.

Anh mặc chiếc áo chùng da tuần lộc bên trên chiếc quần dài bó bằng da. Đôi ủng *maklak* của anh bằng da gấu bắc cực, viền hình chó kéo xe bằng da dê màu đen và trắng. Những cái đuôi chồn *ermine* chót đen nhảy nhót dọc viền tay áo và đôi ủng khi anh di chuyển. Trông anh già dặn so với Julie, có lẽ mười tám hay mười chín nếu so với tuổi mười bốn sắp sang mười lăm của cô. Cô nhìn xuống tấm da hải cẩu của mình và quay lại công việc nạo da.

- Những gì người ta nói đúng thật - cô nghe thấy Peter nói. - Em xinh thật.

Julie vẫn tiếp tục làm việc. Cô không hề muốn nổi tiếng nhờ sắc đẹp, mà phải bằng trí tuệ và sự kiên cường của mình, những phẩm chất Eskimo. Cô không nhìn lên cho tới khi anh mở cửa và đi ra, nhưng cô nghĩ cô đã nhìn thấy anh rập một ngón chân và giơ bàn tay trong động tác nhảy biểu thị cho sự ăn mừng.

ooo

Hai tuần trôi qua. Ban ngày chuyển sang màu ngọc lam khi trái đất nghiêng dần về phía mặt trời. Đến lúc quả cầu đỏ rực như máu xuất hiện phía chân trời vào ngày hai mươi hai tháng Một, Julie đã cảm thấy thoải mái ở ngôi nhà và ngôi làng mới của mình.

Một hôm khi dì Ellen đang dạy ở trường và bố Kapugen ngồi bên bàn nghiên cứu đóng giấy tờ, cô tạm ngừng công việc và đứng trước mặt ông.

- *Aapa* - cô nói khẽ - con đã đi cả một thời gian dài trên lãnh nguyên và con đã tiến sâu vào một thế giới trong mơ với đàn sói. Giờ con đã tỉnh giấc. Con có thể giúp gì cho bố?

- Tốt lắm rồi - ông nói, nhìn lên cô. Nhận thấy cô chăm chú xem chỗ giấy tờ ông đang xử lý, ông bèn nói. - Những giấy tờ này là hồ sơ đàn bò xạ của nhà ta. Bác Malek, cậu Peter, và bố chăm sóc chúng cho ngân hàng ở Fairbanks. Ngân hàng cấp tiền cho công việc kinh doanh của chúng ta.

- Công việc kinh doanh?

- Giờ tất cả các làng Eskimo đều thành công ty rồi - Kapugen nói và đứng lên. - Không như người Mỹ da đỏ sống trong các khu bảo tồn dưới sự giám sát của chính phủ, chúng ta tự kinh doanh để sống. Người dân chúng ta nắm giữ cổ phần trong công ty làng và cùng chia lợi nhuận.

Những lời này không có ý nghĩa gì với Julie, nhưng dường như Kapugen nghĩ điều đó rất quan trọng nên cô vẫn nghe.

- Công ty Kangik Inupiat khá lớn nhé - ông nói, chỉ vào những con số trong cuốn sổ. - Chúng ta kinh doanh bò xạ, có một công ty xây dựng, một nhà kho, và một công ty phát điện. Chúng ta cũng có tiền nhờ dầu mỏ lấy từ phần đất của chúng ta.

Cô vẫn không có ý kiến gì, cho nên Kapugen đứng lên và nắm lấy tay cô.

- Miyax, con phải học cách đi săn.

- Con biết săn - cô trả lời. - Con có thể bắt được chim *ptarmigan*^[4] và thả chân tuyết.

- Con phải học bắn súng nữa - ông nói. - Chúng ta cần con. Kangik gần như là một ngôi làng bỏ hoang. Rất nhiều nhà không có người, thấy không. Tuần lộc đã hai năm rồi không quay trở lại chỗ chúng ta, và mọi người bị đói. Nhiều người đã phải chuyển đến Wainwright và Barrow.

- Thế thì tệ quá - Julie nói.

- Chúng ta đang gặp khó khăn - ông nói. - Tình hình vậy đấy.

Kapugen đi vào phòng ngủ. Ông trở ra cùng một khẩu súng trường .22^[5] và bẻ nòng súng mở ra.

- Thật sự ở Kangik khó khăn lắm ă? - Julie hỏi. - Con đã gặp cô chú Uma và Atik bạn của bố phía dòng sông. Cô Uma nói rằng người làng Kangik kiếm được rất nhiều tiền nhờ đan *qivit* bò xạ thành găng tay và áo len. Cô ấy nói bố nuôi bò xạ để giúp làng; và rằng bố là một thủ lĩnh rất cừ.

- Uma nói vui thôi - Kapugen nói và mỉm cười. - Cô ấy được nuôi dạy để tôn sùng thủ lĩnh bất kể người đó làm gì.

- Con hiểu điều đó - Julie nói khẽ.

- Con rất hiểu, phải - ông nói, và nhìn chiếc mũ bảo hộ cùng cặp kính. - Con rất hiểu, phải - ông nhắc lại. Gương mặt Kapugen nói với Julie rằng cha cô giờ biết rằng con sói ông bắn từ trên máy bay là bạn của cô. Trông ông rất không vui.

- Lương thực ở Kangik rất khan hiếm - ông nói, vội vã thay đổi chủ đề.

- Bố không thể bay máy bay và kiểm thực phẩm của người *gussak* cho cả làng ư?

- Khi tuần lộc không trở lại, không thực phẩm nào của người da trắng có thể giúp chúng ta khỏe mạnh đâu.

- Cá thì sao? - Cô hỏi.

- Chúng ta cũng cần thịt và mỡ để sống sót qua mùa lạnh - ông đáp. - Và chẳng có thứ gì ngon bằng tuần lộc và cá voi.

Julie mỉm cười:

- Đúng thế ạ.

Kapugen nhét vài viên đạn vào khẩu .22 và bật chốt an toàn để khẩu súng không cướp cò. Ông đưa nó cho cô. Họ đi ra gian sảnh *qanitchaq* và mặc những quần áo ấm nhất. Kapugen nhắc khẩu súng săn gấu của mình. Ông choàng sợi dây đeo quanh cổ và cho khẩu súng yên vị trên lưng. Khi Julie mặc đồ xong, ông mở cửa. Khí lạnh hút hơi thở từ miệng họ và vả tuyết vào mặt họ.

Mặt trời vừa mọc, mặc dù đã mười giờ rồi. Ánh sáng màu sẫm soi tỏ đường vồng chân trời trong khung cảnh dòng sông Avalik đóng băng, và xa hơn cái đĩa phẳng mênh mông kia là Vịnh Kuk. Nhưng với khu làng, tức là một nhóm vài căn nhà gỗ nhỏ bé dựng trên cọc gỗ để ngăn không làm tan lớp đất đóng băng vĩnh cửu, thì tất cả chỉ là lãnh nguyên trơ trụi.

Julie nhìn làng Kangik và nín thở. Ngôi làng, trông có vẻ đầy sức sống vào cái đêm đầu tiên cô nhìn thấy nó, thật mộc mạc và ảm đạm. Vài nhà đang đóng thùng để chờ xe gạt tuyết và xe tải chở đến những ngôi làng dọc bờ biển Bắc Cực. Nhiều nhà đã bị bung kín bằng ván và bỏ không.

Có tiếng rừ rừ đều đều khiến cô chú ý.

- Cái gì vậy? - Julie hỏi. - Con thường nghe thấy tiếng này ban đêm.

- Máy phát điện đấy - Kapugen nói. - Nó chạy bằng khí đốt và tạo ra điện cho bộ đàm, lò sưởi và bóng đèn của chúng ta.

Tiếng máy phát kêu ầm ì, nghe như một con gấu đang ngủ, tạo cho ngôi làng lạnh lẽo, tĩnh mịch một kiểu đời sống rất lạ. Julie nghe thấy một âm thanh khác. Một tiếng chó sủa, một cánh cửa kẽo kẹt xoay trên bản lề, và một giọng nói vọng ra. Những âm thanh ấy bị cái lạnh dưới không độ nuốt chửng. Cô chăm chú lắng nghe hơn. Không hề có tiếng Kapu.

Kapugen ra hiệu cho cô theo ông, và họ đi bộ về phía đông trên lớp băng mặt sông trong ánh cực quang mờ mờ. Sau một quãng ngắn, cả hai cha con dừng lại và nhìn vầng dương soi sáng lớp tuyết màu lam-lục chẳng hề có cây cối.

- Con sẽ giống như dì Ellen, bố nghĩ vậy, phải - Kapugen nói sau một lúc.

Julie không đáp lời.

Họ cứ đi ngược dòng sông. Bước chân của họ giẫm nát

băng thành tuyết vụn. Tuyết kêu lạo xạo như thủy tinh, bay cuộn lên, và nhẹ nhàng đáp xuống, tạo thành một lối mòn bột mịn đằng sau họ. Mặt trời dịch chuyển dọc đường chân trời suốt gần một giờ, và giờ nó đang lặn. Kapugen quay sang Julie.

- Chúng ta sẽ săn cáo - ông nói. - Có mấy con sống gần bãi quây bò xạ. Hãy nhìn những gì bố làm nhé. Bố học cách đi săn theo dấu ủng của ông nội con. Đó là cách tốt nhất.

Julie bước theo dấu ủng của ông và theo ông rời khỏi mặt sông băng đi ra lãnh nguyên. Màn sương băng xuất hiện lúc chiều tà bắt đầu dày lên.

Sau một quãng đi bộ ngắn, Kapugen mở một cánh cổng, và ông cùng Julie tiến vào một bãi quây gia súc rất rộng. Những hình thù trông như đá tảng đen thẫm lù lù trong màn sương lam. Mười một con bò xạ tròn mắt nhìn họ. Hơi thở bị đóng băng tạo thành những đám mây nhỏ lơ lửng phía trên đầu chúng.

Có tiếng sói hú. Julie cảnh giác nhìn Kapugen.

- Cuộc săn kết thúc rồi - ông nói. - Cáo sẽ trốn sạch khi có tiếng sói hú.

- *Ee-lie*, Kapu - Julie thì thầm với con sói - tránh đi, tránh xa, thật xa vào.

Kapugen và Julie đi bộ về nhà.

Sương băng xóa nhòa cảnh vật, Julie và Kapugen phải mất nhiều ngày mới có thể trở lại bãi quây gia súc để săn

cáo. Họ đi bộ qua cả một dải thiên hà toàn những tinh thể băng lấp lánh lơ lửng trên lãnh nguyên tĩnh mịch. Kapugen dẫn đường, còn Julie bước theo dấu chân của ông.

Sau một quãng đi dài, Kapugen dừng lại. Ông chăm chú nhìn một đốm phía xa, và Julie nhìn theo ánh mắt ông. Một cái bóng xuất hiện rồi biến mất và lại xuất hiện như một ánh sao trên mặt nước.

- Nâng súng của con lên - Kapugen thì thào. - Khi con cáo ngừng di chuyển, đặt đầu ruồi phía trước vào rãnh ở khe ngắm sau. Tháo chốt an toàn và kéo cò thật chậm.

Julie bắn và trượt mục tiêu. Kapugen đi tới, ngoái đầu nhìn bên trái bên phải khi ông rà quét khung cảnh toàn tuyết trắng. Khẩu súng của ông lủng lẳng trên lưng song song với mặt đất; hai tay ông nắm chặt đặt phía sau. Ông chú ý đến những chuyển động khẽ khàng nhất và những âm thanh nhạt nhòa nhất. Kapugen đi săn như một con sói, và giống một con sói, ông biết khi nào có con mồi. Ông dừng lại trong bãi quây gia súc để kiểm tra đàn *uminmak*.

Khi ông quay về nhà, ông hất tuyết trở lại sau. Tuyết không dày lắm, gió đã bóc lớp tuyết lãnh nguyên mỏng để lộ ra cỏ và lách. Mùa này, lãnh nguyên Bắc Cực là ngôi nhà tuyệt hảo của giống bò xạ ăn cỏ được mặc quần áo chống rét. Mũi ủng *maklak* của Kapugen chạm phải một góc bạch dương cổ chỉ cao độ một gang tay. Ông cúi xuống. Xung quanh cái cây mọc lên những cây việt quất, mấy cây trà Labrador, và vài cây liễu lùn.

- Thức ăn ưa thích của *uminmak* - ông nói với Julie, rồi

nhìn mấy cái cây chăm chú hơn. - Chúng đã bị ăn sát đến tận rễ. Bò cũng đang cạn kiệt thức ăn tự nhiên rồi.

- Cỏ phía ngoài hàng rào cao hơn - Julie nói. - Sao bố không thả rông chúng?

- Ở trong này chúng ta có thể dễ dàng gom *qivit* - Kapugen đáp. - Và như thế sói sẽ không giết được bò - ông thẳng thừng nói thêm.

Julie cảm thấy máu chạy khắp người cô. Cô nhắm mắt lại và khó nhọc nuốt khan.

- Chẳng mấy ngày nữa bố sẽ phải bay tới Barrow - Kapugen nói - để mua linh lăng viên cho *uminmak*. Chúng cần thêm thức ăn.

Ông đi tiếp. Julie lại bước theo dấu ủng của ông.

- Một bộ da cáo trắng - Kapugen ngoái lại nói với cô - có giá năm mươi đô la ở Fairbanks đấy.

- Năm mươi đô la - Julie nhắc lại với chính mình, và nhìn lại phía làng. Suốt bảy tháng qua, cô chẳng hề nghĩ về ai khác ngoài chính cô và đàn sói của mình. Suốt bảy tháng đằng đẳng cô hướng mọi suy nghĩ của mình vào trong theo hướng phải sống sót. Giờ đây, khi cô đi phía sau cha mình, cô biết đã đến lúc phải trở lại làm một người Eskimo, một người giúp đỡ cho gia đình và cộng đồng làng.

Cô sẽ không bắn trượt con cáo tiếp theo.

Julie không chỉ theo chân Kapugen, cô nhìn theo nơi ông nhìn, cô đánh hơi những làn gió mà ông đánh hơi. Khi ông dừng và nghe ngóng, cô cũng dừng và lắng nghe.

Một con *ptarmigan* vụt ra khỏi tuyết và biến mất phía sau đám mây băng nó tạo ra.

- Họ trả bao nhiêu cho một con *ptarmigan*? - Cô hỏi.

- Mười đô la - Kapugen nói.

Cô nghĩ đến con gấu trắng to lớn mà cô đã thấy ở Barrow. Hẳn bộ da trắng muốt của nó rất có giá, nó có thể nuôi sống cả làng Kangik.

- Thế họ trả bao nhiêu cho *nanuq*? - Cô hỏi át tiếng gió.

- Chẳng được gì - Kapugen trả lời. - Chỉ có người Eskimo mới bắt *nanup*, gấu trắng, và chúng ta không thể bán nó. Nó tự hiến cho chúng ta. Chúng ta dành nó cho người của mình. Luôn luôn như vậy.

Julie gật đầu.

Họ đến một ngôi nhà tạm có ba mặt trong bãi quây thả bò xạ. Tuyết đã chất đóng cao ngất xung quanh cái cấu trúc vững chãi bằng gỗ dán nặng trĩu. Nó được lợp bằng tôn mui.

- Đây là nơi chúng ta trữ cỏ khô và linh lăng viên cho *uminmak* - Kapugen nói. - Nó giữ cho thực phẩm khỏi bị vùi lấp dưới những đống tuyết.

Ông nhìn lên và mỉm cười. Julie cũng nhìn lên. Một con bò đực lẻ loi đang chạy về phía họ. Cô liếc nhìn cha mình. Kapugen chẳng có vẻ gì hốt hoảng, và chắc chắn rồi, khi con bò chỉ còn cách vài thước, nó dừng lại. Nó nhìn họ chăm chú. Từng mảng *qivit* kéo lê thành vệt từ vai nó.

Con bò rất to nhưng không quá cao. Nó chỉ cao đến

ngực Kapugen. Những thớ cơ ở cái cổ to tướng của nó tạo thành một khối u trên lưng cao vượt đầu nó. Đuôi nó ngắn thun lủn, lông nó dài đến mức quét trên mặt đất như một cái váy. Chân nó như những con dao chắt to tướng. Một khối bướu sừng thù lù, đầu mút cong chĩa về phía trước, chạm nhau ở giữa trán nó như một chiếc mũ bảo hiểm. Con vật như khối đá tảng sừng sững trông chẳng khác gì những con voi ma mút lông lá của quá khứ. Nó khụt khịt.

- Một trong những loài động vật cổ cuối cùng đấy - Kapugen nói. - Người da trắng gọi nó là giống ực linh. Còn với người Eskimo thì nó là *uminmak*, loài vật sinh ra trong băng giá, gió rét và tuyết lạnh. - Kapugen chìa một nhánh việt quất cho con vật. - Đã từng có hàng triệu con *uminmak* ở bắc Alaska - ông nói tiếp. - Khi người Eskimo có súng, họ đã bắn hết sạch chúng. Sạch sành sanh. Chính phủ Hoa Kỳ cố gắng phục hồi chúng. Họ có ba mươi ba con non từ Greenland và thả chúng tại Nunivak năm 1930. Khi đàn đó đủ lớn, họ đưa một số con non tới Fairbanks và sau đó thả chúng tự do. Giờ chúng ta có một vài con hoang dã ở Dốc Bắc. Chính phủ giúp chúng ta đưa con đực và con non tới Kangik để gây dựng ngành công nghiệp *qivit*.

Con bò khụt khịt và gõ móng xuống mặt đất, rồi giụi đầu vào chân trước.

- Nó đang tức giận à? - Julie hỏi.

- Nó đang giụi một tuyến gần mắt nó vào chân. Mùi từ tuyến này cảnh báo cho đàn. Nó không phải là xạ hương, như người da trắng vẫn gọi thế. Nó có mùi sảng khoái và

sạch, như tuyết vậy.

- Thế nó sợ gì vậy? - Julie hỏi.

- Nó đang là con mồi - Kapugen nói. - Nó lo ngại với tất cả; con, bố, súng ống của chúng ta, và cả các mùi trong gió nữa. - Kapugen đánh hơi và nheo mắt nhìn tuyết trắng lóa mắt. - Nó nói rằng gấu xám đã tỉnh giấc rồi.

- Gấu xám ư? - Julie hỏi.

- Con *aklaq* thức giấc hồi tuần trước trong một đợt ấm trời - ông nói. - Nó có hai con non độ một tuổi và chúng đều đói. Nó đang ở gần đàn bò xạ, phải - ông nói.

- Như thế không hay đâu. Cũng như sói vậy, gấu xám có thể giết chết *uminmak*. *Uminmak* nhỏ hơn gấu và không khôn ngoan lắm.

Kapugen khum tay đặt sau tai.

- Đàn bò đang tới - ông nói, và mỉm cười hãnh diện. Một đốm băng sáng lóe lên và những con bò xạ khác xuất hiện, di chuyển tuần tự như thể có găng bánh xe và chẳng khác gì được gió đẩy đi. Chúng là một đội hình vững chãi và gắn kết. Những con vật chậm bước lại, ngập ngừng, và rồi xoay vòng tròn như một cơn lốc xoáy, dồn những con bê một tuổi và các con non vào trung tâm đàn để bảo vệ.

- Chúng đang báo động - Kapugen nói và nhìn quanh.

- Gấu à? - Julie hỏi, rất lo ông sẽ nói là sói.

- Bố không rõ - ông đáp.

Đàn bò khá gần, và Julie có thể nhận ra sự khác biệt

giữa con đực và con cái. Những con cái nhỏ hơn, sừng của chúng không giao nhau trước trán, như sừng những con đực. Cả hai giống đều có mắt rất to lồi ra khỏi đầu đến vài phân. Với những cặp mắt này, chúng có thể nhìn sang hai bên, phía trước, phía sau và chúng có thể nhìn được trong bóng tối cũng như trong ánh sáng chói mắt của băng quang, *uminmak* là những sinh vật quen với bóng tối, mặt trời và cái lạnh ghê gớm.

Kapugen giả tiếng bò.

Một con cái rời khỏi đàn và tiến về phía ông. Nó ngấp ngừng khi nhìn thấy Julie. Kapugen chậm rãi bước tới chỗ nó, phát ra những âm thanh nhẹ nhàng. Khi nó đủ gần, ông vươn tay và gãi gãi đầu nó.

- Đây là Siku, Miyax - ông nói. - Bố tìm thấy nó trên lãnh nguyên. Mẹ nó vừa bị một đàn sói giết chết. Siku đang cựa quậy trong bụng mẹ nó. Bố đã mổ bụng bò mẹ và nhấc con bò xạ nhỏ bé này đặt lên băng - lên *siku*; rồi bố bọc nó vào một tấm da tuần lộc và đưa nó về nhà. Bố nuôi nó bằng bình, nó đã sống và cho bố ý tưởng nuôi bò xạ.

- Nuôi chúng có khó không ạ? - Julie hỏi.

- Không khó lắm - Kapugen trả lời. - Có thời, cách đây không lâu, khi tuần lộc khan hiếm, người làng Kangik, Wainwright, và Barrow đã nuôi tuần lộc. Bác Malek chính là một người chăn tuần lộc. Bố gặp bác ấy và kể với bác ấy ước mơ của bố. Bác ấy đến Kangik tham gia cùng bố. Bang Alaska cung cấp cho chúng ta thêm vài con bò để gộp cùng với Siku. Vừa hay chúng ta có được một đàn bò và thu

gom *qivit*.

Julie chậm rãi vươn tay và chạm vào Siku. Đôi mắt to đảo theo cô, nhưng con bò không di chuyển.

- Siku - ông nói, cười và xoa mạnh đầu nó. - Mà đã khởi đầu cho tất cả.

Con bò khụt khịt và quay lại đàn. Đàn *uminmak* bỏ đội hình vòng tròn pháo đài và gặm cỏ.

- Bố có bao nhiêu con bò xạ, *Aapa*? - Julie hỏi.

- Bốn con đực và bảy con cái cùng bê một tuổi. Không nhiều, nhưng đàn đang phát triển. Vào tháng Năm hoặc Sáu sẽ có thêm bốn con non nếu như sói không ăn thịt chúng. - Ông nhìn thẳng vào mắt cô.

Julie không nói. Cô đang nghĩ đến cái ngày trên lãnh nguyên khi một chiếc máy bay lao ra khỏi màn sương mù, và với tiếng súng nổ, giết chết Amaroq, thủ lĩnh thông minh và tốt bụng của đàn sói.

Cô quay đi khỏi ánh mắt của Kapugen. Ông đang nói với cô ông đã giết con sói để bảo vệ bò xạ. Ông đang nghĩ đến những người của mình, ánh mắt ông nói vậy, và ánh mắt ấy nói thêm rằng ông sẽ lại làm vậy nếu ông phải làm.

Julie thấy sợ cho Kapu và đàn của nó. Đàn tuần lộc ở đâu thì cô đều rất hy vọng rằng đàn sói của cô sẽ ở đó.

Mặt trời đã mọc được hai tiếng và giờ đang chìm xuống phía sau đường chân trời mù mịt sương băng. Nó rực lên một màu đỏ chói chang, rồi biến mất. Buổi chạng vạng kéo dài của miền cực bao trùm lên đỉnh của thế giới khi Julie

và Kapugen quay về nhà. Trong quãng thời gian ngắn ngủi đi bộ về làng, nhiệt độ giảm đến mười độ. Gió mạnh dần. Kapugen kéo một ít lông tơ từ phần cổ áo trùm *parka*, thấm ướt, và dựng đứng lên trong gió mạnh. Chiếc cổ áo uốn cong và đông cứng thành một lưỡi liềm cong.

- Gió thổi từ hướng tây - ông nói. - Ngày mai sẽ rất êm ả và quang đãng.

Ông đẩy cặp kính râu của mình ra sau và nhìn lên bầu trời.

- Nếu gió không đổi đêm nay, ngày mai bố sẽ bay đi Barrow.

- Để kiểm thức ăn cho *uminmak* ạ?

- Nếu bố có thời gian. Ngày mai bố phải đưa dì đi gặp bác sĩ.

- Dì Ellen ốm ạ? - Cô hỏi đầy quan tâm.

- Dì đang có bầu - Kapugen đáp, và cười tươi, hàm răng của ông sáng trắng ngay cả trong buổi chạng vạng tối tăm.

Có bầu, Julie nghĩ. Một em bé sắp chào đời. Cô vừa vui vừa không vui. Ý nghĩ về một em bé gợi lên những cảm giác ấm áp trong cô, nhưng cô cũng biết mình tìm thấy cha chỉ để lại mất ông lần nữa. Cô đi bên cạnh trong im lặng. Những tiếng sủa xa xa vang lên trong buổi nhá nhem tím thẫm.

- Chó - Julie nói. - Con thường nghe thấy chúng sủa. Là chó của bố à?

- Bố có cả một đàn - ông nói.

- Nhưng bố có xe máy trượt tuyết mà - Julie nói. - Bố đâu cần đến cả đàn chó.

- Bố có xe máy trượt tuyết - ông trả lời. - Nhưng bố yêu chó.

- Con cũng yêu chó - cô nói, nghĩ đến những con vật tuyết vùi là hậu duệ của chó sói.

Ở phía bắc thị trấn, họ đến một gian lều Quonset^[6] lớn. Lều hướng về phía bình nguyên lộng gió bằng phẳng được che chắn bằng một tấm dài toàn những sợi xích sắt.

- Lều máy bay - Kapugen nói, chỉ về phía nhà để máy bay. Đây là nơi đặt chiếc máy bay của cha cô. - Đường băng máy bay - ông nói thêm, ra hiệu về phía đường băng bằng thép tấm đục lỗ. - Bố phải kiểm tra máy bay chuẩn bị cho ngày mai. Con có muốn xem không?

Cô thật sự không muốn. Cô không muốn thấy cái máy bay đã bắn đi những phát đạn chết chóc - không hề. Cô vẫn cảm nhận được nỗi đau về cái chết của Amaroq. Bên trong cái lều *iglu* đó là đôi cánh của một người cha mà cô không hề biết.

Cô tháo găng và thò tay vào túi. Ở đó cô vẫn giữ *totem* của Amaroq mà cô đeo để giữ gìn linh hồn nó sau khi nó chết. Cô nắm chặt *totem* và cảm thấy thoải mái hơn.

- Vào chứ? - Kapugen hỏi.

- Con vẫn đang đi săn - cô nói. - Một con *ptarmigan* sẽ mang lại mùi đồ la và bố có thể mua thức ăn cho Siku.

- Trong đó bố có một kho báu cho con - ông nói, cười rất

tươi chỉ về phía lều Quonset. Julie lùi lại. Cô không muốn nhìn cái máy bay đó. - Bố có chồn *ermine* - ông nói, chìa tay nắm tay cô. - Những con chồn trắng lớp tuyết đẹp. Chúng dành để cho con làm gì đó hợp với con. - Mắt ông nói lên tình yêu thương của ông dành cho cô. - Đi xem chúng nào. Chúng ở trong một cái thùng ngay cửa. Bố định bán cho tay buôn da lông thú ở Fairbanks, nhưng khi con quay về nhà, bố muốn đem chúng bọc quanh người con. Chúng là của con.

Kapugen mở một cánh cửa nhỏ trên cánh cửa to của lều Quonset và giữ yên cho Julie.

- Con phải học cách đi săn - cô nói, lui bước. - Con sẽ mang về cho bố một con cáo hoặc một con *ptarmigan*. Sau đó con sẽ tới xem kho báu của con.

Cô mỉm cười và vòng ra góc lều Quonset. Kapugen đi vào bên trong và đóng cửa lại.

Một con sói tru lên.

Julie nhắm mắt lại và ước rằng ngày mai sẽ quang đãng và không có gió để cái con chim sắt đưa bố Kapugen và dì Ellen tới Barrow. Một ngày ở một mình sẽ cho cô cơ hội gọi đàn sói của mình và bảo chúng tránh xa khỏi người thợ săn sẽ bảo vệ đàn bò của mình bằng mọi giá.

ooo

Một tiếng trước khi Kapugen lên đường đi Barrow, gió thay đổi.

Mây tối sẫm bầu trời phía trên làng Kangik, và Kapugen thay đổi kế hoạch.

- Hôm nay chúng ta sẽ ở nhà - ông nói, nhìn ra ngoài cửa sổ khi một trận gió lốc thổi tuyết trắng xóa cả thị trấn.

Kế hoạch của Julie cũng thay đổi. Cô không thể cảnh báo cho Kapu. Cô nằm bẹp trên chiếc *iglek* và nghĩ về đàn sói của mình. Chúng sẽ thu mình lại trong những đụn tuyết, mũi rúc vào đuôi, chân thu lại dưới mình. Chẳng mấy chốc chúng sẽ trắng như tuyết. Cô mỉm cười. Hôm nay chúng sẽ không săn đuổi bò xạ.

Julie nhặt chiếc áo trùm *parka* mà cô khâu để thay cho chiếc áo cũ của mình và bắt đầu một đường khâu nối. Cô sẽ lót áo bằng lông tuần lộc, lớp lót tốt nhất. Khi xong, cô có thể ra ngoài trong nhiệt độ âm năm mươi độ và ấm áp chẳng kém gì đàn sói của mình.

Dì Ellen, vốn đã ăn mặc sẵn sàng cho chuyến đi tới Barrow, đã thay lại *qaliguuraq*, bộ váy Eskimo dài có những diềm xếp nếp sâu ở hai bên. Rồi dì bật bộ đàm CB.

- Các bạn nhỏ ở Kangik - cô nói bằng giọng Mỹ lạnh lạnh. - Hôm nay vẫn có buổi học. Các con có nghe thấy cô không, Roy, Ernie, Edna, Benjamin, Larry? Hôm nay sẽ vẫn đi học nhé. Hết.

Dì bật công tắc nhận.

- Chào cô, cô Ellen, chào cô ạ - một giọng trẻ con vang lên. - Con nghe cô rất to và rõ ạ. Hôm nay đi học. Hết ạ.

Giọng thằng bé nghe rất sung sướng.

Dì Ellen với lấy túi sách vở và mở cửa sang gian sảnh *qanitchaq*. Khi dì đi qua *iglek*, lần đầu tiên Julie mới chú ý đến vóc dáng dì. Bụng dì tròn vo phình lên dưới chiếc váy *qaliguuraq*. Julie thắc mắc liệu em bé sẽ có mái tóc đỏ hay không.

Ra đến cửa, dì Ellen ngấp ngừng và quay sang Kapugen.

- Anh Kapugen - dì nói, nhìn Julie - anh có thể hỏi xem Julie có muốn đến trường cùng em hôm nay không? Con bé không hiểu tiếng Anh. Làm ơn nói với con bé em rất vui được đi cùng con.

- Miyax - ông nhẹ nhàng nói - *minuaqtugvik*?

Julie lắc đầu để trả lời không.

Đôi mắt xám nhạt của dì Ellen ánh lên. Dì đề nghị bố Kapugen cứ kiên nhẫn. Ông mỉm cười và dịu dàng hôn lên má dì, nhưng không bắt Julie phải tuân lệnh.

Dì Ellen nhún vai. Khi dì mở cửa ngoài, gió xộc vào, khua cánh cửa trong kêu lạch cạch; rồi dì Ellen đi. Julie và Kapugen ngồi lại trong im lặng. Kapugen lật một cuốn sổ bên trong ông ghi những món đồ mà người làng nhờ ông bán ở Fairbanks. Ông mở sổ và chậm rãi đóng lại.

- Ta đi câu cá, Miyax - ông nói. - Chúng ta có thể câu cá trong bão mà. Nhà ta cần thêm cá cho đàn chó và cả dân làng nữa.

Julie tuột xuống sàn.

- Con thích việc đó - cô nói.

- Khi ta có nhiều *lqaluk* - Kapugen nói - chúng ta sẽ cất giữ trong hầm thú săn của bố.

Julie gật đầu. Những cái hầm đào sâu trong lớp đất đóng băng vĩnh cửu giữ cho cá và thú săn đông cứng cả mùa đông lẫn mùa hè.

- Khi nào bố con ta xong - ông nói tiếp - con sẽ đưa đàn chó đến trại vịt tập chạy chứ? Chúng cần luyện tập.

- Con thích làm việc đó - Julie nói, cố gắng không tỏ ra quá háo hức. Đây là cơ hội để ra ngoài lãnh nguyên và hút sữa cảnh báo cho đàn sói của cô tránh đi.

- Bố sẽ câu cá cùng con cho tới buổi trưa - Kapugen nói khi cô chuẩn bị. - Sau đó bố sẽ phải về. Bố đang đợi một cuộc gọi vào buổi trưa từ Chủ tịch Ban giám đốc Công ty Kangik Inupiat.

- Làm sao con tìm được trại vịt? - Julie hỏi. Cô chẳng màng tới cái chức danh quyền uy nghe có vẻ cao xa có khả năng kéo cha cô ngừng câu cá để về nhà.

- Đàn chó biết đường mà - ông nói. - Con chó đen-trắng có lông mày trắng là CB, chó đầu đàn. Nó sẽ đưa con tới đó và quay về.

- Thế thì tốt quá - Julie nói, và mặc áo trùm *parka* ấm áp rồi đi ửng.

Trong màn tuyết rơi yên tĩnh, Kapugen và Julie mang lưới đánh cá và dao đẽo băng ra mặt sông băng. Kapugen dùng con dao chuyên dụng của đàn ông cắt các khối tuyết và chất thành một bức tường chắn gió. Rồi ông mở vài cái

hố trên lớp băng dày - chúng đã bị đóng băng kín kể từ lần sử dụng trước đó. Ông buộc chắc một đầu tấm lưới mang cá^[7] bên trên băng, rồi thả lưới vào một hố. Ông đi tới hố tiếp theo, khua một cây sào dài có móc vào bên trong, móc tấm lưới và kéo lên. Ông buộc chắc một bên lưới vào một cây cọc và lại thả lưới xuống. Miệng tự ư ử, ông đi từ hố này sang hố khác. Loáng cái ông đã tới hố cuối cùng và buộc chắc đoạn cuối lưới vào một cây cọc khác. Rồi ông quay trở lại dọc theo đường đó và nhổ hết các cọc trừ cái đầu tiên và cuối cùng. Tấm lưới buông căng bên dưới băng.

- Ông nội bố dạy bố cách thả lưới - ông nói. - Và bố của ông lại dạy ông. Truyền lại tới con của con, Miyax ạ. Đó là một cách rất tốt, phải.

- Con sẽ làm vậy, *Aapa* - cô nói. - Con sẽ làm.

Kapugen trải tấm da tuần lộc và họ ngồi trong nhà tạm ẩn làm bằng những khối tuyết ngấm mây, dòng sông trắng xóa và cả vùng đất.

Đợi một lúc lâu Kapugen lắc nhẹ tấm lưới và cảm thấy có cá. Ông cùng Julie kéo lưới qua hố đầu tiên, rộng hơn những hố còn lại. Khoảng sáu mươi con cá bạc nhảy tung tung trên băng. Kapugen gỡ chúng khỏi lưới bằng tay trần và nhét cả vào một chiếc túi dây bện. Julie kéo túi vào hầm băng và thả xuống đó. Họ cùng bố trí lại lưới và ngồi trên tấm da tuần lộc. Với số que canh họ mang theo từ nhà, Kapugen nhóm một đồng lửa nhỏ. Những bức tường trắng phản chiếu lại sức nóng của ngọn lửa, và chẳng mấy chốc họ đều thấy ấm hẳn. Julie lấy ra một ít thịt tuần lộc khô và

một miếng *maktak*^[8] cá voi đông cứng. Họ im lặng cùng ăn; nhìn tuyết rơi quanh mình.

Họ chuyển phẩm lúc đợi kéo thêm cá ra khỏi vùng nước tối dưới băng. Mùi hơi của cha mà cô còn nhớ thấm vào Julie, và cô thấy hoàn toàn hài lòng. Kapugen pha cho mỗi người một tách trà, và dường như giữa họ chưa bao giờ có nhiều năm dài chia xa.

Tuyết rơi nhẹ dần cho tới khi chỉ còn những chớp băng nhỏ xíu lơ lửng trong không khí. Ngay trước buổi trưa Kapugen quay về nhà để đợi cuộc điện thoại. Julie kéo thêm vài mẻ cá nữa và sau đó đi đóng cương cho đàn chó.

Cô tìm thấy sáu con chó kéo xe *malamute* Alaska của bố Kapugen đang sau lều Quonset. Chúng nhiệt thành chào đón cô, rồi bật lên những tiếng sủa phấn khích khi cô lấy một bộ cương khỏi chiếc móc phía sau nhà để máy bay. Chúng biết chúng sắp được chạy. Mỗi con chó đều có tên ghi trên dây cương và cổ. Cô học thuộc tên chúng trước khi kéo xe trượt ra chỗ trống và buộc vào dây kéo. Cô căng dây kéo trên mặt tuyết, tìm cương của CB, và buộc vào nó. Tiếp đến cô cài bộ thắng trên xe trượt. Mỗi con chó mà cô đóng cương đều nhảy nhót và kéo dây cho tới khi cô thôi nói chuyện với chúng bằng tiếng Yupik mà nói với chúng bằng tiếng sói. Cô đóng rọ mõm chúng để cho chúng biết cô mới là người có quyền. Chúng nhìn cô vẻ tò mò và đứng yên. Cô phải quát con chó có tên Minnesota, mà cô đoán là con chó của dì Ellen. Khi việc đó không hiệu quả, cô gầm gừ với nó và nhe răng ra. Minnesota lắng đi và thôi táp CB.

Julie ôm một con chó hiền lành, con Snowbird, rồi buộc vòng cổ nó vào dây kéo chính. Nó ư ử tỏ ý thân thiện. Khi tất cả đều được đóng cương nhưng cô chưa kịp bước lên vành trượt ở phía sau xe trượt, thì CB thành linh vọt về phía trước rất khỏe, nó kéo tung bộ thắng vắng ra tuyết. Cả đàn ồ ra.

Julie chạy theo, túm lấy xe trượt, và nhảy lên xe, ném toàn bộ trọng lượng của mình lên bộ thắng, đạp cái ngạnh gỗ dài sâu xuống tuyết. Cả đàn dừng lại. Cô đi tới chỗ CB, hai tay vươn ra để làm cho cô trông to lớn và đầy sức hăm dọa. Cô áp miệng lên rọ mõm của nó, rồi nhìn thẳng vào mắt nó.

- Tao mới là chủ - cô nói. CB cúp đuôi và tai vể khuất phục, rồi liếm mặt cô. Cô cười, xoa tai nó, và chậm rãi đi đến phía sau xe trượt, sẵn sàng gầm gừ nếu CB nhúc nhích. Khi cô đi qua, các thành viên của đàn đều vẫy đuôi và ư ử với cô.

- Tớ cũng yêu các cậu - Julie nói, thấy hạnh phúc khi được nói chuyện với những người anh em họ này của đàn sói.

Khi cô đến đoạn cuối dây kéo, cô chậm rãi bước lên vành trượt lần nữa. CB và đàn của nó đều tôn trọng đợi lệnh. Julie kéo bộ thắng ra khỏi tuyết nhưng chưa ra mệnh lệnh đi. Đàn chó nhìn lại cô để xem có chuyện gì. Cô đứng thật cao, đầu ở tư thế uy quyền của Amaroq, con sói đã dẫn dắt bầy đàn của nó bằng thứ ngôn ngữ quyền lực im lặng này. Đàn chó nhìn và ve vẩy đuôi. Cô cười.

- *Hut* - cô cất tiếng, và cả đàn khởi hành.

Cô cho chúng dừng lại chỗ chiếc xuống màu xanh của bố Kapugen để bảo đảm cô vẫn nắm quyền điều khiển. CB lại đột ngột xô tới trước. Julie gầm gừ. Nó nhìn lại cô, mỉm cười với cái miệng há ra, và vẫy đuôi một lần. Nó đang nói rằng nó xin lỗi vì đã đùa bỡn cô.

Kapugen, lúc này đang đứng nhìn qua cửa sổ, thấy Julie và đàn chó đang nói chuyện. Ông cười tươi sung sướng. Tinh thần của thế giới hoang dã sống trong con gái ông.

- *Hut* - Julie lên tiếng, và CB cùng đàn lại bắt đầu chạy. Chẳng mấy chốc chúng đã bỏ làng Kangik phía sau.

Qua những đốm tuyết Julie quét mắt dọc đường chân trời tìm đàn sói của mình. Cô dừng lại chỗ cổng bãi quây gia súc để xem liệu chúng có ở đó không. Tuyết đã phủ kín những dấu chân hằn sâu của đàn bò. Dấu chân ăn nông của đàn sói cũng bị lấp kín.

- *Hutl* - Cô lên tiếng, và chiếc xe trượt giạt mạnh về phía trước. Minnesota kéo về bên trái và chiếc xe chao nghiêng. Julie sắp ngã nhào thì CB giạt về bên phải và chiếc xe hạ trở lại đều trên cả hai vành trượt. Chăm chú với công việc, nó dẫn đầu với bước chạy phù hợp cho một chuyến đi dài. Khi xe trượt lạng lẽ lướt ra lãnh nguyên bằng phẳng, Minnesota nhìn xéo lại Julie.

- *Ha* - Julie quát to với nó - tao vẫn ở đây. Mà không hất tao ngã được đâu.

Cô cười, Minnesota duỗi thẳng đuôi để nói rằng nó rất

thất vọng, và CB tiếp tục dẫn đầu, giờ chăm chú lắng nghe hiệu lệnh của Julie. Cô không cần phải ra lệnh nữa. Con chó thính nhạy cứ theo lối mòn mặc dù lối ấy đã bị vùi dưới tuyết.

Đi thêm năm dặm, CB kéo Julie và xe trượt vào trại vịt. Nó dừng lại trước một cụm lều nhỏ chỗ một khúc cong của sông Avalik. Chúng gần như đã bị tuyết bay phủ kín.

Julie tháo đôi giày đạp tuyết trên xe trượt, đi vào chân, và lạch bạch đi tới một túp lều để tìm kiếm dấu đàn sói.

- *Grrf*. - Cô cứng người. Con gấu xám *aklaq* xuất hiện ngay góc và khịt khịt cảnh báo. Lóng ngóng trong đôi giày đạp tuyết, Julie chạy theo lối ngược lại khuất sau lều. Con gấu dừng lại và tìm kiếm cô. Julie cũng dừng lại. Giờ cô có túp lều ở giữa con gấu và xe trượt. Thò tay vào túi tìm một ít *maktak* chưa ăn, cô ném mạnh qua lều và chạy nhanh tới chỗ xe trượt.

Con gấu dừng lại và nghiêng ngấu miếng mỡ cá voi.

- *Hut!* - Julie hô, túm chặt lấy những sợi dây của xe kéo. Đàn chó không cần đến mệnh lệnh thứ hai.

Chúng đã ngửi thấy mùi gấu xám. Chúng chạy. Julie tung mình lên xe trượt, tháo giày đạp tuyết, và leo lên tấm ván hậu để đứng hẳn trên vành trượt. Cô và đàn chó chạy khỏi con gấu được một phần tư dặm thì cô cho chúng dừng và nhìn lại phía sau. Không còn để tâm đến Julie nữa, con *aklaq* đang đào bới tuyết để tìm thêm *maktak*. Rất hài lòng, Julie cho đàn chó chạy tiếp.

- Dừng lại - Julie hô trước khi đàn chó chạy được thêm một phần tư dặm nữa. Chúng tuân lệnh, nhưng CB nhìn lại cô như thể nói cô mất trí mới dừng lại khi mùi gấu xám vẫn còn弥漫 trong gió.

Julie đã nhìn thấy hai con gấu con một tuổi. Chúng đang đào bới gần một cái hang trên bờ sông Avalik. Kapugen nói đúng: Con gấu mẹ thức giấc sớm, có lẽ vì các con nó đói. Điều này không hay. Con *amaq* đói có thể dễ dàng phá đổ hàng rào bãi quây gia súc và bắt một con bò xạ.

Julie lại cho đàn chó chạy, hô "*Haw*" (trái) ngay khi chúng di chuyển.

CB không để ý. Nó chạy thẳng về phía trước. Nó không muốn quay lại chỗ lũ gấu.

- *Haw* - Julie hô thật lớn. Cuối cùng CB cũng kéo sang trái. Hai con chó đi đầu kéo sang phải. Chiếc xe lao đảo và chao nghiêng.

- *Haw* - Julie gầm gừ. Cả đàn đi sang trái, nhưng quá trễ. Xe nghiêng đi.

- *Gee* - Julie hô, và đàn chó, dây kéo, cùng chiếc xe thẳng băng lại và di chuyển ổn định. Đến lúc này, họ đã ở cách xa mấy con gấu con to lớn, và CB giữ đúng lộ trình Julie đã ra lệnh cho nó, tiến về phía bắc lãnh nguyên.

Họ đang di chuyển rất ngon lành thì Minnesota gầm gừ với bạn nó, Snowbird, rồi nhảy xổ lên cổ nó. Julie hú lên một hiệu lệnh của sói. Chúng ngừng đánh nhau.

CB dẫn cả đàn vượt khung cảnh tuyết trắng suốt gần một giờ trong khi Julie quét nhìn khắp các gò và dốc băng để tìm đàn sói. Không nhìn thấy Kapu và đàn của nó ở đâu cả, không thấy bất kỳ con cáo hay con sói nào. Julie thấy rõ rằng nguồn thức ăn duy nhất cho sói ở khu vực mênh mông này là bò xạ.

Một con quạ bay trên đầu. Julie cho dừng đàn chó để quan sát sinh vật đưa tin này của lãnh nguyên. Đàn chó nằm xuống thở hổn hển, mặc dù nhiệt độ âm mười độ.

Chúng cạp tuyết để dịu bớt cơn khát.

Quạ, theo Julie biết, là loài đầu tiên tìm thấy con mồi đã bị sói hạ và chia sẻ bữa tiệc với chúng. Những thợ săn *Eskimo* biết câu chuyện này và cứ theo những con chim đen to lớn này để tìm chó sói. Julie đoán con chim đang bay này có thể nhìn thấy trong vòng mười lăm dặm ở mọi phía. Vì nó đang lượn vòng tròn và vỗ cánh nên chắc hẳn nó chưa nhìn thấy con mồi của sói; nó sẽ bay thành một đường thẳng tới chỗ thức ăn. Con quạ vỗ cánh và nhào xuống, có nghĩa là nó đang săn lữ thú^[9]. Julie thấy thất vọng. Ít nhất trong vòng mười lăm dặm ở mọi phía không hề có chó sói. Cô quay lại.

Có tiếng gầm gừ vọng đến tai cô từ phía một trảng tuyết và một chiếc xe máy trượt tuyết xuất hiện. Cô vẫy tay.

Người lái xe cho xe dừng lại bên cạnh xe trượt của Julie, nhưng phải chờ tới khi người đàn ông đẩy cặp kính râm đi tuyết của mình ra sau thì cô mới nhận ra Atik.

- Thời tiết đẹp rồi - cô nói. - Chú đi săn à?

- Chú đang tìm kiếm tuần lộc - ông ấy nói. - Giờ lẽ ra những con cái đang tìm tới Kangik. Chúng đi trước những con đực. Chúng sẽ đẻ con trên lãnh nguyên vào tháng Năm.

- Chú có tìm được con nào không? - Cô háo hức hỏi.

- Không hề thấy tuần lộc từ Kangik tới Anaktu-vuk, cách nhau hơn hai trăm dặm - ông ấy nói. - Chú vừa nói chuyện với David Bradford, chủ cửa hàng Cá và Thú săn Alaska. Ông ấy nói với chú như vậy. Ông ấy cho trực thăng hạ xuống gần chú. Ông ấy nói ông ấy nghe thấy tín hiệu của một chiếc vòng cổ vô tuyến mà ông ấy đã đeo lên đàn nai sừng tấm để biết nơi chúng di chuyển.

- Thế nai sừng tấm ở đâu ạ? - Julie hỏi với vẻ phấn khích.

- Không hề có nai sừng tấm - ông ấy đáp. - Cái vòng cổ đã rớt. Ông ấy tìm thấy nó trên mặt đất. Thỉnh thoảng việc đó vẫn xảy ra, ông ấy nói vậy.

Julie quét nhìn đường chân trời mờ mịt.

- Chú có nghĩ tuần lộc sẽ về Kangik năm nay không? - Cô hỏi.

- Chúng sẽ không về đâu. Tệ quá - Atik nói. - Làng Kangik sẽ khốn khổ.

- Khi cháu gặp chú lần đầu chỗ dòng sông - cô nói đầy hy vọng - cháu có kể cho chú về một đàn nhỏ mà cháu nhìn thấy. Chú có tìm thấy chúng không?

- Chú không thấy - ông ấy nói. Julie rất ngạc nhiên. -
Chú có nhìn thấy dấu vết của chúng - Atik nói. - Chúng mất
hút ở khu vực khe cạn.

- Hôm nay chú có thấy con sói nào không? - Cô lại hỏi.

- David Bradford có nhìn thấy một đàn từ trên trực
thăng - Atik nói.

Tim Julie đập thành thịch.

- Chúng ở đâu ạ?

- Không xa đây lắm. Ông ấy nói con đầu đàn là một con
màu đen to lớn.

- Kapu - Julie kêu khẽ. - Chú ấy có nói đàn có bao nhiêu
con sói không ạ?

- Ông ấy bảo tám con.

- Tám con ạ?

- Ông ấy nhìn thấy con sói đen và một con màu trắng
cùng ba con xám sẫm, ba con xám nhạt.

Con sói trắng là Ánh Bạc, cô tự nhủ. Ba con sói xám
nhạt là Zit, Zat, và Zing, giờ đã lớn hẳn. Mấy con xám sẫm
là Móng Vuốt và Em Gái, nhưng còn con sói xám sẫm thứ
ba là con nào, Julie thắc mắc. Hay Kapu đã có bạn đời? Nói
cho cùng, nó đã đến lúc sinh con.

Atik nhận thấy bầu trời màu đỏ tươi và chuyển sang
màu xanh đen. Mặt trời đã xuống dưới đường chân trời.
Buổi chạng vạng kéo dài đã hết và đêm đã xuống. Ông ấy
gật đầu chào Julie và phóng đi.

CB nhìn ông ấy đi khỏi rồi nhìn Julie.

- Được rồi, CB - cô nói. - *Hut!*

Cô lại cho chúng chạy thẳng ra lãnh nguyên. Cô mỉm cười với đàn chó đầy háo hức, cứ liên tục nhìn lại cô vẻ thắc mắc tại sao cô lại không về nhà.

- Vòng tránh lũ gấu - cô hô. Sau một lúc, cô hô "*Haw*" và cho chúng quay trở lại bờ sông. CB phấn khởi vọt chạy. Âm thanh duy nhất khi mặt trăng lên là tiếng rít của vành trượt và tiếng thở của đàn chó.

Julie hất đầu ra sau và tận hưởng vẻ đẹp lạnh giá của ban đêm. Mặc dù cô cũng rất lo. Đàn sói của cô ở gần đây và thức ăn duy nhất của chúng là bò xạ.

ooo

Suốt tháng Hai, tháng Ba và đầu tháng Tư, đàn sói không hề gọi. Julie thấy nhẹ nhõm. Cô coi sự im lặng của chúng nghĩa là chúng đang săn tuần lộc ở Rặng Brooks, khoảng tám mươi dặm về phía nam. Nhưng đúng như Atik dự đoán, điều này cũng có nghĩa là không có tuần lộc đi qua Kangik trong năm nay. Đó không phải là một tin tốt lành. Các gia đình cần bốn hoặc năm con tuần lộc mỗi năm để duy trì sự sống đều rời khỏi Kangik và chuyển tới chỗ họ hàng ở các thị trấn lớn hơn. Các nhà khác thì rong ruổi tìm thực phẩm như họ vẫn làm trước khi người da trắng đến Alaska. Atik đi ra bờ biển và mang về một con hải mã cho gia đình mình. Malek thì lên kế hoạch đi bắt cá voi

trên biển băng.

Một buổi sáng Peter đến nhà Kapugen và Julie ra mở cửa.

- Bố Kapugen đang ở Fairbanks - cô nói.

- Thế thì tệ quá, phải. - Đôi mày đen của Peter nhú lại. - Bố Malek và anh được mời tham gia đoàn săn cá voi ở Wainwright. Anh hy vọng có thể để bò xạ cho chú Kapugen chăm sóc vài tuần. Anh thấy là không thể được rồi. Chú ấy đi vắng còn hôm nay bố Malek sẽ lên đường.

Anh quay người định đi.

- Em sẽ chăm sóc đàn *uminmak* cho... - Cô nói.

Anh ấy xoay người lại rất nhanh.

- Thật ư? - Hàm răng đều tăm tắp của anh ánh lên trắng lóa, nổi bật trên làn da nâu khi anh cười hớn hở. - Dân làng đều rất thèm *maktak*, Miyax - anh nói. - Họ cần có mỡ và da cá voi để vực tinh thần dậy. Họ đều sẽ cảm ơn em nếu bọn anh gặp may.

- Cứ đi đi - cô nói. - Em thích ra ngoài với đàn bò trên lãnh nguyên, và em biết phải làm gì. Bố Kapugen đã dạy em.

- *Ee-lie* - anh nói, và giơ cao hai tay để khen ngợi. Anh chạy vụt đi rất nhanh và nhẹ nhàng như một con chim lãnh nguyên.

Khi anh đi khỏi, cô tự hỏi tại sao mình lại không hề chửi anh khi anh gọi cô là Miyax.

Buổi chiều hôm đó cô tiếp quản công việc chăm bò xạ. Đó là một ngày dễ chịu. Cô buộc đàn chó vào một chiếc xe trượt chất đầy cỏ khô và những viên linh lăng rồi chạy tới bãi quây. Cô đếm lại đàn bò, như bố Kapugen vẫn luôn làm vậy, và nhận thấy cỏ đang nhú lên qua lớp tuyết tan dần. Sau đó, cứ theo nếp của bố Kapugen, cô cho đàn chó chạy vòng quanh bãi quây để bảo đảm không có con thú táo gan với thân hình cơ bắp nào phá hỏng hàng rào. Cuối cùng, công việc xong xuôi, cô cho đàn chó chạy sang phía đông và men theo bờ sông. Không khí rất lạnh, hơi thở đóng băng của đàn chó để lại một đám hơi dài màu trắng phía sau.

Đến trại vịt cô dừng lại và lắng nghe tiếng Kapu và đàn sói. Cô chẳng nghe thấy gì.

- Chúng đi rồi - cô sung sướng, rồi nói thêm - tránh xa nhé, Kapu thân yêu, tránh xa nhé.

Khi cô đánh xe về nhà, hoàn toàn chẳng lo lắng, cô cảm thấy giống như một con sói đang chạy cả quãng đường dài đầy sung sướng. Gió thổi hất chiếc cổ áo lông sói của cô về phía sau, cô nghiêng người về phía trước và hát bài hát *qimmicy* loài chó, của mình.

- Qimmiq thông minh, qimmiq dũng cảm.

Hãy vểnh đuôi mà chạy. Hãy vểnh đuôi mà chạy.

Khi gió cắt và cái lạnh tê cóng

Hãy cứ vểnh đuôi mà chạy. Chạy đi, qimmiq, chạy đi

Trong trời bão bùng của cuộc đời,

Hãy vểnh đuôi mà chạy.

EeAie, eeAie, eeAie, eeAie.

La, la, la la.

Đàn chó ve vẩy đuôi theo nhịp ca khúc và thỉnh thoảng nhìn lại Julie, mỉm cười.

Dì Ellen đóng cửa trường học vào giữa tháng Tư. Mùa săn đã bắt đầu. Những phụ huynh không đi ra biển săn cá voi và hải cẩu đều đưa con cái vào sâu lục địa tới trại vịt. Giống thủy cầm đang trở lại từ phương nam thành từng vệt đen kéo dài. Cứ khoảng nửa giờ, một đàn vài nghìn con vịt biển lại bay qua phía trên làng Kangik, là là rất thấp sát mặt đất và phía trên những ngôi nhà khi chúng di trú về nhà. Julie ngấm nhìn chúng, đầu cô ngả ra sau, mắt cô khép hờ, và cô tự hỏi phép màu nào đã mang chúng trở lại mỗi năm.

Vào một ngày nắng tháng Năm, trước khi mặt trời nhô lên và ở yên trong suốt ba tháng trời, bác Harry Ulugaq lái xe tới nhà Kapugen trên chiếc mô tô ba bánh của mình. Bác mang theo một cái sọt để nhờ Kapugen bán ở Fairbanks. Nó được đan từ những thanh nan rất đẹp mà bác Harry rọc ra từ một tấm sừng hàm, chính là những phen lọc hẹp và dài trong miệng của cá voi đầu cong.

- Bảo tàng sẽ rất thích thứ này - Kapugen nói sau khi suýt xoa nước bóng của chất sừng đen nhánh và sự đẳng đối của tác phẩm nghệ thuật. - Nhưng có thể tôi sẽ kiếm

được nhiều hơn từ một tay sưu tập - có lẽ ba nghìn rưỡi đô la đấy.

Bác Harry gật đầu. Bác là một trong những nghệ nhân chế tác sừng hàm cá voi cuối cùng trên bờ biển Bắc Cực và là người biết rõ giá trị tay nghề của mình. Nhưng ngày hôm nay trong tâm trí bác có những chuyện phần khởi hơn là tiền bạc. Sau khi Kapugen vào sổ chiếc sọt và giá trị của nó, bác Harry đi tới cửa sổ và chỉ về phía Vịnh Kuk.

- Chúng ta may rồi - bác nói khi Julie đến bên cạnh bác.
- Một trận bão nam đã mang cả triệu con cá ốt me tới ngoài khơi phía cuối vùng biển Vịnh Kuk. - Mắt bác lấp lánh. - Thật vui.

- Rất nhiều đồ ăn ngon - Kapugen nói. - Tôi có thị trường mua cá ốt me rất được. Nhiều gia đình ở Barrow xem đó là thứ đồ ăn ngon.

Khi Kapugen tiễn bác Harry Ulugaq ra cửa, ông quay lại phía Julie và dì Ellen.

- Đến lúc cả nhà ta đi bắt cá rồi - ông cười rạng rỡ nói. - Đánh cá ốt me vui lắm, thật thế.

- Thế ai sẽ cho bò xạ ăn ạ? - Julie hỏi.

- Hôm nay bố cho chúng ăn no rồi - Kapugen nói. - Chúng ta không đi lâu đâu. Cỏ mọc rất nhanh khi có nắng mới, và chúng sẽ tìm được rất nhiều cỏ để ăn.

- Tốt quá - dì Ellen nói, lấy thùng đồ ăn đi xa xuống. - Em sẽ chuẩn bị đủ thức ăn cho một tuần. Anh Kapugen, lấy lều và túi ngủ nhé.

Trại cá ốt me rất nhộn nhịp. Các gia đình ngủ trong lều và hòa lẫn với nhau ở ngoài trời. Julie dễ dàng hòa nhập vào nhịp sống cộng đồng. Cô và lũ trẻ lớn tuổi giúp kéo lưới, làm sạch và mổ cá, rồi xếp lên các giàn phơi. Hai hay ba ngày sau, khi cá khô nhờ nắng và gió, họ giúp xếp cá vào các thùng.

Khi thủy triều lên, Julie đi tới bờ biển để ngắm từng đàn cá ốt me lấp lánh bơi vào từ phía biển. Khi thủy triều rút, Julie và các bạn cô lội xuống bãi biển với nước triều rút để tìm trong các vũng sâu cả nghìn con cá mắc kẹt lại. Họ sẽ quăng lưới phủ lên chúng, cánh đàn ông và phụ nữ sẽ vội vã từ trại tới giúp kéo cá lên khỏi nước và đưa lên các giàn phơi.

Giữa các đợt triều, đám thanh thiếu niên phóng xe máy trượt tuyết ra lãnh nguyên hoặc quay trở lại kho làng Kangik để lấy thêm khí đốt và nhu yếu phẩm. thỉnh thoảng Julie đi cùng họ, nhưng cô thích chèo chiếc *umiaq* dọc theo triền băng vẫn còn đầy ở phía trên vịnh và ngắm đàn đàn lũ lũ chim chóc làm tổ và bảo vệ lãnh thổ. Julie cũng thích nhìn các nhánh nước phụ để xem có cá hồi xám^[10], loài cá mà bố Kapugen ưa thích, đẻ trứng trong các vũng nông không.

Ở trại cá, chẳng có ai xem đồng hồ cả. Mặt trời mọc gần như hai tư giờ mỗi ngày. Trẻ con ngủ và ăn khi chúng cảm thấy muốn vậy. Người lớn thì ngủ khi thủy triều lên và bắt cá khi triều rút. Xen giữa lúc làm việc và ngủ, người lớn cùng trẻ con chơi đá cao một chân - một trò chơi bằng

cách đá một quả bóng lông thú trên một sợi dây da treo cao hơn đầu họ khoảng nửa mét. Họ chèo thuyền *kayak* và đuổi nhau như lũ sói non. Bác Harry Ulugaq tổ chức chơi bóng chày, và sau đó tất cả mọi người nhảy múa trong mấy tiếng thăm trời trước lúc mặt trời lặn chốc lát.

Khi đổi gió, cá ốt me không trở lại Vịnh Kuk nữa. Các lều được hạ xuống, và những thùng cá khô được chất lên các xe máy trượt tuyết và đưa về các hầm trữ hoặc tới lều Quonset để chở bằng máy bay tới Fairbanks và Barrow.

Buổi tối hôm đó có một tin nhắn vô tuyến đến từ những người Eskimo ở Đèo Anaktuvuk. Họ báo rằng đàn tuần lộc phía tây đang di chuyển lên phía bắc dọc biên giới cực đông của cái vòng tròn lớn mà chúng đi từ nam lên bắc rồi xuống nam. Chúng sẽ không đi qua làng Kangik. Nghe xong từ cuối cùng, nhiều gia đình đổ ra bờ biển để săn hải cẩu và cá tầm trắng.

Ngày 10 tháng Năm, mặt trời không lặn. Cực Bắc nghiêng hẳn về phía mặt trời trong ba tháng tới. Cáo trắng chuyển thành màu nâu xám còn chim *ptarmigan* lấm lem những sợi lông trắng và xám lam để hợp với cảnh quan lãnh nguyên loang lổ cỏ và tuyết. Những con chim sẻ tuyết đen trắng tuyệt đẹp từ phương nam trở lại và nhảy lách chách khắp các đường phố trong làng. Cho chúng ăn vụn bánh mì là lý do để Julie chạy ra ngoài và ngược bờ sông lắng nghe tiếng đàn sói của cô. Chúng không hề gọi.

Một ngày quang đãng cuối tháng Năm, Kapugen sắp xếp để bay tới Fairbanks tham dự một cuộc họp của lãnh

đạo công ty và các chủ ngân hàng. Ông cẩn thận bọc chiếc vỏ súng cá voi của bác Harry, một cái áo len rất đẹp, và da sống của bốn con cáo tuyết đã nộp mình cho Julie. Cô đã lột da và chuẩn bị chỗ da này đem bán sau khi đã lấy thịt hầm cho cả nhà. Cô nhắc bố Kapugen mua thức ăn viên cho bò xạ bằng tiền họ mang theo.

- Như thế sẽ giúp cho công việc - cô nói, vẫn có gì đó không chắc trước những gì cô đang nói.

Julie đang bắt cá thì Kapugen, với số lông thú và đồ tạo tác gói gọn trên lưng, đi xuống bờ sông để nói chuyện với cô. Mặt trời mọc liên tục đã làm băng mềm đi, và quá nguy hiểm khi đứng trên đó bắt cá. Băng vỡ xảy ra đến nơi.

- Miyax - ông nói - kế hoạch của bố thay đổi. Bác Harry Ulugaq ốm nặng. Bố sẽ đưa bác ấy tới bệnh viện ở Barrow. Ông bước vài bước lại gần hơn. - Bố rất lo cho Siku. Sáng nay bố đã kiểm tra nó. Nó rống ồ ồ và con bê của nó chưa đến ngày sinh trong vòng nhiều tuần nữa, bố nghĩ vậy. Bố không thể ở nhà để giúp nó.

- Con sẽ tới chỗ Siku - Julie nói, và theo ông vào nhà.

Dì Ellen, đang nghe nhạc trên chiếc máy cassette của mình, vặn nhỏ âm lượng để nghe Kapugen nói với dì rằng Julie sẽ ra chỗ bãi quây để kiểm tra con Siku. Rồi ông quay sang Julie, đưa cô mấy viên thuốc để trấn an con bò yêu quý của ông, và chỉ cho cô cách làm cho Siku nuốt thuốc.

- Mà Miyax này - ông nói khi đi qua phòng - tốt hơn con nên đi bộ. Gần bốn mươi độ, quá nóng không thể chạy bằng chó được.

Ông vội vã đi ra cửa, chỉ còn lại Julie và dì Ellen. Dì Ellen nhìn Julie gói chỗ thuốc; con dao *ulu* nữ của cô; kim chỉ; và một bộ quần áo để thay đổi.

- Dì sẽ đi cùng con, Julie - dì nói bằng tiếng Yupik dễ hiểu nhất. - Dì cần tập luyện.

Julie đã nghe nói chuyện sinh nở của dì Ellen, và mặc dù Julie có thể dễ dàng nói chuyện với dì bằng tiếng Anh nhưng cô không nói. Trong lòng cô vẫn không thấy muốn nói tiếng Anh với dì Ellen. Thay vào đó, cô gặt đầu.

Dì Ellen mặc rất ấm với nhiều lớp áo len, áo trùm *parka*, quần chần và ủng da hải cẩu lót lông thú. Vẫn đang tháng Năm, nhưng thời tiết thường lại hay chơi khăm.

Julie mở tủ lạnh của nhà và xếp gọn phô mai và bánh mỳ vào ba lô của mình. Vì cô không biết Siku còn gặp rắc rối bao lâu nữa nên cô cũng gói ghém theo cả một lượng lớn thịt tuần lộc khô trong thùng thịt khô. Rồi cô cuộn một tấm da tuần lộc làm chỗ ngồi và buộc nó vào dưới đáy ba lô của mình. Cuối cùng cô lấy con dao đàn ông của Kapugen gác trên tường xuống và giắt vào thắt lưng. Cô quàng khẩu súng chéo qua vai.

- *Itqanait* (Con sẵn sàng rồi) - cô nói và đi nhanh ra khỏi nhà.

Họ nhìn máy bay của Kapugen cất cánh và lao vút về phía mặt trời, và sau đó, họ sóng đôi đi trên bờ sông. Bề mặt sông nứt nẻ như một bức tranh ghép mảnh và đang bắt đầu di chuyển. Nó dịch chuyển ngang và kêu răng rắc.

- Năm nay băng vỡ muộn quá - dì Ellen nói bằng tiếng Anh. Dì phải nói chuyện ngay cả khi dì nghĩ Julie không hiểu. - Bố Kapugen nói sẽ rất tai hại nếu nó...

Khi họ đi bộ, Julie chỉ vào một con vịt biển chúa trên băng. Nó là một con chim tuyệt đẹp, với cái đầu màu lục, vàng và cam cùng lưng đen-trắng. "*Qinalik*," Julie nói. Dì Ellen nhắc lại từ này ba bốn lần. Một con ngỗng mặt trắng kiếm ăn dưới làn nước tuyết đang tan chỗ đám lách. "*Niglivik*," Julie nói, và dì Ellen lại nhắc lại.

Khi họ đến bãi quây gia súc, Siku đang đứng gần nhà tạm. Lông nó rối bù còn đôi mắt to của nó đờ đẫn. Julie chạy tới chỗ nó, nhẹ nhàng xoa đầu và lưng nó đồng thời nói chuyện với nó thật dịu dàng. Con bò lắc lư và loạng choạng bước tới. Những cái đầu gối to tướng của nó oằn xuống.

- Nó bị ốm - dì Ellen nói. - Nó không thể chết được. Nhà ta cần có nó.

Julie liếc nhìn dì. Dì Ellen nói với cảm xúc rất mạnh.

Julie nhanh nhẹn tháo dây buộc ủng và buộc quanh cổ Siku, dẫn con bò yêu quý của bố Kapugen tới nhà tạm. Dì Ellen trải cỏ khô cho nó. Siku nằm phục xuống, rồi lăn kênh ra kèm một tiếng rên. Những cái chân móng chẻ to tướng của nó nặng nề chạm huych xuống đất.

Julie trải tấm da tuần lộc và ra hiệu cho dì Ellen ngồi xuống. Rồi cô lấy thêm một chiếc tất len thừa trong ba lô của mình và lăn trên tuyết. Cô đặt nó vào bên trong áo trùm *parka* của mình. Tuyết nhanh chóng biến thành nước,

và cô vắt nước vào đôi môi khô nẻ của Siku. Con vật uống và nằm im. Julie vạch miệng Siku ra, đặt viên thuốc lên cái lưỡi to tướng của nó, và giữ miệng nó khép chặt như bố Kapugen đã hướng dẫn. Siku nuốt viên thuốc. Julie cho nó uống thêm nước.

Dì Ellen đặt tay lên cái bụng to tướng của con bò.

- Nó sắp sinh - dì nói, khiến Julie ngạc nhiên vì sự am hiểu của dì. Siku ngóc đầu lên, đảo mắt, và nằm im.

Suốt cả giờ đồng hồ, Julie và dì Ellen chứng kiến nó gồng mình sinh con cho tới khi nó không thể gồng mình nữa. Con bê con sẽ không chào đời.

Julie nghĩ đến Oliver Ahgeak, người mà cũng như bác Malek, thời trẻ từng làm công việc chăn nai sừng tấm. Ông ấy vẫn còn ở trong làng. Ông ấy sẽ biết phải làm gì.

- Bác Oliver Ahgeak - Julie nói, chỉ vào Siku, sau đó làm hiệu rằng cô sẽ đi tìm ông ấy.

Dì Ellen gật đầu và Julie quay người đi. Cô thụt lại. Một đám mây đen u ám đang xoay vần phía trên đầu họ.

- *Hilla*, thần thời tiết - Julie nói bằng tiếng Yupik. - Nó bất lợi cho chúng ta. Đây là cơn bão đáng sợ đấy.

Biết rằng dì Ellen không hiểu, cô chỉ vào đám mây. Dì Ellen, vốn đã thấy rất nhiều cơn bão ghê gớm suốt ba năm ở Kangik, nhìn đám mây và hít một hơi dài.

- Giờ con không thể đi được rồi - dì nói. - Chúng ta làm gì đây?

Julie hành động ngay. Cô rút con dao của bố Kapugen

chỗ thắt lưng và bước tới mé sườn tránh gió của nhà tạm, nơi số tuyết cuối cùng trong mùa dồn thành đống cao và cứng. Với kỹ năng thành thục, cô cắt từng khối dài khoảng một mét và rộng hơn nửa mét, dày ngót nghét mười lăm phân. Thao tác rất nhanh chóng, cô xếp chúng thành chồng để tạo một bức tường ở phía để trống của nhà tạm. Dì Ellen, nhìn thấy những gì Julie đang làm, bèn vác các khối tuyết từ chỗ cô khi cô chuyển tới đầu kia của nhà tạm và xếp chúng chồng lên nhau. Rất nhanh chóng, Julie dùng thêm tuyết làm vữa để ngăn gió không thổi qua các khe hở. Bức tường cao dần. Khi chỉ còn hai khối gạch nữa cần xếp lên, gió xộc tới với sức mạnh khiến bức tường rung rinh, nhưng vẫn đứng vững. Trận gió mang theo tuyết dày đến mức Julie không tài nào nhìn thấy căn nhà tạm mặc dù cô đang ở ngay bên cạnh nó. Dùng một tay lần tìm đường, cô vòng qua góc cùng khối gạch cuối cùng và bò vào trong. Cô dùng khối tuyết đó để bưng kín bức tường.

Họ ngồi túm lại trong nhà tạm tối tăm. Ngay cả ánh mặt trời không lặn cũng không thể xuyên thủng bức màn tối đen của cơn bão.

- Trận này sẽ kéo dài bao lâu không biết? - Dì Ellen tự lẩm bẩm với mình và lắng nghe tiếng gió rít chói tai. Julie đắp thêm tuyết vào bức tường bên trong, sau đó lấy từ trong ba lô của mình một cái hũ nhỏ mỡ cá voi mà cô dùng để bôi trơn dao *ulu* và súng của mình. Cô chế một sợi bắc bằng cách cắt một sợi vải mỏng từ gấu váy của mình và thắp sáng bằng một que diêm lấy trong ba lô. Đốm sáng nhỏ xíu chập chờn, suýt tắt, rồi hút mỡ và sáng bừng lên.

Nhà tạm ảm sáng sủa và ấm áp hẳn. Dì Ellen mỉm cười dễ chịu.

Gió xô ầm ầm vào đầu phía bắc của nhà tạm và Julie lo lắng nhìn dì Ellen. Gương mặt dì bình thản đến kỳ lạ.

Siku rống lên yếu ớt.

- Chúng ta phải cứu con bê non này - dì Ellen nói.

- Chúng ta làm bằng cách nào đây? - Julie hỏi bằng tiếng Anh rất hoàn hảo.

Dì Ellen trân trân nhìn cô.

- Con nói được tiếng Anh?

- Vâng.

Dì Ellen nhúu mày vẻ khó hiểu, nhưng Julie đã dùng mắt nói với dì Ellen rằng cô đã thấy quý mến dì. Rồi cô nhìn xuống con bò.

Nước chảy ra từ đường sinh và Siku rên rỉ. Dì Ellen quỳ hẳn xuống; Julie quỳ bên cạnh dì.

- Con bê lại đưa hai chân sau ra trước - dì Ellen nói. - Thế là sinh ngược. Sẽ rất không ổn, và Siku cũng vậy.

Gió xô lắc nhà tạm. Những vụn băng mịn bay tung vào trong xuyên qua những khối gạch tuyết cho dù Julie đã trét kín. Chúng đáp xuống mọi thứ như đám bụi bột.

- Phải mổ nó, giống như bố Kapugen đã làm với mẹ nó, và đưa con bê ra - Julie nói.

Siku gắng gượng một lần nữa để rặn con bê. Lưỡi nó liếm quanh miệng, sung vù và tím bầm, rồi nó bỏ cuộc và

nằm im. Julie nhặt con dao *ulu* lên.

- Ở Minnesota - dì Ellen nói - bọn dì đưa tay vào trong tử cung và xoay con bê.

Dì cởi phăng áo trùm *parka*, xắn ống tay áo lên, và thọc tay sâu vào tử cung con bò. Julie sửng sờ. Siku ngóc đầu lên, rồi thả lỏng bụng.

- Buộc chân nó lại để nó không đạp - dì Ellen nói.

Julie tháo dây ủng trên cổ Siku và buộc ghì hai chân sau nó xuống. Khi Siku quẫy đạp, Julie nằm đè lên cổ nó và dịu dàng thì thầm vào tai nó.

Mồ hôi chảy dài trên gương mặt dì Ellen khi dì từ từ xoay con bê thật chuẩn xác. Hai chân trước của nó xuất hiện, rồi đến cái đầu.

- Giúp dì dựng Siku đứng lên - dì Ellen nói.

Julie trượt khỏi người con *uminmak* và đưa tay xuống dưới vai nó, nâng Siku đang trong quá trình sinh con đứng lên. Khi con bò đứng dậy, con bê tuột khỏi cơ thể mẹ rơi xuống lớp cỏ khô. Siku loạng choạng và sụp xuống, kiệt sức.

- Một cô bé - dì Ellen nói. - Tốt rồi. Thông sạch nước nhầy ở mũi nó đi con.

Julie lau sạch mũi con bê; dì Ellen thổi vào miệng nó. Con bê hóp không khí và thở. Nó đã thành hình hoàn chỉnh và béo tốt. Rõ ràng Kapugen đã tính nhầm ngày sinh nở. Julie tìm trong ba lô lấy thêm chiếc áo dự phòng của mình và lau khô con bê. Nó gượng đứng dậy và loạng choạng tới

bên sườn mẹ. Con bò mẹ chậm rãi đứng dậy và con bê bú. Julie và dì Ellen nhìn con bê mới sinh và thở phào.

- Trời lạnh khiếp quá - dì Ellen nói. - Dì hy vọng con vật nhỏ bé trụ được.

- Nó sẽ ổn thôi - Julie nói. - Nó là bò xạ. Nó được sinh ra bởi một con báo cơ mà.

Dì Ellen mỉm cười. Rùng mình, dì lấy ra một chiếc khăn rằn đỏ, lau sạch bàn tay và cánh tay mình, và mặc thêm một chiếc áo len nữa cùng áo trùm *parka*.

Gió giật mạnh, hất thêm tuyết mịn qua các khe hở. Julie nhắc ngọn đèn mỡ cá voi lên và giở ngọn lửa sát các mạch khối tuyết. Hơi nóng làm tuyết tan ra, nhưng rồi nhanh chóng đóng băng và bít kín mé trong bức tường.

Chỉ một lúc sau, Siku thả nhau ra.

- Nó sẽ ăn hết - dì Ellen nói. - Thứ đó giúp nó có chất đạm và vitamin.

- Như thế sẽ quá lâu đấy ạ - Julie nói. - Khu vực này có một con gấu xám lượn lờ. Nó sẽ phá đổ rào và nhà tạm vì những thức ăn như thế.

- Trong một trận bão thế này ư?

- Chẳng là gì với nó hết. Nó đang nuôi hai con gấu con một tuổi - Julie đáp.

- Chúng ta làm gì đây?

- Con sẽ mang nhau ra khỏi bãi quây - Julie nói, và khoác áo trùm *parka*, lên.

Cô bọc nhau vào cỏ khô, rút khối tuyết dưới cùng ra và bò ra ngoài trong cơn bão. Gió hất vào mặt cô những ngòi tuyết nhọn hoắt. Một trận gió mạnh khiến cô phải sụm xuống. Khi cô gượng đứng lên, cô chẳng nhìn thấy gì ngoài tuyết - không mặt đất, không bầu trời, không trên, không dưới. Cô đang ở bên trong Hilla, vị thần thời tiết trắng xóa. Cô thậm chí còn không nhìn thấy đầu gối mình. Cô sẽ phải bò. Bò sẽ tạo ra một vết rãnh sâu để cô có thể lần theo đó trở lại nhà tạm. Cô nhét cái bọc vào áo trùm *parka*, chạm vào *totem* Amaroq, và bò ra ngoài trong gió bão. Cuối cùng, cô tìm thấy cánh cổng và quăng chỗ nhau ra xa hết mức.

Rồi cô quay người và khuyu gối xuống để bò trở lại. Cái rãnh cô đã tạo ra không thấy đâu cả. Chỉ trong khoảnh khắc, gió và tuyết rơi đã san bằng tất cả. Julie rùng mình dù đã mặc áo choàng lót da tuần lộc. Cô hoàn toàn không hình dung được phải đi đường nào.

- Dì Ellen - cô gọi.

Không có tiếng trả lời.

- Dì Ellen! - Gió chặn đứng tiếng của cô trước khi nó rời khỏi miệng cô. Cô xoay lưng lại phía đó và để gió đẩy giọng cô theo lộ trình rất nhanh của nó.

- DÌ ELLEN! DÌ ELLEN!

Không có tiếng trả lời. Cô nhận ra rằng dì Ellen không thể nghe được vì tiếng gió đình tai nhức óc. Biết rõ là không nên di chuyển, cô đợi cho tới khi tiếng gió rít lảng dịu.

- DÌ ELLEN! DÌ ELLEN!

- Julie, con ở đâu? - Giọng trả lời rất nhạt nhòa, cô không thể xác định được nó đến từ hướng nào.

- Hét đi, dì Ellen, hét đi! Con không tìm được đường về.

- Julie. Julie. JULIE - dì Ellen hét to liên tục, và Julie, cứ bám theo tiếng gọi ấy như thể đó là một sợi dây, bò về phía trước. Đầu cô va phải bức tường tuyết. Cô kéo khối tuyết trở lại và bò vào trong.

- Trông con hết như *ugruk*, hải cẩu ấy - dì Ellen thở hổn hển, phủi sạch tuyết khỏi áo trùm *parka* của Julie.

- Con đoán chúng ta sẽ không thể đi đâu được tối nay - Julie nói. - Và có thể cả đêm mai nữa - cô nói thêm.

Thời giờ chậm chạp trôi đi. Julie và dì Ellen liên tục giậm chân để giữ cho mình được ấm, ăn thịt tuần lộc khô, và nép sát vào cơ thể ấm áp của Siku. Tiếng gió gào rít càng to hơn nữa.

- Hilla sẽ không bỏ đi - Julie nói.

- Người Eskimo làm gì lúc này? - Dì Ellen hỏi. Dì vỗ về con bê đang cuộn mình bên cạnh bò mẹ.

- Chúng con hát, ăn uống và chờ đợi - Julie nói. - Chúng con không di chuyển.

- Dì rét run người - dì Ellen nói.

- Vạt lông của Siku rất dài và ấm. Dì quấn tay vào đó rồi thổi lên.

Dì Ellen vùi tay và cả chân vào lớp lông ấm và nhẹ, thế

là dì hết run.

Họ im lặng ngồi trong không gian tối tăm lạnh giá. Cuối cùng dì Ellen lên tiếng.

- Con nói tiếng Anh tốt lắm, Julie - dì nói. - Dì không biết việc đó.

- Con bị mất giọng tiếng Anh trên lãnh nguyên - Julie nói - khi Amaroq, một con sói đen cao thượng đã làm bạn với con, bị bắn chết. Nó đã cứu mạng con.

- Nó cứu mạng con ư?

Dì Ellen nhìn như thể dì rất muốn nghe câu chuyện, nhưng Julie không tài nào nói về việc đó được. Một hôm nào đó cô sẽ kể cho dì Ellen nghe về Amaroq, một hôm nào đó khi cô có thể kể câu chuyện này mà không khóc.

- Nhưng dù sao - Julie nói tiếp - sự thật là kiến thức tiếng Anh của con quay lại với con khi con nhìn thấy ngôi nhà của bố Kapugen, nhưng...

Cô nhìn dì Ellen.

- Dì hiểu - dì nói. - Dì rất mừng là con đã quyết định rằng dì ổn.

- Đúng vậy. Dì rất ổn ạ - Julie nói, mắt cô sáng bừng.

Họ im lặng ủ ấm tay và chân nhờ Siku và lắng nghe tiếng bão vẫn vũ. Ngọn đèn mỡ hải cầu vẫn cháy sáng. Họ không hề chớp mắt.

Nhiều tiếng sau, dì Ellen ngồi dậy.

- Con có biết mấy từ “Miền Viễn Bắc” không, Julie? - Dì

hỏi.

- Không ạ - Julie trả lời, bật cười trước cái tên đó. - Dì dạy con đi. Đây là chỗ rất tuyệt để học một bài hát có cái tên đó.

Dì Ellen hắng giọng.

*- Miền Viễn Bắc đang gọi tôi đi,
Nên tôi xách ba lô lên đường*

Mắt Julie lấp lánh và cô đưa tay lên bụng miệng.

- Tiếp theo là gì ạ?

*- Đó là tiếng gọi tôi của rừng phương bắc,
Khi tôi bước cùng ánh nắng với hành trang trên vai.
Tôi sẽ đi tới Hồ Duncan và vùng nước trong veo cùng Da
Gấu,
Nơi bạn thấy giống chim lặn và nghe tiếng kêu ai oán của
nó.*

*Nếu bạn nghĩ sâu thẳm trong tim mình
Bước chân tôi đường hoàng tự tin,
Bạn hẳn chưa bao giờ đi dọc lối mòn biên cương.*

- Dạy con đi, dạy con đi - Julie kêu lên.

Lúc Julie học xong đoạn điệp khúc và toàn bộ lời bài hát, dì Ellen đã gà gât và bản thân cô cũng rất buồn ngủ. Cô kiểm tra dì Ellen để chắc chắn rằng mặt dì không bị

lạnh cứng, rồi mới cuộn mình sát Siku và ngủ chập chờn.

Con bão vẫn cứ gầm rít. Julie và dì Ellen không biết họ đã ở trong nhà tạm bao lâu hay đã là ngày mấy rồi. Họ chỉ mở mắt, nghe tiếng gió, làm tan tuyết để pha trà, cắn một miếng pho mát và bánh mỳ, và lại nhắm mắt. Dì Ellen không hề kêu ca. Hơi ấm của Siku và bức tường ngăn của Julie giúp họ không bị đông cứng đến chết.

Khi Julie nhận thấy dì Ellen đã tỉnh giấc trong một trận gió dữ dội và không tài nào ngủ lại được, cô đánh bạo hỏi tại sao dì lại lên tận Dốc Bắc. Dì Ellen trở mình sang tư thế ngồi, ôm lấy hai gối, và đăm đăm nhìn ánh sáng mờ cá voi đang nhảy nhót.

- Giống như bài hát đã nói - dì bắt đầu kể - chính miền viễn bắc đã cất tiếng gọi dì đi. Khi dì lấy bằng thạc sĩ giáo dục ở Đại học Minnesota, dì đọc được một quảng cáo trên báo về vị trí giáo viên ở một ngôi làng Alaska. Dì nghĩ chẳng còn gì truyền cảm hứng được hơn thế. Dì nộp đơn cho Hạt Dốc Bắc, rồi được phỏng vấn, và nhận việc. Dì được cử tới Kangik. - Dì nhìn lên Julie. - Dù con có tin hay không thì dì rất thích ngôi làng.

- Lúc đó bố con ở đây chưa?

- Bố con ở đây. Chúng ta gặp nhau vào cái ngày sau khi dì đến và chẳng mấy đã phải lòng nhau. Đơn giản vậy thôi. Dì gọi về nhà và báo với mẹ dì rằng dì đã kết hôn với một người Eskimo.

- Bà nói gì ạ?

- “Cậu ấy có tốt không?”

- Dì nói sao ạ?

- “Con yêu anh ấy vì điều đó!” - Khuôn mặt dì dịu hẳn rồi dì mỉm cười. - Khi dì cưới bố Kapugen, dì chẳng may biết mình sẽ gặp rất nhiều vất vả, mặc dù dì lớn lên tại nông trại của ông ngoại dì ở Minnesota.

- Minnesota có cây - Julie nói.

- Và tất cả mọi thứ ngoài cây cối: hoa, nắng ấm, nước nóng và lạnh, bồn vệ sinh giặt nước, bồn tắm... - Dì nhìn ngọn lửa vàng. - Nhưng dì chẳng muốn quay về, và đặc biệt giờ dì lại sắp có một đứa con Eskimo.

- Vâng - Julie nói đầy tự tin. - Ở đây em bé sẽ hạnh phúc hơn. Chúng con thích những em bé Eskimo thuộc mọi sắc da, và nhất là có tóc đỏ nữa.

Dì Ellen cười vui vẻ.

- Có khi lại có tóc đen và lông mày đỏ ấy. - Câu đó làm họ cười thêm.

- Bố Kapugen đã có công ty lúc dì gặp bố chưa ạ? - Cô hỏi.

- Khi chúng ta cưới nhau, Kapugen vừa mới bắt đầu kinh doanh bò xạ. Công ty trả tiền để bố con học làm phi công. Cách duy nhất để kinh doanh ở Dốc Bắc là bằng máy bay. Bố con và dì sống ở Fairbanks trong thời kỳ bố con học. Bố con có mấy lần trở lại Nunivak để tìm con. Không ai trừ bà cô Martha biết con đã đi đâu. Rồi bà ấy mất. Chẳng ai biết chuyện gì đã xảy ra với con. Sau mỗi chuyến đi bố

Kapugen lại về nhà trong suy sụp và thất vọng. Bố con không ngớt nói về con và việc con và bố con đã cùng đi săn và bắt cá như thế nào sau khi mẹ con mất.

Julie lắng nghe câu chuyện về một người đàn ông và một cô gái bé bỏng mà ông ấy không thể tìm thấy. Cứ như thể đó là một câu chuyện dân gian về những con người mà cô không hề biết.

- Trong một chuyến đi tới Barrow mùa thu năm trước - dì Ellen tiếp tục - Bố Kapugen tình cờ gặp cô Nusan, vợ của chú Naka. Cô ấy bảo với bố con rằng chú Naka đã mất. Rồi cô ấy đau khổ nói rằng con vừa bỏ chạy không kết hôn với con trai cô ấy là Daniel, và đi vào đất liền. Cô ấy nói con đã chết trên lãnh nguyên.

- Bố cũng nói với con chuyện đó - Julie nói. - Nhưng còn sau đó?

- Khi Kapugen từ Barrow trở về, bố con chèo thuyền *kayak* ngược dòng Avalik suốt gần một tuần để đau khổ một mình. Rồi bố con về nhà. "Mọi việc như vậy rồi", bố con nói vậy. "Chẳng thể giúp gì được." Và chúng ta quyết định đã đến lúc phải sinh em bé.

Julie cúi đầu, trong lòng tràn ngập với suy nghĩ rằng suốt thời gian ấy cô đã được tìm kiếm và nói đến.

- Con phải biết niềm vui mà bố con có được khi con gõ cửa nhà ông ấy - dì Ellen nói.

- Và nghĩ rằng con gần như đã không trở về - Julie nói khẽ. - Khi con nhận ra bố đã giết Amaroq, con không thể

nào chịu đựng được việc ở bên bố.

- Dì không biết bố con đã giết chết người bạn của con.

- Con vẫn thấy rất khó hiểu được bố Kapugen - Julie nói, mắt cô lấp lánh. - Bố thậm chí không hề sử dụng đến lông thú giá trị.

- Sói giết hại bò - dì Ellen nói.

- Đó là lý do của bố ư? - Julie hỏi khẽ.

- Dì nghĩ hẳn phải vậy - dì nói. - Lúc đó bố con rất lo lắng chuyện chó sói.

- Nhưng còn người kia? Ông ấy là ai?

- Một *gussak* đã trả tiền cho bố con để đưa họ đi săn chó sói. Thợ săn da trắng rất ghét chó sói. Chúng giết tuần lộc và hươu mà chúng muốn.

Julie thở dài và dựa vào Siku. Dì Ellen trở mình nằm nghiêng. Gió rung lắc nhà tạm ẩn, và tuyết rắc xuống người họ. Con bê non đang ngủ và con bò mẹ đang thở rất nhẹ. Tất cả đều chìm vào giấc ngủ.

Một lúc lâu trôi đi, Julie tỉnh giấc bởi tiếng gió hát đã thay đổi. Gió không còn dữ dội nữa. Cô lại kéo một khối tuyết và nhìn ra ngoài. Cô đã nhìn rõ được.

Mười con bò xạ phủ đầy tuyết đứng thành một vòng tròn quanh nhà tạm, đôi mắt nâu dịu dàng của chúng nhìn cô.

- Các bạn - cô gọi, gỡ một tảng nữa xuống và mang những viên thức ăn tới cho chúng - các bạn đã có một

thành viên mới.

Khi cô bò qua lỗ hổng, cô quan sát bầu trời.

- Dì Ellen - cô nói - không hề nhìn thấy ánh sáng chỗ vị trí mặt trời. Con nghĩ chúng ta ở đây thêm vài ngày nữa.

Dì Ellen không nói gì. Julie bò trở vào nhà tạm, lấy pho mát và bánh mỳ ra, và làm tan nước trà trong một cái cốc thiếc hơ trên ngọn nến mỡ cá voi.

- Dì dạy con thêm bài hát đi, dì Ellen? - Cô đề nghị.

Dì Ellen có thêm rất nhiều bài hát để dạy cô. Họ hát suốt nhiều giờ liền.

Nhiều tiếng sau đó, bên trong nhà tạm càng lúc càng sáng hơn. Gió đã ngừng gào rít. Julie ló đầu ra ngoài.

- Dì Ellen - cô hào hứng gọi - mặt trời đang chiếu. Chúng ta có thể về nhà rồi.

Siku và con bê non, mà Julie đặt tên là Viễn Bắc, nhìn dì Ellen và Julie phá bức tường tuyết để cho ánh nắng tràn vào. Khi Julie và dì Ellen chạy về phía cổng, Siku và Viễn Bắc theo sau họ. Đàn bò giụi tuyến mắt của chúng vào chân trước, và con bò mẹ cùng con bê đánh hơi thông điệp cảnh báo này. Siku thúc chú bê của mình và quay lại phía đàn. Mớ lông dài của nó rủ xuống chân khi nó chậm rãi đi trong ánh nắng lấp loáng. Đàn bò quây quần quanh nó và nhìn con bê non mới đẻ thật lâu.

Vui vẻ hát vang, Julie và dì Ellen mở cổng và tiến ra nền tuyết cứng. Tuyết lạo xạo dưới bước chân họ và vỡ vụn như thể họ đang đi trên mặt trống. Sau một khoảng ngắn, họ

đến chỗ cỏ khô vương vãi và những vết móng vuốt nơi con *aklaq* tìm thấy nhau thai bò. Họ nhìn nhau đầy dụng ý và đi theo lối mòn bờ sông.

Ba con sói cất tiếng hú, đầu tiên từng con một, rồi đồng loạt. Tim Julie đập loạn lên.

- Chạy đi, chạy đi - trong lòng cô hét lên. - Chạy đi.

Dì Ellen đang hát và dường như không nghe thấy những tiếng nói. Julie chạm vào *totem* Amaroq của cô và nhắm chặt mắt lại.

Kapugen trở về nhà hai ngày sau khi con bão kết thúc. Ông ở lại thêm mấy ngày để giúp bác Harry Ulugaq có thời gian bình phục sau cuộc phẫu thuật viêm ruột thừa rồi đưa ông ấy về nhà.

Ông còn chưa kịp vào nhà thì Julie đã lên tiếng kể lại câu chuyện của dì Ellen và cách dì cứu Siku cùng Viễn Bắc. Kapugen đăm đăm nhìn cô, không hề nghe thấy những gì cô đang nói.

- Con đang nói tiếng Anh - ông khàn giọng thì thào. - Con không hề nói từ khi con về nhà.

Cô gật đầu, và hai gò má đã ửng hồng của cô bùng lên đầy phấn khích.

- Vậy là bố đã được tha thứ - ông nói.

- Tha thứ ư? - Julie tự hỏi điều gì khiến ông nói vậy.

- Tha thứ vì đã kết hôn với một cô *gussak* - ông nói.

Julie mỉm cười chạy lại chỗ dì Ellen và nắm lấy tay dì.

- Con yêu dì ấy - cô nói. - Dì ấy là *aaka*, là mẹ và bạn của con.

- Bố rất mừng, phải - ông nói. - Bố vui lắm.

- Em cũng mừng, phải - dì Ellen nói. - Dì biết dì xa lạ với con, Julie, nhưng cảm ơn con vì những lời tốt đẹp ấy.

- Minnesota có những người thật tuyệt - Julie nói, và mỉm cười.

- Họ rất tuyệt, phải - Kapugen nói, chạm vào mái tóc đỏ quăn quăn của dì Ellen. - Hãy nhìn này - thật đẹp khi tóc mọc lên và uốn quăn.

Kapugen thường xuyên thấy những lọn tóc quăn của vợ là một thứ kỳ lạ. Ông im lặng khi quăn một lọn quanh ngón tay mình.

Julie cảm thấy ông còn nhiều điều để nói. Khi dì Ellen đã đi vào phòng ngủ, ông đi đi lại lại phía cửa sổ vài lần liền. Cuối cùng ông cầm lấy bàn tay Julie.

- Và bố cũng sẽ được tha thứ vì đã giết con sói đã cứu sống con chứ? - Ông hỏi.

- Làm thế nào bố biết bố đã giết Amaroq của con? - Cô hỏi sau một lúc im lặng kéo dài. - Con không hề kể với bố.

- Đàn sói nói với bố - ông trả lời.

Và Julie biết điều đó đúng. Cô chớp mắt và nhìn sàn nhà.

- Cổ họng và phổi con đau khi nói về Amaroq. - Cô nhìn lên. - Nhưng con yêu bố.

- Vậy thì bố được tha thứ chứ? - Ông hỏi lại.

Julie nhìn vào mặt ông một lúc lâu khi cô tìm lại giọng nói quá khứ của cô.

- Chúng ta không phán xét người của mình - cuối cùng cô nói. - Con yêu bố.

Kapugen áp đôi bàn tay chai sạn vì lạnh giá của mình lên mỗi bên đôi má ửng hồng của Julie và vỗ nhẹ khuôn mặt cô cho tới khi mắt họ chạm nhau. Cô nhìn thấy sự xót thương ông dành cho cô, nhưng cô cũng nhìn thấy rằng ông sẽ lại làm thế nếu ông phải làm.

Trong suy nghĩ của mình, họ vẫn nghe thấy tiếng phun và róc rách của nước chảy. Thời kỳ tuyết tan là một bản hòa âm. Nước đang nhỏ tong tong từ mái nhà, chảy ra từ dưới gầm nhà, dọc cửa sổ, và trên mặt đất để đổ ra sông. Thần bão đã đi rồi, và ánh nắng vĩnh cửu đang biến tuyết và băng thành nước. Đại dương, lãnh nguyên, các dòng sông đều đang cởi bỏ những chiếc áo khoác cứng đờ của mình. Từ hôm qua dòng sông Avalik vẫn còn đóng băng đã vỡ toang thành cả triệu mảnh. Thêm nước chảy ra từ lãnh nguyên, dòng sông ngập kín hai bờ và vận chuyển băng cùng tuyết tan chảy ra biển hướng về làng Kangik cùng khu vịnh. Hiện tượng băng vỡ đang diễn ra ở đây.

Có tiếng gầm gừ nghe rất gần, và át tiếng ồn là một giọng nói vang lên.

- Chú Kapugen! Thuyền của chú!

- Thuyền của chú kìa, Kapugen!

Kapugen lao vọt ra khỏi nhà. Julie và dì Ellen, đều đã nghe thấy và chạy vội ra, thấy dòng sông đầy băng gần như ngay cửa nhà. Nó đã cuốn lấy chiếc xuồng máy của Kapugen và kéo đi mất, nếu Peter không đi ngang qua. Anh đã túm lấy mũi xuồng và kéo nó vào đất liền. Kapugen nhảy khỏi bậc cửa và cùng kéo. Ủng của ông ngập sâu trong nước và băng đang chảy. Bỗng nhiên một tảng băng bằng cả ngôi nhà trôi lên như một con cá voi từ dòng sông và lao về phía họ.

Julie nhận thấy cần có mình nên nhảy ùm xuống nước. Cô túm lấy mép xuồng bên kia Kapugen và cũng ráng sức kéo. Chiếc xuồng được kéo giật về phía đất liền. Rồi tảng băng trôi lên và rơi xuống. Nó tạo ra một đợt sóng cao bằng đầu người. Peter thấy rằng nó sẽ cuốn phăng chiếc xuồng nên quấn sợi dây quanh một cái cọc dùng để nâng ngôi nhà của Kapugen bên trên lớp đất đóng băng vĩnh cửu.

Julie cũng nhìn thấy đợt sóng, nên buông mạn xuồng, và chạy, nhưng Kapugen thì không. Lưng ông quay về phía con sóng. Nó nhấc bổng ông lên, và ông tuột tay nắm, bị cuốn xuống nước. Dì Ellen chạy tới bên Julie và níu chặt lấy cô đẩy kinh hãi khi Kapugen bị cuốn đi.

Peter vớ lấy một sợi dây nữa từ chiếc xuồng và chạy bên cạnh ông, tìm cơ hội ném dây cho ông. Bơi cắt chéo dòng nước, Kapugen được đẩy vào phía bờ.

Dì Ellen bung lấy mắt.

- Con yêu - dì nói. - Nằm yên nào. Nằm yên nào. Rồi sẽ

ồn thôi.

Một đợt sóng trời nữa nâng bổng Kapugen lên cao và quảng ông lên một kho chứa đồ đánh cá đã bị đổ. Ông bấu chặt lấy nó trong khi đợt sóng chảy đi và dồn vào con sông; rồi ông nhảy lên bờ biển và chạy.

- *Nangaun!* - Ông kêu lên đầy biết ơn, giơ cao hai tay.

Julie không hề run cho tới khi Kapugen gần về đến chỗ họ. Cô ôm lấy dì Ellen, chỉ để thấy rằng dì cũng đang run bần.

Kapugen thì không. Ông vẫn cười. Quần áo ông nhỏ nước tong tong và cái cổ áo lông sói của ông ướt nhưng không sưng nước. Tóc ông bết lại trên trán. Ông vỗ vỗ vào lưng Peter và nói gì đó, và Peter cũng cười.

- Sao họ lại cười nhỉ? - Dì Ellen sùng sốt hỏi.

- Dì phải có khiếu hài hước khi sống ở Bắc Cực - Julie nói. - Người Eskimo luôn cười. Đó là cách tốt nhất.

- Trước những trò bông lơn - dì Ellen nói. - Chứ không phải trước tử thần.

- Trước cái chết ấy - Julie nói. - Đó là cách tốt nhất.

Kapugen và Peter kéo chiếc thuyền vào sâu trong bờ; rồi Kapugen thay quần áo và xỏ chân vào đôi ủng đạp bằng cao su. Ông nhập cùng những người làng đang chạy lại khi họ nghe tin dòng sông đã cuốn phăng Kapugen rồi đẩy ông trở lại.

Atik và Uma chạy đến. Cậu con nhỏ của cô Uma, Sorqaq, có tên tiếng Anh là Perry, ngó lom lom qua vai mẹ.

Nó nằm trong áo *amaunnaq*, loại áo choàng nữ thiết kế để địu trẻ con, của mẹ. Một sợi dây lưng thắt quanh áo choàng của cô Uma chỗ eo lưng giữ cho Perry khỏi tụt xuống đất. Thằng bé đứng trên đó và ngó ra nhìn. Một cơn gió thốc vào mặt nó, làm thằng bé tụt xuống áp vào cơ thể ấm áp của mẹ.

Bác Malek chạy đến, và đằng sau bác là bà thủ kho Marie.

- *Aaya* - bà Marie nói với Kapugen. - Chắc anh làm thân sông tức giận rồi. Bà ấy chưa xoi tái anh đấy!

Những người bạn cùng cười vang.

Theo cùng bà Marie là chồng bà, ông Ernest Adams, một thợ chạm khắc ngà hải mã nổi tiếng. Ông nội ông là một đội trưởng đánh bắt cá voi ở Boston đến định cư tại Wainwright và lấy bà Anugl, thợ đóng giày cừ nhất trên bờ biển Bắc Cực. Chính bố của bà Anugl dạy ông Ernest nghề chạm khắc ngà.

Julie ngắm nhìn Ernest Adams, vì ông ấy vừa là người Eskimo vừa là người *gussak*. Nước da ông ấy sáng hơn bà Marie và gương mặt ông ấy thon dài hơn, nhưng ông ấy lại có mắt đen và gò má cao, rộng của người Eskimo. Diện mạo của ông Ernest cũng không khác biệt. Nhiều người Eskimo có bố hoặc ông nội người da trắng, và gần đây một số người có mẹ là người da trắng. Ngày càng nhiều phụ nữ từ khu vực lục địa Hoa Kỳ^[11] đến Bắc Cực để dạy học, làm bác sĩ và làm đủ công việc khác. Một vài người, giống như dì Ellen, kết hôn với đàn ông bản xứ, ở lại, và gây dựng gia

đình. Julie nhìn từ ông Ernest sang vóc dáng dì Ellen. Dì rất phấn khởi về em bé sắp sửa gia nhập cùng họ.

Một phụ nữ khác nhập với cả nhóm, chào hỏi dì Ellen. Cậu con trai sáu tuổi của cô ấy mỉm cười bẽn lễn, và dì Ellen quay sang Julie.

- Đây là Benjamin, học sinh của dì - dì nói. - Benjamin này, đây là con gái cô, chị Julie.

Thằng bé mỉm cười bẽn lễn với Julie và chạy tới chỗ Kapugen.

- Cháu rất mừng là dòng sông đã trả lại bác - nó nói với ông.

- Chắc chắn rồi - Kapugen trả lời. - Bác quá bần thủ. Nó không thềm bác.

Benjamin cười nắc nẻ, nhặt một hòn đá, và ném xuống nước.

- Sông xấu - nó nói. - Cháu phạt sông.

Kapugen cười xòa và nhắc bổng thằng bé lên, đặt nó lên vai mình trong khi Peter đi tới.

- Nước lên sát nhà chú đấy - Peter nói. - Hay ta chằng dây và cố giữ xem sao?

Kapugen xóc đùa Benjamin.

- Tình huống tệ nhất qua rồi - ông nói, chỉ ngược dòng sông. - Sáng nay lúc chú bay về nhà, chú đã thấy hầu hết lãnh nguyên giờ trơ trụi và chẳng hề có đập băng nào sắp vỡ bung nữa.

- Chú thấy cái đập băng gậy ra trận lụt này chứ?

- Chú nghĩ là chú thấy, gần trại vịt, nhưng chú không rõ. Cái đập chú thấy không lớn thế. Đợt băng vỡ này chơi khăm ta.

Dòng sông bắt đầu rút đi, và dân làng được thông báo không cần phải cứu ngôi nhà của Kapugen, nhưng chẳng ai về nhà cả. Trời nắng và ấm áp, gần bốn mươi độ. Tất cả mọi người đều sung sướng ra khỏi nhà. Một con chim tuyết ríu rít cả tràng những âm thanh ngọt ngào, và Julie ngoái tìm nó. Con chim bay đi cùng với một ít hạt ngậm trong mỏ.

- Hè rồi - Julie reo lên. - Chim tuyết đang nuôi con non.

- Hè rồi - bé Benjamin reo to, và tụt khỏi lưng Kapugen.

- Đến lúc ăn mừng rồi - Kapugen nói. - Tôi có mua từ Barrow về một bao bột lớn. Chúng ta sẽ làm bánh rán Eskimo.

- Nhà tôi có thịt và *maktak* cá voi - bác Malek, người vừa mới trở về sau một chuyến săn cá voi bội thu, lên tiếng. Tiếng reo vui dậy lên.

- *Maktak* - bé Benjamin la tướng lên, và nhảy nhót thành vòng tròn. - Cháu thích *maktak* hơn kẹo.

- Làng Kangik sẽ mở hội cá voi, *Nalukataq* - bác Malek nói. - Giờ là lúc cùng chia sẻ.

- Wainwright bắt được bao nhiêu cá voi? - Chú Atik hỏi.

- Năm con. Đó là hạn mức của họ năm nay - bác Malek nói. - Không đủ cho tất cả mọi người, nhưng không hơn

được. Chúng ta không thể bắt nhiều hơn mức ủy ban đánh bắt cá voi cho phép chúng ta.

- Tại sao ạ? - Bé Benjamin la lên. - Cháu thích có thật nhiều nhiều nhiều *maktak*.

- Chúng ta cần để cá voi sống - bác Malek nói - như thế cháu, con của cháu, cháu của cháu sẽ vẫn có *maktak*.

- Và cả *Nalukataq* lễ hội hát mền^[12] nữa - bà Marie nói thêm.

- Thế mền đâu nhỉ? - Atik hỏi.

- Ở phía sau nhà kho - bà Marie nói. - Đi giúp tôi lấy ra nào - tất cả mọi người đến giúp nào.

- Hát mền, hát mền - bé Benjamin reo. Nó gặp cậu bạn Roy, và chúng lần lượt cùng nhảy vào một vũng nước khi theo con phố rải đá cuội chạy tới nhà thờ. Những đứa trẻ khác cũng chạy và giẫm nước bắn tung tóe ở mọi cái vũng mà chúng tìm được trên đường tới địa điểm *Nalukataq*. Đây là mùa giẫm vũng nước của trẻ em Bắc Cực và cả Julie nữa. Cô đi đôi ủng đập tuyết và lội hẫ vào một vũng nước sâu, đá nước và cười. Các vũng nước là niềm vui sướng hiếm hoi ở Bắc Cực.

Hội *Nalukataq* được tổ chức trên khoảng trống ngay phía trước nhà thờ. Về cơ bản nhà thờ là một trung tâm cộng đồng của dân làng, vì mục sư chỉ đến Kangik vài lần mỗi năm. Hôm nay, nơi này trở thành khu vực lễ hội cộng đồng.

Những tiếng gầm gừ của dòng sông là phong nền cho

hoạt động. Các bếp lò hiệu Coleman được bố trí thành một vòng tròn, và các thùng nước để nấu ăn được bắc lên đụn sỏi. Bác Malek kéo chiếc xe trượt chở thịt và mỡ cá voi vào giữa mớ xoong nồi và những người làm lễ rồi cắt những tảng thịt dài thành các khoanh để đưa vào nồi. Ông lọc phần da thơm ngon thành những miếng nhỏ có một rẻo mỡ bám bên trên - đây chính là *maktak*. Rồi ông lạng phần đuôi cá voi thành những lát mỏng. Bà Taktuk, vợ ông, sẽ phân chia phần đuôi này trong một nghi lễ mà một số người già nói rằng đã tồn tại bốn nghìn năm rồi.

Chỉ còn khoảng năm mươi người vẫn ở lại thị trấn, nhưng trong chưa đầy một tiếng, nhà nào cũng vắng tanh vì lễ hội đang lúc cao trào. Tấm mền da hải cẩu được trải trên mặt đất. Bà Marie phục vụ món súp vịt, còn cô Uma và bà Taktuk phân chia *maktak* sống. Bốn tay trống dựng một bục chơi nhạc có màn hướng âm vô sò^[13] bằng da tuần lộc. Họ bắt đầu chơi những chiếc trống tròn dẹt, có gán cán trông như những cây kẹo mút *lollypop*, ngồi trên những tấm lông thú, lưng giữ thẳng. Bác Harry Ulugaq, vẫn còn khá yếu sau cuộc phẫu thuật, được dìu tới giá trống. Bác quyết tâm chơi và hát.

Nhịp đầu tiên nặng trĩu của chiếc trống da-gan cá voi vang lên. Nó phát ra âm thanh đặc biệt để mở màn lễ hội *Nalukataq*. Julie và dì Ellen vội vã về nhà để làm bánh rán Eskimo mà Kapugen đã hứa. Julie treo đôi găng ẩm ướt của cô lên phơi trên cây xà gỗ gác chiếc *kayak* của bố Kapugen gần trần nhà.

- Con làm bánh rán Eskimo như thế nào? - Dì Ellen hỏi.

- Con không biết - Julie cười nói. - Để đi hỏi bà Marie, bà ấy chắc biết.

Cô chạy đi và một lát sau quay về, cười cười vẻ bẽn lễn.

- Dì cho mười lăm vốc bột vào một cái bát cùng với ít nước và đường và để cho bột lên men năm ngày. Sau đó dì cuộn bột, cắt ra và đem rán ngập trong dầu cá voi.

- Thật không? - Dì Ellen nói, và nháy mắt. - Phụ nữ Eskimo cũng có khiếu hài hước thật. Ta làm theo cách Minnesota vậy.

Dì lấy ra một cái nồi lớn, mở cuốn sách nấu ăn của mình, và bảo Julie đọc nguyên liệu chế biến lên trong khi dì chế biến.

Julie đọc và lật dở cuốn sách xem các mục hướng dẫn.

- Bánh táo là món gì vậy ạ? - Cô hỏi.

Dì Ellen kinh ngạc ngược lên:

- Dì cứ định ninh ai cũng biết chứ - dì nói. - Dì cứ luôn quên mất là mình đang ở Bắc Cực. Bánh táo với người ở đại lục giống như *maktak* ở Dốc Bắc ấy. Người *gussak* thích bánh táo lắm. Hẳn nhiên vậy vì tất cả mọi người đều nói như vậy. - Dì cười và đổ bột trộn lên bàn, vỗ vỗ rồi cán phẳng ra. - Khi nào lễ hội *Nalukataq* xong, dì sẽ nướng cho con một cái bánh táo.

- Táo là gì ạ? - Julie hỏi.

Dì Ellen vung hai bàn tay đánh bột lên.

- Dì sẽ chẳng bao giờ quen được với việc không có cây

cối - dì nói. - Dì vẫn nghĩ mình có thể chạy ra sân sau và nhặt mấy trái táo. Đó là một loại quả rất ngon mọc trên cây.

Mất dì Ellen lấp lánh, và Julie biết hẳn dì rất nhớ nhà. Cô nhớ mình đã cảm thấy thế nào hồi ở Barrow khi ai đó nói về Nunivak. Minnesota còn xa hơn nữa cơ mà.

Trống đổ dồn, và những giọng hát vang lên theo một ca khúc nhịp nhàng. Dì Ellen chỉ cho Julie cách cắt bột đã cán phẳng thành những hình tròn bằng một cái cốc uống nước và đục một lỗ ở chính giữa bằng miệng một cái chai nhựa rỗng. Sau khi dì kiểm tra dầu, họ thả bánh rán vào, mỗi lần ba chiếc.

- Khi bánh có màu nâu, con dùng cái muôi lỗ này nhấc lên nhé - dì Ellen dặn. Dì bắt đầu mở các hộp thức ăn và trộn một phần sa lát đậu thật lớn.

Kapugen bước vào để lấy những chiếc yo-yo Eskimo, tức là hai chiếc túi phủ lông thú trên hai sợi dây, để tổ chức thi yo-yo và nhặt một chiếc bánh rán đang để nguội trên giá. Ông tò mò lật lật chiếc bánh.

- Bánh rán Minnesota đấy ạ - Julie nói.

Kapugen cắn một miếng lớn, nói "Ummmm," và cắn một miếng nữa.

- Món này cần cá hồi thì mới thật sự ngon - ông nói.

- Cá hồi à? - Dì Ellen nói, đầy thẳng thốt, nhưng Kapugen không nghe thấy. Ông đã đi vội ra ngoài và mở hầm trữ đông, một cái hố vuông sâu hơn ba mét trong lớp

đất đóng băng vĩnh cửu. Ông theo thang trèo xuống không gian mười tám độ rồi trở vào nhà với ba con cá hồi to tướng.

- Và giờ tôn vinh cá voi lớn thôi - ông nói, bỏ cá vào một cái túi và hất lên vai. Julie mang bánh rán trong một chiếc rổ lớn, còn dì Ellen mang món sa lát. Gia đình Kapugen nhập cùng những người dự lễ hội theo nhịp trống lãnh nguyên.

Khi dân làng tập hợp, bà Taktuk đứng hẳn lên chiếc xe trượt của gia đình bà.

- Có ai ở đây có chồng và ba con không? - Bà ấy hỏi.

- Tôi - bà Marie hô và cười to chạy tới trước.

- Một miếng chân chèo quý báu cho Marie - bà Taktuk nói, đưa cho bà Marie phần thưởng. Tất cả mọi người vỗ tay khi bà Marie chạy trở lại bếp nhà mình.

- Ai ở đây có răng vàng? - Bà Taktuk hỏi.

- Bác Henry, bác Henry Smith - tất cả mọi người reo lên, và một người đàn ông nhỏ thó lanh lợi vào giữa vòng tròn. Bà Taktuk gọi thêm nhiều người nữa bằng vợ chồng, số con cái, màu áo trùm *parka*, kích cỡ ủng đạp băng.

- Còn một miếng nữa - cuối cùng bà ấy hô. - Ai ở đây yêu cô Julie nhà Kapugen?

- Con - một chàng trai trẻ lập tức lên tiếng.

- Tôi - cả Kapugen và dì Ellen đồng thời lên tiếng, nhưng đã quá muộn. Peter Sugluk đã nhảy ra giữa vòng tròn và nhận phần thưởng.

Các cậu học sinh nhảy căng lên và cười lớn còn các cô gái rúc rích. Đám người lớn mỉm cười và nói những câu bông đùa. Julie bước ra sau Kapugen và vùi mặt vào chiếc áo *attigi*, loại áo trùm *parka* mùa hè của ông rồi hé mắt nhòm qua.

Peter nhận một tảng chân chèo lớn và, giơ tảng thịt lên cao, bước lại chỗ dì Ellen và đưa cho dì. Anh mặc quần áo truyền thống, một chiếc áo trùm *parka* nai sừng tấm viền lông sói.

Peter quỳ gối, tạo thế xoạc thật rộng, và giậm ngón chân. Mấy tay trống bắt theo nhịp của anh khi anh nhảy ở giữa vòng tròn.

Peter nhảy rất nhẹ nhàng và duyên dáng. Anh chìa tay ra khi nhịp theo một nhịp điệu phức tạp với ngón chân, cánh tay và cơ thể. Anh phóng một ngọn giáo tưởng tượng lên trời. Anh lột da một con vật bí ẩn, nạo da, và choàng quanh vai mình. Anh di chuyển rất nhanh nhẹn, dường như anh giống một con cáo đang đi săn trong tuyết hơn là một con người. Cuối cùng, anh dừng lại và cúi chào dân làng.

- Như mọi người biết - anh nói bằng tiếng Yupik - tôi rất biết ơn cha mẹ nuôi của tôi, Malek và Taktuk. Giờ tôi nhảy cho họ.

Peter nhảy như một con nai sừng tấm băng qua lãnh nguyên, như một đàn ngỗng tuyết tăng tốc trên biển, như một con hải cẩu, như một con cá voi, và như cả một đàn tuần lộc. Bàn tay, bàn chân và cơ thể anh duyên dáng hết như loài hải âu Bắc Cực. Chưa ai từng được xem màn nhảy

múa như thế cả, và họ xem với sự chăm chú mê mải, Julie cũng giống như họ.

Rồi anh gạt đầu ra hiệu với cô. Cô lưỡng lự. Kapugen đẩy cô vào vòng tròn, và với một nụ cười, cô bắt đầu nhảy. Cô giơ cao hai tay, xoay cổ tay, uốn các ngón tay, và nhảy trong khi hai chân Peter giữ nhịp. Cô nhảy một vũ điệu của phụ nữ mà cô học được ở Nunivak. Khi điệu vũ của cô kết thúc, cô cúi chào và Peter trình diễn thêm một điệu vũ nữa của nam giới, kết thúc bằng một động tác chân phức tạp và rất nhanh. Rồi anh bước lại phía Julie như thể để đón nhận cô.

- Anh học điệu nhảy ở đâu vậy? - Julie bẽn lễn hỏi. - Tuyệt vời lắm.

- Siberia - anh nói. - Đó là nhà anh.

- Siberia ư? - Cuối cùng Julie cũng biết vì sao giọng anh khác hẳn. Anh đến từ nơi rất xa. - Anh đến đây bằng cách nào? - Cô hỏi.

Anh nắm lấy tay cô và cùng cô bước lên tấm mền để chơi hát mền.

- Cùng với đoàn Vũ công Siberia Yupik - anh nói. - Bọn anh vẫn nhảy ở Barrow và Kaktovik ở Alaska với lại Kraulshavn ở Greenland. Anh từ Provideniya, Siberia đến đây. Tất cả chúng ta đều là một dân tộc, em biết không, chúng ta, những người sống quanh Bắc Cực. Anh nói tiếng Yupik. Em nói tiếng Yupik. Bọn anh săn bắt và đánh cá. Em săn bắt và đánh cá. Các quốc gia tạo ra biên giới, nhưng các nền văn hóa thì không. Anh ở đây và nhảy những bước

giống nhau dù chúng ta chưa từng gặp nhau trước đó.

Anh cúi xuống và nhấc một bên của tấm mền lên. Julie nắm thật chắc, những dân làng khác cũng vậy.

- Thế các bạn khiêu vũ của anh đâu? - Cô hỏi khi mọi người đã vào vị trí xung quanh tấm mền da hải cẩu.

- Họ về nhà rồi. Thời gian chơi thăm của bọn anh hết. Anh thích ở đây. Một hôm anh gặp bố Malek. Ông bảo anh làng Kangik có bò xạ và rằng ông cần người giúp chăm chúng. Anh bảo ông anh biết về chúng. Bọn anh cũng có bò xạ ở phía bên kia Bắc Băng Dương. Thế là anh có thể ở lại, bố Malek và mẹ Taktuk nhận anh làm con, và anh rất hạnh phúc.

- Siberia - Julie nhắc lại.

- Người Eskimo chúng ta bị chia tách bởi chính trị của người da trắng đã quá lâu - Peter nói và nắm tấm mền chặt hơn nữa - đến mức mỗi chúng ta đều quên mất còn những người khác. Nhưng những vũ điệu và ngôn ngữ của chúng ta thì không, chúng vẫn như cách đây cả sáu nghìn năm. Thật thú vị.

- *Hup, hup* - Kapugen hô, và dân làng hạ tấm mền xuống đất để bé Benjamin có thể bước vào chính giữa. Mọi người thận trọng nhấc mền lên, rồi hạ xuống, di chuyển tấm mền theo nhịp.

- Lên nào!

Benjamin bay bổng gần năm mét trong không trung, vung vẩy hai chân và khua khoắc cánh tay để giữ thăng

bằng. Cậu bé lơ lửng trong không trung một lúc, một thân hình trắng trẻo trong chiếc áo trùm *parka*, xanh dương viền trắng, rồi rơi xuống. Cậu đáp xuống tấm mền da và lại bay bổng lên. Ba lần cậu vọt lên bầu trời xanh và đáp xuống. Sau đó mọi người cùng nghỉ ngơi.

Sau Benjamin, đến lượt Edna Ulugak được tung lên. Cô bé vọt lên như một chú chim nhỏ và làm những động tác duyên dáng bằng tay khiến mọi người reo hò. Khi cô bé mệt, đến lượt anh trai cô nhảy.

Trò hát mền tiếp tục cho đến khi tất cả những người muốn chơi đều đã được bay lên xuống như một trái bóng, tạo dáng và nhào lộn khi ở vị trí cao nhất. Khi không còn ai xung phong nữa, tấm mền được cất đi để chờ đến tối.

Julie đưa cho Peter một chiếc bánh rán Minnesota. Anh đeo nó vào ngón tay mình, nhảy một điệu nhảy bánh rán, rồi mới ăn.

- Lạ nhỉ - anh nói.

Bà Marie đưa *maktak* cho họ trên những chiếc đĩa giấy, và họ ngồi xuống đất ăn.

- *Yurnmm* - Peter nói. - Cứ như ở nhà.

- Có một điều anh sẽ thấy không giống ở nhà - Julie nói - đó là ở mé bên này Cực, bọn em không nói bọn em yêu ai đó trừ phi đúng là vậy.

- Bọn anh cũng thế. - Peter nói. - Anh yêu em. - Anh nhìn cô. - Ở Siberia bọn anh biết rất rõ khi nào mình yêu. Ở đây, có vẻ mất thời gian hơn. Ảnh hưởng của người da

trắng quá nhiều. Người Mỹ da trắng đợi cho tới khi họ đi học, có việc làm, có nhà. Khi họ thành những người già dặn, họ mới yêu.

Nhai chỗ *maktak* của mình, Julie nghĩ tới Daniel và cuộc hôn nhân của cô với gã ở tuổi mười ba. Cô nghĩ những người da trắng đã đúng.

Mặt trời chìm xuống và rồi lại mọc lên trên bầu trời. Rất khuya rồi. Nhận thấy dì Ellen đang thu dọn, Julie đứng lên để giúp dì. Peter cũng đứng lên.

- Julie - anh nói, cầm lấy tay cô và dẫn cô rời khỏi đám đông - anh cũng muốn nói với em về đàn sói của em.

Cô kêu lên đầy sợ hãi:

- Anh biết chúng ư?

- Anh biết.

- Bằng cách nào? Bằng cách nào? - Cô hỏi.

- Con sói - anh nói, như thể lẽ ra cô nên biết hơn là hỏi - nói với em bằng tình bạn.

- Kapu là một con sói hoang - cô trả lời gay gắt. - Vậy thôi.

Cô chạy tới chỗ dì Ellen.

- Julie. - Peter bắt kịp cô và lại kéo cô sang bên. - Đêm qua Kapu và đàn của nó đã giết một con bò xạ.

Julie xoay phắt lại.

- Không - cô kêu lên. - Không, không phải. Nó đang ở đèo Anaktuvuk với lũ tuần lộc mà.

- Gấu xám đã phá đổ hàng rào - Peter nói khẽ và từ tốn.
- Anh đã đuổi nó vào sâu trong đất liền bằng súng trường bắn lên trời. Trong lúc anh đi, đàn sói đã mò vào. Lúc anh tìm thấy chúng thì chúng bỏ lại cái xác. Chúng bỏ chạy. Anh đã sửa hàng rào và đợi xem chúng có quay lại không. Chúng không quay lại.

- Không, Peter, không - Julie kêu lên. - Bố Kapugen sẽ giết chúng mất.

Cô chạy đi vài bước và quay lại.

- Xin đừng nói với bố - cô nói. - Em phải tự làm việc đó.

[1] CB radio (Citizens band radio - sóng phát thanh công dân) là một hệ thống phát thanh di động mặt đất cho phép liên lạc thoại hai chiều ở khoảng cách ngắn giữa các cá nhân, sử dụng các máy phát thanh hai chiều hoạt động trên 40 kênh gần 27 MHz (11 m) ở dải tần số cao (sóng ngắn).

[2] Gallon, đơn vị đo chất lỏng, tương đương 3,78 lít ở Mỹ.

[3] Từ ngữ trong tiếng Eskimo để chỉ lông bò xạ.

[4] Chim nham lôi, một giống chim thuộc họ gà gô.

[5] Súng trường .22 hay còn gọi là súng .22LR là loại súng sử dụng đạn có đường kính khoảng 0,22 inch (tương đương 5,7mm).

[6] Lều Quonset là kết cấu đúc sẵn rất nhẹ bằng thép mạ kẽm lượn sóng có mặt cắt hình bán nguyệt. Tên gọi

Quonset xuất phát từ địa điểm sản xuất đầu tiên là *Mũi Quonset* thuộc Trung tâm Lữ đoàn Hải quân Davisville ở Davisville, đảo Rhode.

[7] Nguyên văn “gill net” là loại lưới rất thông dụng để bắt cá. Lưới thường được bố trí thành đường thẳng, có các phao cách đều nổi trên mặt nước. Khi bơi qua chỗ giăng lưới, cá chỉ chui lọt nửa người qua mắt lưới và sẽ mắc nắp mang vào sợi lưới nên không thoát ra được.

[8] Mỡ cá voi.

[9] Còn gọi là *lemmut*, một loài chuột nhỏ sống ở địa cực, có đặc tính thỉnh thoảng tự lao xuống biển chết hàng loạt trong quá trình di trú.

[10] Nguyên văn “graylings”, một loài cá nước ngọt thuộc họ cá hồi.

[11] Nguyên văn “the lower forty-eight”, một thuật ngữ chỉ toàn bộ 48 bang liền kề nhau của Hoa Kỳ, không tính Alaska và Hawaii.

[12] Nguyên văn “blanket toss”: trò chơi nhảy cao lên không trung nhờ một tấm vải được căng ra để tạo sức bật. Hiện nay người ta đã thiết kế các giàn nhún chuyên dụng để chơi.

[13] Nguyên văn “a band shell”: là bục chơi nhạc phía sau có màn hướng âm tạo hình lõm như vỏ sò.

PHẦN II: SÓI NON AMY

JULIE CẢM THẤY MẤT PHƯƠNG HƯỚNG NHƯ HỒI cô ở trong trận bão tuyết mù mịt. Cô đứng bất động nghĩ về những gì Kapu đã làm. Những người chơi trống đã cất trống đi, thức ăn thừa đang được mang về nhà, và đám trẻ con buồn ngủ được bê vào giường. Bố Kapugen và dì Ellen đang dạy Benjamin, Roy, và bé Edna Ulugak những động tác chân và tay của vũ điệu tuần lộc, nhưng Julie chẳng hề nhìn thấy gì. Cô chỉ nhìn thấy số phận kinh khủng cho đàn sói của cô.

Cô thậm chí không nhìn thấy Peter, vẫn đang đi lùi phía sau và theo dõi cô. Trong ánh nắng lờ mờ lúc một giờ sáng, trông anh như thể được đúc bằng đồng vàng.

Julie bước tới chỗ chiếc xuống vừa cứu được của Kapugen và ngồi xuống. Cô trân trân nhìn dòng sông đang nổi sóng. Nước đã yếu bớt, nhưng những tảng băng khổng lồ vẫn trôi lên, vỡ bung, chìm xuống và lại trôi lên tít phía dưới dòng. Tiếng gầm gừ của mùa băng vỡ thật dễ chịu. Đó là bức tường âm thanh ngăn cô với cuộc vui giờ đã ngủ say của làng Kangik. Cô có thể tập trung vào những việc cần làm cho đàn sói của mình.

Chắc giờ Kapu đã có con, cô nghĩ. Nó sẽ không đi xa

chúng, và vì thế cô lập một kế hoạch.

Tâm trí cô lộn vào tiếng loẹt xoẹt từ máy bộ đàm CB của Kapugen.

- Căn cứ Cáo Trắng - cô nghe thấy vậy. - Đây là Căn cứ Cứu hộ Wainwright. Anh hiểu tôi chứ, Kapugen? Hết.

Julie im lặng ngồi nghĩ về Kapu. Cuộc gọi được lặp lại thì cô mới lắc đầu và vội vã đi vào nhà. Cô bật CB.

- Căn cứ Cứu hộ Wainwright, tôi nhận rồi. Kapugen không ở đây. Hết.

- Căn cứ Cáo Trắng. Đây là cuộc gọi tìm kiếm và cứu nạn. Khẩn cấp. Khẩn cấp. Cô tìm ông ấy được không? Hết.

- Tôi sẽ gọi ông ấy. Tôi ra ngoài.

Kapugen là thành viên Đội Tìm kiếm Cứu nạn Dốc Bắc. Người ta cần ông. Julie chạy đi.

Cô tìm thấy bố Kapugen, dì Ellen, và cô Uma đang nhảy trong ánh nắng gần nhà thờ. Bọn trẻ con đã đi, và cô Uma đang hướng dẫn dì Ellen cách di chuyển bàn chân để biểu diễn một điệu khúc đặc biệt trong điệu nhảy của nữ. Dì Ellen làm theo bước chân của cô ấy hết sức điệu nghệ. Julie chạy tới chỗ bố Kapugen.

- *Aapa* - cô nói. - Đội Tìm kiếm Cứu nạn cần bố.

Kapugen ngừng nhảy và nắm lấy tay dì Ellen, vội vã cùng dì về nhà. Julie chậm rãi theo sau, ngẫm nghĩ những lời nói với bố Kapugen về Kapu và con bò xạ.

Khi cô vào nhà, bố Kapugen đang mặc chiếc áo bay của

ông.

- Tin không hay - ông nói. - Một luật sư cùng vợ anh ta từ Barrow đến bị lạc ngoài biển. Trước khi có bão, họ lên xuồng ra khơi đến Vịnh Kuk. Kể từ đó không có tin gì của họ. Bố sẽ bay ra để xem có tìm được họ không.

Ông bước đến máy CB và bật lên.

- Anh Malek - ông nói vào loa - Kapugen đây. Anh nghe tôi nói không?

Ngừng một lúc.

- Tôi nghe rồi, Kapugen, nhưng không rõ lắm. Tôi đang ngủ. Hết.

- Tỉnh táo đi, phi công phụ của tôi - ông nói - và gặp tôi ở lều Quonset. Hai người mất tích ngoài biển. Đi đây.

Ông tắt bộ đàm, hôn dì Ellen, và vỗ má Julie.

- Bố sẽ về - ông nói.

- *Aapa*. - Julie chạy ra cửa cùng ông. - Con có chuyện phải nói với bố.

- Để sau, để sau - ông nói, và lao vào ánh nắng màu đồng của những giờ khắc còn lại trong ngày.

- Bố con phải tìm họ - dì Ellen nói với theo sau Julie.

- Đất nước này có không ít chuyện buồn.

- Hẳn là vậy rồi - Julie nói, và leo lên *iglek*.

Dì Ellen đi vào phòng ngủ và buông rèm để dì có thể ngủ được. Đàn chó sủa, máy bay của Kapugen cất cánh, và làng Kangik im phăng phắc. Lễ hội *Nalukataq* đã kết thúc.

Kapugen đi hai ngày. Khi trở về, ông ủ rũ và trầm tư. Ông dừng lại chỗ nhà kho để kể với bà Marie và vài người đi mua đồ rằng ông đã tìm thấy chiếc xuồng bị lật úp trên một bãi biển hoang vắng. Nó trống trơn. Cuốn nhật ký hải trình của vị luật sư cho biết anh ấy đã quay về khi nhìn thấy cơn bão đã giam chân Julie và dì Ellen. Nó đã đuổi kịp ông ấy. Những người đi chợ lắc đầu khi nghe tin ấy. Họ biết những gì Hilla, vị thần thời tiết, có thể làm, và họ rất buồn.

Tuần tiếp theo Kapugen đi đi về về và bận rộn đến mức không thể nói chuyện với Julie hay tới chỗ bãi quây gia súc. Ông và bác Malek bay đi bay về Barrow vì những vấn đề pháp lý cho gia đình vị luật sư rồi tới các bãi biển và mũi đất vắng vẻ để tìm kiếm xác họ. Bác Malek giao việc quản lý đàn bò cho Peter.

Julie đợi cơ hội nói chuyện với bố Kapugen. Cô đọc thêm một số sách mới mà cô tìm được khi giúp dì Ellen dọn dẹp phòng học cho mùa hè. Cô bắt cá, cho chó ăn, và kiểm tra hàng rào bãi quây. Đến chiều muộn, cô ra lãnh nguyên và ghi chép dấu vết của các loài động vật có vú và các hoạt động của chim chóc. Cô đang thực tập cho kế hoạch cô đã vạch ra.

Đàn *uminmak* đang trút bỏ lượng lớn *qivit* khi đổi mùa.

Peter đến nhà nhờ Julie giúp thu gom lông bò. Cô nhận lời, háo hức lấp đầy quãng thời gian cho tới khi cô có thể nói chuyện với bố Kapugen. Khi họ xong việc, cô lại ra lãnh nguyên và lắng nghe những thông điệp từ đàn sói của mình.

Một buổi chiều, hai con bê chào đời, và Julie chạy một mạch về nhà, mái tóc đen của cô tung bay phía sau.

- Dì Ellen - cô nói đầy phấn khởi - Viễn Bắc có thêm hai bạn mới rồi.

- Thêm hai con bò nữa - dì Ellen nói, mỉm cười. - Tốt quá. Tốt quá. Chẳng mấy chốc chúng ta sẽ có một đàn bò đủ lớn để công việc kinh doanh này tự trang trải được. - Dì mở sổ ghi chép và ghi lại những con bê mới sinh. - Chúng là đực hay cái?

- Cả hai đều là con cái - Julie đáp.

- Tốt quá. Thế nghĩa là sẽ có thêm những con bê nữa.

- Chúng ta ăn mừng thôi - Julie nói. - Con sẽ bắt cho dì *acbum*, loại cá hồi ngon nhất. Chúng bắt đầu từ biển bơi ngược vào sông rồi.

- Tuyệt lắm - dì Ellen nói. - Nhưng nấu theo kiểu Minnesota nhé.

Julie không mất nhiều thời gian bắt cá. Cô lạng cá bằng những động tác khéo léo, rồi nhìn dì Ellen tấm gia vị và hoa quả sấy mà mẹ dì gửi tới.

- Julie - dì Ellen nói, ngồi thẳng lên sau khi cho cá vào lò nướng - dì để ý những cuốn sách con đang đọc. Con quá tiến bộ không cần phải đến trường ở Kangik mùa đông tới.

- Vậy ư? - Julie nói. - Thế thì thật tệ. Con lại rất muốn được đi học ở đây.

- Con có thể đi học - dì Ellen nói - nhưng không phải ở đây. Trong vòng một năm nữa, Hạc Dốc Bắc sẽ xây một

trường trung học ở Kangik, nhưng cho tới khi người ta xây trường, hạt sẽ gửi học sinh trung học Kangik tới Barrow, Anchorage, hoặc Fairbanks. Khi đó con có thể tới Đại học Alaska hoặc thậm chí tới các trường đại học đại lục.

Julie chăm chú lắng nghe.

- Nếu con thích - dì Ellen nói - dì sẽ làm hồ sơ cho con.

- Con sẽ nghĩ về việc đó - Julie đáp mà không mấy hào hứng.

- Con sẽ không đơn độc đâu - dì Ellen thúc giục. - Sẽ có những bạn trẻ Eskimo khác bằng tuổi con. Các con sẽ được khiêu vũ, chơi bóng rổ và bóng chuyền.

Julie im lặng. Dì Ellen cố gắng nghiêm túc.

- Một học trò của dì tốt nghiệp trung học Anchorage năm ngoái. Cậu ấy sẽ theo học Đại học Alaska ở Fairbanks vào mùa thu này. Điều đó không thú vị ư?

- Sinh viên sẽ làm gì sau khi họ tốt nghiệp ạ? - Julie hỏi.

- Hầu hết trở lại Dốc Bắc - dì Ellen đáp. - Có người giờ đã là Giám thị phụ trách các trường học. Một bạn nữa là chủ ngân hàng. Một bạn nữa từ Barrow là chuyên gia ngôn ngữ Ifiupiat và thậm chí còn đang biên soạn một cuốn từ điển Ifiupiat. Có rất nhiều việc để làm ở đây nếu có trình độ. Người Eskimo muốn giữ gìn nền văn hóa của mình và đồng thời học hỏi thêm những kỹ năng hiện đại như sử dụng máy tính và thư viện.

Julie ngồi im như một con thỏ đang bị săn đuổi. Một tuần rưỡi trước có lẽ cô đã nhờ dì Ellen nộp đơn. Còn hôm

nay thì cô không thể. Cô có một giao ước với đàn sói của mình. Cô phải cứu chúng.

Dì Ellen bật nhạc giao hưởng. Dì dọn món cá hồi ra.

- Dì sẽ xin học cho con nhé? - Dì hỏi.

- Con phải suy nghĩ đã.

Dì Ellen cảm thấy Julie đang dựng lên một bức tường cảm xúc nào đó, bèn bước tới tờ lịch.

- Em con sẽ đến với nhà ta vào ngày năm tháng Bảy, bác sĩ nói vậy. Chúng ta sẽ nói về việc học hành sau khi em bé ra đời.

Họ im lặng ngồi ăn, nghe tiếng gió đùa giỡn ngoài cửa sổ kèm với tiếng nhạc của dì Ellen.

- Dì Ellen - cuối cùng Julie nói - con thật ích kỷ. Con vẫn chưa làm một món quà cho *paipiuraq* bé bỏng của mình.

Cô vét sạch đĩa đồ ăn và bỏ đĩa vào một chậu rửa bát.

- Con khâu vá khá tốt - cô nói tiếp. - Con đã từng khâu những chiếc áo trùm *parka* rất đẹp cho cô Nusan, vợ bạn của bố Kapugen. - Julie mang đôi ủng đập bằng cao su của mình vào. - Dì rửa bát đĩa rồi con sẽ quay lại. Con muốn tới lều Quonset. Bố Kapugen tặng con mấy con chồn *ermin* trắng. Bố nói để dành cho con. Bố nói bố muốn con làm một thứ gì đó đẹp cho chính con từ những con vật ấy. Nhưng con sẽ làm cho em bé một chiếc áo lông chồn *ermin* trắng tinh. - Cô mặc áo *attigi*. - Con sẽ không ích kỷ vậy nữa - cô nói.

- Con chẳng hề ích kỷ mà - dì Ellen trả lời.

Julie bẽn lễn mỉm cười và hồi hả ra ngoài trong ánh mặt trời mát mẻ. Một làn gió êm dịu thổi từ đại dương xa xăm lại. Những khóm lách và lau nhỏ xíu dọc bờ sông là chỗ trú ẩn của đám ngỗng và vịt nằm trong tổ. Ngoài Vịnh Kuk, giờ là một màu lam lục thăm thẳm, những người đàn ông và phụ nữ trên những chiếc thuyền cá đang bắt những con cá hồi và cá hồi trắng đầu tiên trên lộ trình bơi vào đất liền để giao phối và đẻ trứng. Mùa cá voi, vịt, và hải cẩu đã kết thúc; mùa bắt cá vừa bắt đầu.

Nhảy ào qua những vũng bùn, Julie thiết kế chiếc áo trùm *parka*, chồn *ermin* trong đầu trong khi cô nhảy chân sáo và chạy tới lều Quonset. Cô không nhìn thấy Peter cho tới khi gần như xô vào anh.

- Julie - anh mỉm cười nói. - Anh đang định đến tìm em. Anh đã thấy đàn sói của em.

Cô dừng sững lại. Đôi mắt cô thực sự lên tiếng: *Ở đâu?* Chúng hỏi vậy.

- Khoảng bốn mươi dặm phía trên sông Avalik - anh trả lời. - Chúng mang theo thức ăn.

- Tốt quá. Thế nghĩa là chúng đang nuôi một con sói mẹ. Chúng có tổ.

- Anh nghĩ vậy.

- Anh thấy mấy con trưởng thành?

- Ba con.

- Ba - cô nói. - Anh có nghĩ anh nhìn thấy tất cả không? Chú Atik nhìn thấy tám con hồi mùa đông.

- Mùa đông không hợp với chó sói. Không có thức ăn. Có thể một vài con đã chết đói.

Cô cần môi.

- Em phải tới chỗ chúng. Bốn mươi dặm không đủ xa với một con sói. Chúng sẽ quay lại bắt bò xạ.

Cô định rời đi.

- Em có thể cùng anh tới nhà tạm được không? - Anh hỏi. - Con bê thứ tư sắp sinh rồi, con bò mẹ hành động lạ lắm.

- Em sẽ đến chỗ anh sau - cô nói. - Em đang trên đường đi lấy mấy bộ lông *ermin* trong số lông thú của bố Kapugen ở lều Quonset. Em sẽ làm cho con của dì Ellen một cái áo choàng thật đẹp.

Peter mỉm cười và nhìn cô qua phía trên cặp kính râu.

- Anh yêu em - anh nói. - Em có yêu anh không?

- Anh Peter Sugluk - cô nói. - Em phải học cho xong trung học và đại học rồi lấy bằng thạc sĩ về tiếng Yupik và Inupiat thì mới có thể nghĩ đến yêu đương.

- Dì Ellen nói chuyện với em à?

- Vâng.

- Dì Ellen cũng đã nói chuyện với anh - Peter nói. - Anh đã nộp đơn vào Đại học Alaska.

- Anh cũng sẽ đi học à? - Julie hỏi, và cười vang. - Anh toàn những điều ngạc nhiên. - Cô đặt tay lên môi. - Em chẳng biết phải nghĩ thế nào về anh.

- Phải, đúng thế - anh nói, ôm choàng lấy eo cô và nhấc bổng cô lên. Anh xoay tròn hai vòng rồi mới đặt cô xuống, hướng về phía lều Quonset.

- Giờ em đi lấy lông *ermin* làm quà tặng cho em bé đi - anh nói. - Hẹn gặp em ở chỗ nhà tạm.

Julie lấy lại thăng bằng, rồi chạy vòng qua nhà thờ và ngược lối mòn tới lều Quonset. Bước vào bên trong, cô hé nhòm lại chỗ Peter. Chiếc áo *attigi* trắng của anh bay phấp phật khi anh chạy. Anh cứ như một con chim cắt đang lao mình về tổ.

Mình thích anh ấy, Julie tự nhủ. Đúng vậy. Nhưng cô không rời mắt khỏi anh cho tới khi anh khuất khỏi tầm nhìn.

ooo

Đã nửa đêm. Tiếng động cơ máy bay rền rền từ xa, càng lúc càng lớn và thấp xuống, và cuối cùng tắt ngấm. Julie lắng nghe từ trên *iglek* của mình và chờ đợi. Bố Kapugen và dì Ellen đang trở về sau khi đến gặp bác sĩ ở Barrow. Julie không hề ngủ kể từ lúc vầng mặt trời nửa đêm nhuộm cả lãnh nguyên một màu cam, vì hôm nay là ngày cô sẽ nói với bố Kapugen rằng Kapu đã giết một con bò xạ. Gần một tuần đã trôi qua kể từ sự cố ấy. Cô rất sợ nhưng rất kiên quyết.

Dì Ellen bước vào trước tiên và nhón chân đi qua *iglek*, cho rằng Julie đang ngủ say. Dì đi qua phòng với hai chân

vẫn còn đi tất, vẫn mái tóc đỏ của dì lên đỉnh đầu. Khi đã vấn gọn tóc và buộc lại, dì vục lấy một xoong nước từ cái thùng nhựa ba mươi *gallon* đặt bên cạnh tủ lạnh.

Dì Ellen mang theo một cốc nước sông sạch mát lạnh. Kể từ đợt băng vỡ, người dân làng Kangik lại có thể lấy nước từ sông Avalik.

Dì Ellen đánh răng chỗ bồn tráng men và đổ nước xuống bồn rửa trong bếp. Cuối cùng dì đi vào phòng ngủ.

Julie nghe tiếng nước chảy xuống ống và trút xuống đất dưới gầm nhà. Cô nghe thấy tiếng nước róc rách chảy đi. Đây là thứ âm thanh của mùa hè. Nước từ bồn rửa không còn đóng băng trong cái phễu thủy tinh dưới gầm nhà.

Bố Kapugen mở cửa và bước vào. Julie nhích ra mép *iglek*.

- *Aapa* - cô thì thảo - con có chuyện cần nói với bố.

Cô gần như mắt chạm mắt với ông.

- *Eedie*, Miyax xinh đẹp - ông nói, và nháy mắt. - Vậy là con có người yêu rồi phải không?

- *Aapa* - cô nói, mặc kệ lời ông. - Làm ơn nghiêm túc nào.

- *Ee-lie* - ông nói, và hôn lên má cô. - Có phải con muốn lấy chồng không?

Ông gạt một lọn tóc của cô ra sau.

- *Aapa, Aapa*. - Julie tụt khỏi *iglek* và đứng trước mặt ông. - Con muốn bố bình tâm nghe những gì con phải nói

với bố đây.

Bố Kapugen có vẻ ngạc nhiên.

- Bố không phải lúc nào cũng vậy sao?

- Đàn sói đã giết một con bò.

Vẻ lấp lánh vui tươi biến mất trong mắt Kapugen. Sau một lúc im lặng trầm ngâm, ông quay người và đi sang gian sảnh *qanitchaq*. Ông mặc áo bay và nhặt khẩu súng săn sói lên.

- Xin bố đừng - Julie nài nỉ. Cô theo ông bước ra ánh mặt trời lúc hai giờ sáng. - Xin bố đừng - cô lại cầu khẩn.

- Không ích gì đâu - ông trả lời, theo đường tới lều Quonset và chiếc máy bay của mình. - Chúng ta cần bò xạ.

- Xin bố, bố Kapugen, *aapa* của con. - Julie chạy chân trần bên cạnh ông. - Con sẽ ngăn đàn sói tránh xa bò. Xin bố đừng bắn chúng. Chúng đã cứu mạng con.

Cô dừng lại và vươn tay về phía ông.

- Chẳng ích gì đâu - ông nhắc lại, nhưng bước chân chậm hẳn.

Mắt Julie giàn giụa nước. Cô hối hả bắt kịp ông.

- Con xin mà, *aapa*, chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Con biết phải làm gì.

- Có lẽ những con thú ăn thịt không phải là đàn sói đã cứu con - Kapugen nói, rất muốn tin điều này, mặc dù ông biết chỉ có một đàn ở giữa Wainwright và vùng núi.

- Chính là chúng. Xin đừng bắn chúng - cô trả lời. - Anh

Peter đã nhìn thấy đàn sói. Một con màu bạc và một con màu xám. Con đầu đàn màu đen.

- Nhưng bố đã bắn con đầu đàn màu đen của con mà.

- Con màu đen là con của nó. Bố cũng đã bắn trúng nó, nhưng không nặng lắm. Con đã chăm cho nó khỏe lại. - Cô ngáp ngừng. - Con đặt tên nó theo bố. Tên nó là Kapu. Nó là một thủ lĩnh cừ.

- Bò xạ phải sống - Kapugen nói. - Chúng ta cần tiền cho dân làng.

- Chú Atik có hải mã, bác Malek có cá voi. Trứng vịt và trứng ngỗng ở khắp nơi trong đám lau sậy bờ sông. Cá hồi trắng và cá hồi đang bắt đầu trở về.

- Chúng ta không thể săn bắt mãi mãi đâu - Kapugen nói. - Động vật hoang dã đang biến mất khỏi trái đất. Chúng ta phải tìm một phương thức mới để sống ở Bắc Cực. Phải có công việc làm ăn. Bò xạ là công việc của chúng ta đây.

Kapugen chậm bước lại thành nhịp đi bộ đầy do dự. Gương mặt ông toát lên nét buồn bã mà Julie không tài nào chịu nổi khi nhìn ông.

- Chẳng ích gì đâu - ông nói thêm một lần nữa. - Bố phải bắn hạ những con sói giết bò.

- Hãy để con đi với chúng - cô nói. - Con biết phải làm gì. Bố từng nói chuyện được với sói. Cũng như bố, con đã học ngôn ngữ của chúng khi con ở cùng chúng trên lãnh nguyên. Con sẽ bảo chúng chỗ có tuần lộc và đưa chúng đi

tìm tuần lộc. Chúng sẽ làm vậy.

Kapugen đưa những ngón tay sạm nắng gió của mình gãi gãi lông mày, như thể đang thay đổi ý định. Rồi quyết tâm của ông trở lại và ông sai bước tới lều Quonset. Julie chạy theo ông.

- Xin bố, hãy để con thử - cô van nài. - Nếu con không thành công, khi đó con sẽ chấp nhận. Con xin mà, *aapa*.

Kapugen để cô bắt kịp ông.

- Ở Minnesota - ông nói - sói được bảo vệ. Không ai bắn hạ chúng, chúng rong ruổi trong rừng bắt hươu, nai sừng tấm và một động vật người ta gọi là hải ly. Nhưng khi một con sói mò vào đất của người và giết hại gia súc, thì các quan chức môi trường của chính phủ sẽ đến và bắn hạ nó. Họ bắn những con cạnh tranh với loài người. Họ nghĩ vậy là công bằng. Đó là cách thức giữa con người và sói ở Minnesota.

- Nhưng ở đây thì không vậy - Julie nói. - Chúng ta khác. Chúng ta biết mọi thứ đều từ mặt đất mà ra và phải sống để tất cả chúng ta cùng có thể sống được.

- Nhưng không như vậy khi chúng ta sống như người da trắng. - Kapugen ngừng bước. - Người Eskimo - ông nói, giọng ông trầm hẳn khi ông nhấn từng từ thật cẩn trọng - giờ đây sống theo luật Minnesota.

- Những quy tắc cũ là tốt nhất - Julie nói.

- Bố đã dạy con như vậy phải không nhỉ?

- Bố đã dạy con như vậy, *aapa*.

- Bố sai rồi.

Những đám mây mỏng đang hình thành phía trên vùng vịnh lúc mặt trời bắt đầu cái vòng tròn bất tận của mình quanh phần đỉnh của thế giới lần nữa. Julie và cha cô nhận ra như vậy, vì họ chú ý đến mọi đám mây.

- Nặng rồi - Julie nói. - Con có thể đi được.

- Vậy con sẽ đi cùng chúng à? - Kapugen nói khẽ.

- Con sẽ đi với chúng.

- Và con sẽ làm gì?

- Con không rõ cho tới khi con nói chuyện với chúng.

- Con sẽ đi như thế nào? Con không thể dắt theo đàn chó.

- Đi bộ ạ, cho tới khi tìm được chúng. Sau đó con sẽ đi như chúng đi.

Cô sụp xuống trên cả hai tay và chân và nhảy nhót nhẹ xung quanh Kapugen, ư ử và rên rĩ như một con sói.

- Con thật sự học được ngôn ngữ của chúng rồi - ông nói, dịu dàng kéo cô đứng lên. - Đi tới chỗ chúng đi. Bố biết cố gắng của con sẽ vô ích. Sói không biết tài sản của con người. Chúng chỉ thấy con mỗi phù hợp của chúng và bắt nó. Sói phải là sói.

- Sói có biết những ranh giới đấy - Julie nói. - Chúng có lãnh thổ săn mồi như chúng ta. Chúng đánh dấu và kiểm soát những khu vực đó. Thật tiếc là bò xạ của chúng ta trong lãnh thổ của Kapu. Nó nghĩ chúng là của nó.

Kapugen choàng quai súng quanh cổ và để cho khẩu súng treo trên lưng mình.

- Vô ích - ông nói.

- Bố sẽ để con thử chứ? - Cô hỏi.

- Bố không thể từ chối - ông nói, chạm lên mái tóc đen óng ả của cô với sự âu yếm của một con sói với con non. - Bố sẽ để con thử. - Ông kiễng chân lên, rồi hạ xuống trên gót chân. - Nếu chúng lại giết bò nữa, bố sẽ đành phải theo luật ở Minnesota thôi.

- Vâng - cô nói. - Nhưng bố sẽ không phải làm vậy đâu.

Cô đưa cườm tay lau mắt và cảm ơn ông bằng một nụ cười đầm lệt.

Kapugen choàng tay quanh vai cô và họ đi bộ trở lại nhà, hắt những cái bóng màu tím đỏ dài trước mặt.

- Cầm theo khẩu .22 của con - ông nói khi họ về đến nhà. - Bố sẽ đưa đạn cho con.

- Con không muốn dùng khẩu .22 - Cô nhớ đến những tiếng súng đã giết chết Amaroq và nỗi sợ hãi mà đàn sói của cô luôn có trước súng ống.

- Ngoài kia có lũ gấu xám - Kapugen nói tiếp. - Cứ bắn lên trời. Như thế sẽ dọa được chúng.

Julie gật đầu.

- Có lẽ con sẽ mang theo - cô nói, nhớ lại con gấu xám đã tấn công cô. Nếu không phải vì Amaroq và đàn của nó, có lẽ giờ cô đã không ở đây.

Kapugen không nói gì thêm cho tới khi ông đặt tay lên nắm đấm cửa gian *qanitchaq*.

- Bố sẽ đi theo con - ông nói. - Con CB của bố sẽ tìm được lối đi của con và dẫn bố tới chỗ con. Nó đánh hơi rất giỏi, phải. Nó có thể ngửi thấy mùi hải cẩu cách xa bốn dặm và tìm được nó.

- Cho con hai tuần - cô nói. - Đủ thời gian để tìm được chúng.

Kapugen gật đầu lần nữa. Ông hiểu. Người ta phải kiên nhẫn với Bắc Cực.

Julie bỏ ra mấy giờ tiếp theo chuẩn bị cho chuyến đi của mình. Cô lấy thực phẩm, túi dao *ulu* cùng dầu cá voi, và một bộ quần áo để thay. Cô hát ư ử trong khi làm công việc chuẩn bị. Cô nhìn về phía trước khi lại được tự do đi bộ trên lãnh nguyên rộng mở. Lần này, cô sẽ đi mà không còn sợ chết đói.

Khi cô đã gói ghém hành trang xong xuôi, cô ra ngoài và ghim những bộ lông *ermin* trắng lên một tấm ván. Cô cẩn thận cắt thành từng dải bằng dao *ulu*. Cô ngồi xuống và khâu các dải da thành một tấm da đẹp duy nhất. Tất cả lớp lông bảo vệ lấp lánh nằm về một hướng. Cô dựng khối lông chồn lên và hít một hơi. Tấm vải lông chồn *ermin* sẽ đẹp mê hồn. Cô choàng nó quanh vai mình, rồi chạy tới chỗ gương của dì Ellen phía trên bồn rửa bát. Lớp lông màu trắng tuyết khiến làn da nâu dịu của cô rạng rỡ và đôi mắt đen của cô thêm sáng. Cô mang tấm da tới *iglek* và nhét vào bên dưới tấm da gấu xám. Cô sẽ hoàn thành tấm

vài khi em bé chào đời. Việc đó sẽ mang lại may mắn cho em bé. Cô nằm xuống *iglek* và thiếp ngủ.

Nhiều giờ sau, hành lý trên vai, cô bước ra ngoài. Cô đã đọc đúng tín hiệu mây. Không khí quang đãng, trời không mây. Đường chân trời lung linh.

Ít nhất quãng thời gian ngày dài ba tháng này sẽ rất đẹp. Cô đi ra lối mòn ven sông. Ở đó cô lấy *totem* Amaroq ra khỏi túi và áp lên má mình. Rồi cô bắt đầu hành trình của mình.

Khi cô đến bãi quây gia súc, cô thấy Peter và gọi anh. Anh vẫy tay và chạy lại đón cô. Nụ cười rạng rỡ của anh nói rõ rằng anh rất vui được gặp cô.

- Con bé non sinh rồi - anh nói. - Lại một cô bé nữa.

Julie mỉm cười, nhưng cô không nhận xét gì. Cô chỉ có một suy nghĩ trong đầu.

- Nói lại với em xem, anh Peter Sugluk - cô nói. - Lần cuối anh nhìn thấy đàn sói ở đâu?

Peter mô tả một khúc cong trên sông và dọc bờ biển toàn đá trắng.

- Anh nhìn thấy chúng đi ở đó.

- Quanh đó có loài hoa đẹp nào không? - Cô hỏi.

- *Ee-lie*, để anh nghĩ xem nào, có đấy. Mà sao em hỏi vậy?

- Ánh Bạc rất thích hoa quanh hang của nó. Chúng có thể làm hang đâu đó gần hoa. Bờ sông có cao không?

- Cao đấy.

- Chúng thích làm hang trên cao để có thể nhìn ra toàn bộ vùng đất.

Peter khoanh tay trước ngực và gõ gõ đầu mình. Mắt anh lấp lánh vẻ thán phục kiến thức của cô. Rồi nét mặt anh thay đổi.

- Chú Kapugen nói gì? - Anh lo lắng hỏi.

- Nói rằng bố sẽ để em thử cứu chúng - cô trả lời. - Bố sẽ cho em thử cơ hội này. Bố sẽ phải bắn hạ chúng nếu chúng lại giết bò.

- Kế hoạch của em là gì? - Peter hỏi.

- Em sẽ đưa chúng tới chỗ tuần lộc, bắt kể chúng ở đâu - cô nói.

- Em sẽ làm việc đó như thế nào? - Anh hỏi.

- Với lập luận của sói - cô trả lời.

Peter cười ngoác và thò tay vào túi áo *attigi* của mình.

- Cầm lấy thứ này - anh nói, trao cho cô một vật nhỏ được đeo bằng ngà hải mã. Nó treo trên một sợi dây.

- Đẹp quá - cô nói. - Cái gì vậy?

- Một cái còi sóc đất - anh trả lời. - Anh làm đấy. Nó sẽ giúp vui cho em khi em thấy nản.

Cô lật chiếc còi trên tay, rồi choàng nó quanh cổ mình.

- Một cái còi sóc đất - cô nói, hất cằm và nhìn lên anh với đôi mắt cười vui. - Em sẽ nghĩ về anh khi em thổi còi.

- Đó chính là mục đích thật sự của nó đấy - anh nói. - Làm cho em nghĩ đến anh. - Anh khoanh tay lại. - Và em sẽ nghĩ đến anh khi em thối còi - anh quả quyết với cô, và cười.

- Em chắc là em sẽ không thể khác được - cô nói. - Quả là một món quà thú vị. Một cái còi sọc đất.

Peter cười lớn, hàm răng trắng bóc của anh sáng lóa trên làn da nâu. Những cái đuôi chồn *ermin* trên đôi ủng của anh nhảy nhót.

- Lẽ ra anh sẽ đi với em - cuối cùng anh nói - nhưng bố Malek cần anh.

- Em phải đi một mình - cô nói. - Đàn sói là bạn em.

Julie nhìn phóng ra lãnh nguyên và hướng đôi ủng của cô về phía đàn sói.

Cô bước nhẹ quanh những khoảng tuyết nhỏ khi cô lần theo dòng sông Avalik tiến về phía đầu nguồn. Gót chân cô chỉ hơi chạm đất khi cô đi. Cô nhảy tránh qua những khóm anh túc và vẫy tay với con chim sẻ tuyết bay lên từ những khóm hoa.

Đi bộ một ngày qua khỏi trại vịt, Julie gặp một con chồn đang đứng trên hai chân sau, móng vuốt xếp trước ngực. Nó không còn khoác bộ lông chồn *ermin* mùa đông màu trắng của mình nữa, mà là một lớp lông màu nâu vàng hợp với lãnh nguyên mùa hè. Nó táo tợn chắn đường cô. Julie giậm chân dọa nó. Nó nhe hàm răng sắc ra và rít lên nhưng không bỏ chạy.

Julie tiến lại gần hơn. Khi cô còn cách nó hơn nửa mét, cô dừng lại.

- Tao là con người - cô nói. - Tại sao mày không sợ tao nhỉ? Có phải vì mày chưa bao giờ nhìn thấy người phải không?

Cô giơ hai cánh tay lên và đung đưa từ bên này sang bên kia.

- Có thấy tao rất to lớn không?

Con chồn rung rung bộ ria và vẫy chằng nhúc nhích.

- Hãy học cách sợ những động vật hai chân đi - cô nói. - Họ bắn những con chồn nhỏ vào mùa đông và biến chúng thành những chiếc áo khoác chồn *ermin* lông lầy.

Con chồn mắt sáng, mặt nhọn vẫn đứng nguyên, cho nên cô đá cho nó một cú và đi tiếp.

Ngày hôm sau Julie đi qua một con cú tuyết nằm trên tổ. Cũng như con chồn, con chim to lớn màu trắng có đôi mắt to màu vàng chằng hề sợ cô. Nó để mặc Julie đến gần như sát mấy con chim non còn lông tơ của nó rồi mới chịu đứng bật dậy.

Julie ngẫm nghĩ về những gì cô thấy. Các loài vật đang nói chuyện với cô. Con cú và con chồn đều nói chúng không sợ con người vì chúng hiếm khi nhìn thấy họ. Chúng nói rằng Julie đang ở thế giới hoang dã nơi con người không xuất hiện. Ở lãnh địa như thế, cô biết, chó sói Bắc Cực nuôi con của chúng.

Một con hồng tước bay lên từ một đám cỏ với một ít

lông thú trong mỏ. Julie xoay nhìn quanh. Đó là lông sói. Cô nhìn xuống. Cỏ bị uốn rạp bởi những cái chân mềm, không phải móng guốc sắc. Cô đi theo cái lối mòn không dễ phát hiện ấy và đến được chỗ ngủ của một con sói. Những búi lông trong đó có màu đen. Kapu đã ở đây. Lối mòn cô đi theo là của nó. Tinh thần cô phần chấn hân.

Cúi thật thấp, chú ý đến từng lá cỏ bị giẫm xuống, cô lần theo dấu chân của Kapu từ chỗ ngủ của nó đến khúc cong trên sông. Ở đó, trước mặt cô là bãi biển đá trắng mà Peter đã nói đến. Những dấu chân mất hân trên cuội. Cô đi tiếp ngược dòng sông. Hai vệt đi của sói xuất hiện trên bùn, rồi ba, sau đó là rất nhiều, cứ như thể đàn sói đang chơi đùa. Cô vòng qua một khúc ngoặt, và trước mặt cô là một bờ sông phủ cát rất cao. Quét nhìn một lượt thật cẩn thận, cô nhận ra một chỗ tối om - một cái hang. Ngay bên trên, một vườn anh túc vàng rạp rờn trong gió.

- Đây rồi - cô nói. Cô để hành lý lên một khối cuội dưới lòng sông nơi cô có thể nhìn rõ cái hang và ngồi xuống. Suốt vài tiếng, cô ngồi im hoàn toàn, thậm chí còn không quay đầu.

Chẳng thấy gì di chuyển chỗ hang. Nhưng khắp nơi xung quanh đó có rất nhiều hoạt động. Những loài chim nhỏ của lãnh nguyên đang chăm chút tổ của chúng. Chim sẻ cựa dài và chim sẻ đất, chim hồng tước và chim choắt vỗ cánh bay lên và vọt lên bờ sông rồi lại vút nhanh xuống. Julie tiếp tục ngồi im. Kế hoạch của cô sẽ có tác dụng. Cái hang này là hang sói con, không như hang mùa hè có hai lối ra vào nơi lần đầu cô gặp Amaroq và gia đình của nó.

Những con sói non của Kapu vẫn còn bé, và thế lại hay.

Rất cẩn thận, rất chậm rãi, Julie dựng chiếc lều mà cô làm từ con tuần lộc Amaroq hạ được cho cô nhiều tháng trước. Sau đó cô trải tấm da lót nền và nằm xuống đợi đàn sói của mình.

Sau nhiều giờ, cô nghe thấy có tiếng kêu ngập ngừng, rồi tiếng thút thít ai oán. Đó là Kapu. Tim cô đập nhanh hơn. Nó đi rất nhanh dọc mép nước. Bàn chân to và những cẳng chân dài của nó ướt vì nước sông hắt tới, còn thân hình màu đen của nó tạo thành một nét đậm nổi bật trên bờ cát. Nó không hề nhìn hay ngửi thấy cô. Trong tâm trí nó chỉ có một thứ - cái hang. Nó đi thẳng tới đó, đầu và đuôi vểnh cao, lớp lông lấp loáng trong ánh mặt trời, và trên mặt là nụ cười của sói. Nó là một con vật tuyệt vời.

Đuôi nó bắt đầu ve vẩy khi còn cách cửa hang mười mấy mét và không hề ngừng cho tới khi nó tới nơi. Đến đó, nó thút thít vẻ đồ dảnh. Con sói trắng chui ra. Nó không phải Ánh Bạc, mẹ của Kapu. Julie biết Ánh Bạc rõ như cô biết bố Kapugen và dì Ellen. Chuyện gì đã xảy ra với Ánh Bạc? Phải chăng nó đã chết vì thiếu thức ăn trong mùa đông và mùa xuân?

Cô còn chưa kịp nghĩ thêm về chuyện này thì một con sói non lông nham nhở thò mõm ra khỏi hang và thút thít rồi chạy tới chỗ bố nó. Nó cũng đen giống như Kapu. Mõm nó ngắn và tù. Nó có bàn chân to và thân hình chũn chĩn, khiến Julie rất muốn chạy tới nhấc bổng nó lên mà ôm.

Con mẹ chào đón Kapu bằng cách liếm má nó; rồi nó

đẩy con mình trở lại hang. Julie đặt tên cho con sói trắng là Aaka, tức bà mẹ. Cô đặt tên cho con sói con là Amy theo tên người bạn qua thư của cô là Amy. Cô đã trên đường tới thăm người bạn qua thư của mình thì bị lạc và cuối cùng gặp được Amaroq cùng đàn của nó trên lãnh nguyên. “Amy” cô thì thầm với mình khi nhìn con sói non láu lỉnh. Khi cô về nhà, cô sẽ viết thư cho bạn mình và kể với cô bạn rằng có một con sói con được đặt tên cô ấy. Amy giờ đã có *anatiq*, một vật trùng tên. Cô thích điều đó.

Kapu nhìn lên và trông về phía hang. Nó sửa tiếng kêu của loài sói giống như loài chó báo hiệu “này, xem ai đến kìa”. Julie quay đầu thật nhẹ nhàng và thấy một con sói trưởng thành thứ ba đang tong tã chạy về. Cô lập tức nhận ra Zing, cậu em trai của Kapu. Miệng nó ngậm theo một con sóc đất. Zing nhảy vọt qua đám anh túc và thả con mồi trước cửa hang, một món đồ chơi cho Amy. Suốt thời gian còn lại của mùa hè, Amy sẽ hình thành các kỹ năng của nó bằng những món quà như vậy từ lãnh nguyên.

Sự hiện diện của Zing nói cho Julie rất nhiều điều về đàn sói cũ của cô. Hoặc Ánh Bạc đã chết hoặc Kapu đã rời khỏi nó để tìm một bạn đời và đem theo người bạn và người anh em khỏe mạnh của mình, Zing. Sói cần đối tác. Một con sói không thể hạ gục con mồi lớn. Đâu đó trên lãnh nguyên trơ trụi, hai anh em đã gặp Aaka và mời nó gia nhập đàn. Julie hình dung ra trận chiến để giành nó. Trận chiến sẽ rất chóng vánh. Kapu to lớn và thông minh hơn Zing. Nó sẽ găm gù, nhe răng nanh ra, thậm chí ngoạm lấy khoang cổ Zing. Zing sẽ nằm ẹp xuống đất và

phơi phần lông bụng màu trắng ra, đó chính là lá cờ xin hàng. Nó sẽ chấp nhận thất bại của mình, sau đó đứng lên và liếm mặt Kapu. Chúng sẽ lại là bạn bè của nhau.

Aaka và Kapu sẽ thành cặp, và cả ba sẽ tạo thành một đàn săn mồi và rong ruổi trong lãnh thổ tám mươi dặm vuông của chúng để tìm kiếm thức ăn. Con bò xạ của Kapugen là con mồi dễ hạ qua hàng rào đã bị phá đổ.

Ngay trước khi lũ sói con ra đời, cả ba con sói trưởng thành sẽ đào một cái hang ở lưng chừng bờ sông. Hang sẽ khá nông, vì sói Bắc Cực phải mất nhiều năm mới đào được một cái hang sâu trong lớp đất đóng băng vĩnh cửu cứng như đá.

Julie thắc mắc về số lượng sói non. Khi thức ăn khan hiếm, sói sẽ sinh ít con hơn; có khi chẳng sinh con nào nếu chúng đang chết đói. Cô không nghĩ năm nay sẽ có nhiều sói non, và chẳng mấy cô đã được minh chứng là mình đúng. Khi Aaka ra khỏi hang để đuổi mình và thực hiện một chuyển phóng chân cẳng cho thư giãn, Julie có thể nhìn vào tận phía sau và đáy cái hang năm đầu tiên này. Chỉ có một con sói non. Mùa đông rất khắc nghiệt với sói cũng giống như người dân làng Kangik.

Zing đến gần Aaka nhưng bị Kapu đẩy lui lại. Kapu đứng vượt trên Zing, đầu ngẩng cao, một chiếc nanh nhe ra, một biểu hiện thân thiện nhắc cho người anh em của mình rằng Aaka là bạn đời của nó. “Hãy giữ khoảng cách”, nó đang nói vậy. Zing cụp tai và đuôi rồi bỏ đi.

Gió đổi hướng, Kapu ghéch mũi về phía lòng sông.

Nghiêng đầu sang một bên, nó đánh hơi. Nó lại đánh hơi. Đôi tai nó chĩa về phía trước. Nó đã ngửi thấy mùi Julie. Cô nhúc nhích và nó nhìn thấy cô. Nhất thời nó dăm dăm nhìn; sau đó, đuôi vẫy rồi rít, nó vén môi như mỉm cười và cào cào hai chân trước xuống đất.

- Kapu - cô gọi - em nhớ chị mà.

Miệng hé ra, cô phát ra những tiếng ư ử để cho nó biết cô mừng biết bao vì nó không quên cô.

Kapu tung tăng chạy về phía cô, rồi dừng lại. Nó hất đầu ra sau và hú lên một giai điệu trầm bổng kéo dài bắt đầu như tiếng gầm gừ của gấu và vút lên thành tiếng gió rít. Nó đang nói rằng một thành viên của đàn ở đây. Julie hú, hòa nhịp với nó. Giờ Zing đã nhìn thấy cô và hé cái môi đen của nó phía trên một chiếc răng nanh và gầm gừ.

- Zing, chị đây mà - Julie nói, và ư ử bày tỏ rằng cô yêu quý nó.

Zing ngoáy đuôi. Nó chạy lại phía cô, nhìn thẳng vào mắt cô, nói rằng cô là gia đình nó và được chào đón.

Kapu đầy phấn khích. Nó lao vút như một con ó biển xuống bờ biển và chạy trở lại chỗ Julie. Cô ném cho nó chiếc găng tay của mình. Nó bắt lấy, lắc lên không, và lại bắt lấy. Nó chạy thành vòng tròn và thả cái găng xuống. Julie cười và nhặt cái găng lên. Kapu chẳng hề mất đi khiếu hài hước ngay cả khi nó đã làm bố và thủ lĩnh đàn của mình.

Zing chạy vòng quanh Julie vài lần, rồi nằm xuống gần

cô. Nó xoay đầu và khép hờ mắt, nói rằng mọi sự đều ổn khi có nó. Người chị em lạ mặt của nó trở lại. Kapu nằm ẹp xuống trước mặt cô và vắt chéo chân. Nó dăm dăm nhìn cái găng. Julie giấu nó đi. Kapu ngẩng đầu và dựng đứng tai chĩa về phía trước. Nó muốn cái găng. Nó nhồm dậy và đứng vượt trên cô, cố găng thể hiện uy thế.

Julie cười to và ném găng cho nó.

Không thấy thêm con sói trưởng thành nào gia nhập đàn, cũng chẳng thấy có thêm con sói non nào xuất hiện. Chỉ có hai con trưởng thành săn mồi, Kapu và Zing. Aaka phải bảo vệ con của mình. Câu chuyện rất rành rẽ để Julie đọc hiểu. Các thành viên khác của đàn ban đầu hoặc đã gia nhập với các đàn ở xa hoặc gây dựng đàn của riêng mình giống như Kapu. Hoặc chúng đã chết - cuộc sống của một con sói rất nguy hiểm.

Mặt trời di chuyển vòng tròn trên đỉnh thế giới hai lần, và với mỗi vòng, Julie lại dịch gần hơn tới hang sói. Kapu và Zing không bận tâm, nhưng Aaka thì có. Nó trở nên bồn chồn mỗi lần Julie nhích lên trước. Nó gầm gừ và nhe răng. Julie ném cho nó một chiếc găng, nhưng Aaka không chơi đùa. Nó đang tỏ ra là một trở ngại - nhưng nó lại là con sói quan trọng nhất trong kế hoạch của Julie. Cô phải chiếm được niềm tin của Aaka nếu cô định giúp đàn sói của mình.

Julie rất kiên nhẫn. Cô lùi lại vài thước và lặng lẽ đi theo chu trình ăn, ngủ và chờ đợi. Đến buổi sáng thứ năm, Kapu bới một chỗ ngủ cách lều của Julie khoảng hơn một mét. Nó xoay tròn rồi lại xoay tròn, và nằm xuống ngủ.

Aaka chứng kiến việc này từ lối vào hang. Sau một lúc lâu, nó lặn xuống triền sông và tiến lại chỗ Kapu. Nó nằm xuống bên cạnh và gác đầu lên lưng Kapu. Nó nhìn dòng sông từ đôi mắt nâu vàng điểm tĩnh của mình. Cuối cùng, nó ngoáy tai và nhìn Julie. Julie nhìn nó. Aaka nhìn đi chỗ khác. Julie cũng nhìn đi, nhưng vẫn liếc nhìn qua khoe mắt. Rất chậm rãi, rất thận trọng, Aaka ngoái đầu và nhìn thẳng vào mắt Julie. Cô không nhìn đi chỗ khác. Tim Julie nhói lên niềm hạnh phúc. Bằng việc nhìn vào mắt cô, Aaka nói rằng nó chấp nhận Julie vào gia đình nó. Mọi việc sẽ ổn thỏa.

Kể từ lúc đó trở đi, Aaka thôi găm gù với Julie, và sau giấc ngủ tiếp theo Julie chuyển lều của mình gần như lên hẳn tận cửa hang sói. Aaka làm bạn với cô nhưng không để Amy ra ngoài và chơi đùa. Đó là vấn đề tiếp theo. Julie không chỉ cần tình bạn của Aaka mà cả của Amy nữa.

Suốt thời gian này, Kapu và Zing đi vắng nhiều giờ để săn sóc đất, thỏ chân tuyết, cáo, chim *ptarmigan* - bất cứ thứ gì chúng tìm được. Có một đợt đi săn kéo dài rất lâu, và Julie sợ rằng Kapu cùng Zing quay trở lại bãi quây gia súc để tìm bò xạ. Cô thở phào nhẹ nhõm khi chúng trở về với một con thỏ chân tuyết cho Aaka.

Nửa đêm trời có nắng, hôm sau Julie bị đánh thức bởi những tiếng rên rĩ và sủa giống giả của đàn sói. Kapu kéo xác một con mồi về hang, và chúng đang thảo luận việc đó theo cách bí mật của chúng. Cái xác đã rất lâu và nham nhở đến mức Julie không dám chắc đó là giống gì, nhưng

cô thấy khá giống một con tuần lộc non.

Cô rất mừng. Nếu có con non thì đàn tuần lộc không thể ở xa được. Đêm muộn hôm đó, khi đàn sói đã bỏ cái xác, Julie quan sát nó thật kỹ. Con vật có đeo một cái vòng phát sáng vô tuyến quanh cổ giống như cái chú Atik đã mô tả.

Cô tháo vòng và rửa sạch dưới sông. Một cái thẻ trên đó ghi: *Xin hoàn trả cho Cục Thú sản và Cả Alaska, Fairbanks, AK.* Cô cất vào ba lô của mình. Cô sẽ làm đúng như vậy.

Một ngày nữa trôi qua và Julie vẫn không thể tiếp cận Amy. Con sói mẹ giữ rịt con của mình ngay cả khi chính nó đã rất thoải mái với Julie. Julie tự hỏi tại sao, nhưng rồi cô nhớ rằng sói không nghĩ như con người. Chúng suy nghĩ bằng mùi và âm thanh cũng như hình ảnh. Điều này khiến chúng hoặc cắt liên hệ hoàn toàn hoặc, nếu chúng lựa chọn vậy, cảnh giác đến mức có thể cảm nhận được sự gây hấn. Cô quyết định rằng Aaka thấy cảnh giác và đã đọc được kế hoạch của cô trên nét mặt hoặc ánh mắt cô - và không thích điều đó.

Julie nghĩ cách làm bạn với Amy. Việc con sói con tin tưởng cô là điều cực kỳ cần thiết cho bước tiếp theo của cô. Cô đang suy nghĩ về những gì cần làm thì Aaka ngồi xuống cạnh cô. Julie ư ử vui vẻ với nó. Aaka cũng ư ử, rồi quay đi và nhìn về phía hang. Amy đang ngồi bên ngoài chỗ cửa hang dưới khóm anh túc. Julie kêu ư ử. Con sói non nhồm lên và chạy lại chỗ cô. Nó vớ lấy dây ủng của cô và kéo, gầm gừ vẻ hung tợn trong khi vẫy đuôi rồi rút. Rồi

nó nhìn Julie và lấy hai chân trước cào cào mặt đất để nói: “Mình chơi nào.” Cô rất muốn nhắc bóng con sói đáng yêu lên nhưng ánh mắt Aaka nói rằng nó chưa sẵn sàng cho việc đó.

Amy sửa giảng giả. Julie cũng sửa đáp lại. Cô chìa ra một khúc xương lấy từ xác con tuần lộc. Amy dùng răng ngoạm lấy và kéo. Nó gầm gừ vẻ khoái chí, kéo mạnh hơn, rồi buông ra. Julie ngã ngửa ra sau. Sau một màn co kéo và ném rồi nhặt khúc xương nữa, Aaka đứng lên và dẫn Amy quay lại hang. Vậy là một rào cản lớn đã được vượt qua. Julie nhắm mắt lại và thở phào nhẹ nhõm. Mọi việc đang rất tiến triển.

Ngày hôm sau khi Kapu và Zing lên đường đi săn, Aaka lại dẫn Amy tới chỗ Julie. Julie nhặt khúc xương và huơ huơ trước mặt Amy, nó ngoạm lấy và lắc lắc lắc để. Họ co kéo và đuổi nhau trong khi Aaka bước ra và đuổi mình trong nắng. Nó nhắm mắt lại để nói rằng rốt cuộc nó hoàn toàn tin tưởng Julie.

- Tao vuốt ve mày được chứ? - Julie thì thảo với Amy.

Con sói non xoay đầu đẩy tò mò và Julie nhẹ nhàng chìa tay rồi vùi những ngón tay mình vào lớp lông mềm. Cô gãi gãi cái đầu nhỏ bé và đôi tai nhọn. Amy nhắm mắt lại và Julie rút tay về. Amy thúc đầu nó vào tay cô đòi gãi nữa. Julie lại âu yếm nó, rồi chìa khúc xương ra. Amy ngoạm lấy, lôi thật mạnh, và buông ra. Julie lại ngã ngửa, và lần này con sói non nhảy chồm lên người cô. Amy ăng ẳng, còn Julie cười vang, cả hai lăn lộn trên bãi cuội. Aaka chẳng hề

ngẩng đầu lên.

Được một lúc, Aaka đứng lên, lắc người, đuổi mình, và ngáp. Rồi, chẳng hề nhìn lại, nó ve vẩy đuôi và chạy đi.

Aaka lao vút ra lãnh nguyên như một con chim xổng chuồng. Nó chạy thành vòng tròn, đuổi theo những hạt cói bông, rồi biến mất sau khúc quanh trên sông. Julie đứng lên, tim cô đập rộn, niềm hy vọng của cô dâng cao. Cô nhìn thấy Aaka băng mình trên lãnh nguyên lần theo dấu Kapu và Zing. Julie thấy rằng cô sắp chiến thắng. Aaka tin tưởng để cô làm người trông trẻ.

Amy chơi với khúc xương được một lúc, rồi trườn vào lòng Julie. Nó rên ư ử và Julie hát vang những bài hát của mình cho tới khi con chó con thở phào và chìm vào giấc ngủ say. Khi đó Julie bế nó lên và đưa nó trở lại hang.

Em bé của cô đã ngủ say, Julie cầm khẩu .22 và đi vào bụi cỏ. Cô sục sạo một lúc mới nhìn thấy một con chim *ptarmigan* và bắn nó. Đây cũng là một phần kế hoạch của cô. Khi cô trở lại hang, Amy đã thức dậy. Nó hít ngửi con chim, lắc lắc con mồi, rồi thả xuống và nhìn Julie như hỏi nó nên làm gì với con mồi.

Julie vặt lông chim và đưa cho con chó con một miếng ngon. Amy liếm liếm, rồi ngoạm lấy trong hàm răng sắc nhọn của mình và nhai nuốt. Nó quay lại xin thêm. Lần này Amy nhận cả con chim, rồi ăn sau khi đã nghiền vụn, cả xương xẩu và tất cả, bằng hàm răng và bộ vuốt nhỏ bé nhưng rất khỏe của mình.

Con sói non quyết định để một chiếc cánh làm đồ chơi.

Nó lắc cái cánh trước mặt Julie. Khi Julie chớp lấy, Amy giăng đi và chạy thành vòng tròn. Julie đánh lừa nó bằng cách chìa khúc xương tuần lộc ở một tay. Amy buông cái cánh chim để lấy khúc xương, và Julie lấy được cái cánh. Thấy thế Amy ngồi xuống. Nó sẽ không chơi nữa, thậm chí khi Julie đưa cái cánh cho nó. Suốt thời gian còn lại khi những con sói săn mồi vắng mặt, Amy phớt lờ Julie.

- Mà mày không thích như vậy, có phải không Amy? - Julie nói với nó. - Mày không thích bị đánh lừa. Tao xin lỗi nhé.

Để đền bù sai lầm của mình, Julie cho nó một miếng thịt tuần lộc khô. Amy nhìn qua thứ đó như thể miếng thịt chẳng hề tồn tại. Thậm chí nó dường như chẳng hề thấy Julie. Những lúc như thế này, tâm trí của con sói đi đâu nhỉ? Julie thắc mắc. Tít ra lãnh nguyên ư? Hay ra phía sông? Cô không biết nữa.

Ngày hôm sau Amy lại chơi đùa. Những gì đã hiện diện trong tâm trí sói của nó hôm qua chẳng hề hiện diện ngày hôm nay. Nó rời khỏi những con sói trưởng thành và nô đùa với Julie, nhai dây ủng của cô, vùi vãnh được gãi và âu yếm. Khi cả hai đã thân thiết như chị em, Julie mới nhẹ nhàng, dịu dàng bế nó lên. Con sói non nép mình lại. Julie liếc nhìn Aaka. Nó nằm nghiêng hoàn toàn chẳng bận tâm. Julie vô cùng phấn khởi. Cô đưa Amy xuống sông. Kapu và Zing thức giấc, đuổi mình, ngáp, và lắc mình. Sau một tiếng tru ngắn, chúng tất tả chạy đi săn mồi. Aaka đi cùng chúng, mặc kệ Amy trên tay Julie. Julie đã là một thành viên của đàn sói.

Khi đàn sói về hang, bụng chúng tròn vo vì thức ăn và chúng ngủ một lúc lâu. Cuối cùng, khi chúng tỉnh dậy, Kapu mở màn nghi thức thủ lĩnh. Nó làm việc này vào mỗi buổi sáng của loài sói. Nó đứng vượt trên Zing, con này cúi đầu và liếm má Kapu. Rồi Kapu ngậm lấy mõm nó và lắc nhẹ. Aaka tiến lại gần, tai cụp, đầu cúi, và Kapu nghiêng đầu vượt hẳn đầu nó. Con sói cái liếm liếm nó ở dưới cằm và dọc theo cổ nó để nói rằng nó là một thủ lĩnh tuyệt vời. Kapu, như mọi con sói đầu đàn, rất cần sự cam đoan từ bầy đàn của nó. Xong việc này, nó thông thả chạy tới chỗ cao nhất trên bờ sông, tạo tư thế thật đỉnh đạc, và tru lên. Zing và Aaka cũng tru theo. Amy kêu ăng ăng. Chúng đang hát bản nhạc của mình suốt nhiều phút. Suốt bản hòa tấu, lũ chim ồn ào im bất còn bọn sóc đất rút xuống những đường hầm và hang ngầm chằng chịt của chúng. Khi chúng kết thúc, Zing quay sang Aaka và ngoạm lấy mõm nó để nói với nó rằng mình có địa vị cao hơn con sói cái.

Aaka nhanh chóng chấp nhận điều đó.

Buổi tối hôm đó khi những con sói săn mồi đi vắng, Julie đặt Amy vào ba lô của mình và mang nó đi dọc bờ sông để tìm một con chim khác làm thức ăn. Con sói non không hề tìm cách chui ra khỏi ba lô; thay vào đó, nó nhìn ngó thế giới xung quanh, dường như rất thích thú với chỗ ngồi trên cao của mình. Julie đi cả một quãng dài mà chẳng tìm được bất kỳ thứ gì và bắt đầu quay về hang sói thì thấy một con sóc đầu nhào xuống một trong rất nhiều lối vào thành phố ngầm của nó.

- Peter - cô nói. - Em đang nghĩ tới anh.

Rồi cô rút chiếc còi ra khỏi áo và thổi.

Eeeek-chirp. Hai con sóc đất ló đầu ra khỏi một cái hang. Cô lại thổi. Thêm ba con nữa xuất hiện. Cô càng thổi, càng có nhiều sóc xuất hiện. Amy kêu ăng ẳng và Julie đặt nó xuống đất. Cô lại thổi còi; một cái đầu nữa ló lên. Con sói non vỗ tới, và tất cả đám sóc đất biến mất.

- Một món quà thật đặc biệt, anh Peter - cô nói, và cười khanh khách. - Thứ này sẽ rất có ích.

Kapu, Aaka, và Zing trở về, lần này bụng chúng trống không Julie đi tới khu vực sóc đất và thổi còi. Lũ sóc đất nhô lên. Đàn sói trông thấy, ve vẩy đuôi, và ăn ngấu nghiến.

- *Ee-lie*, Kapu - cô nói khi nó đã ăn no nê - đến lúc đi thôi.

Những đám mây lướt nhanh trên bầu trời màu xanh dương. Lũ chim đang bay về tổ để chăm lũ chim con đói bụng. Julie thu xếp hành trang của mình.

Cô nhắc Amy lên và đặt vào ba lô. Khi Julie lên đến đỉnh bờ sông phía trên hang sói, Aaka mở mắt ra. Julie cứ đi tiếp. Aaka đứng lên. Nó cảm nhận được một thái độ mới ở Julie. Kapu tỉnh giấc. Zing đứng lên. Tất cả đều nhìn Julie đi về phía nam cùng với Amy trong ba lô của cô. Aaka tong tả đi theo họ.

Kapu bám theo, rồi đến Zing.

Con sói non của chúng đang đi đâu đó, và chúng sẽ đi

cùng nó.

Julie ngoái lại những người bạn của mình.

- Chúng ta sẽ có một chuyến đi dài tới vùng núi - cô nói.
- Bọn tuần lộc ở đó. Các bạn có thể ăn no nê.

Cô đi nhanh hơn. Kapu, Aaka, và Zing cũng đi nhanh hơn.

ooo

Mới đầu Julie nghĩ thứ ánh sáng trắng rực rỡ ở chân trời là những đám mây hắt ánh mặt trời, nhưng khi cô đi tiếp, chúng trở nên rắn chắc và cô nhận ra mình đang nhìn thấy Dây núi Brooks hùng vĩ. Cô dừng lại để nghỉ và đón nhận cái sức mạnh tinh thần của dãy núi; rồi cô đi tiếp về phía nam theo hướng sông Colville.

Trong lúc đi, cô hát bài “Miền Viễn Bắc” và “Hạt đậu chạy lách tách!” - bài hát cô đã sáng tác năm ngoái trên lãnh nguyên. Amy và những người thân ử rữ của nó dường như lắng nghe và mỉm cười theo lời hát của cô. Thỉnh thoảng một cái đuôi lại ve vẩy khi cô hát một nốt cao.

Cô tìm kiếm phân tuần lộc và dấu móng của chúng. Dấu móng thường là những hình bán nguyệt, bị chẻ ở giữa và dài khoảng mười phân. Móng huyền ở chân trước sẽ để lại hai chấm phía sau mỗi vệt chân. Cô không hề thấy dấu hiệu tuần lộc.

Đàn sói kiên nhẫn đi theo con sói non của mình. Chúng không bận tâm nhiều về chuyện tại sao Amy lại nằm trong

ba lô. Nó vẫn trong tầm mắt, và chỉ cần có vậy là được. Chúng thông thả đi theo, vừa nhìn ngắm cảnh quan vừa hít ngửi không khí.

Thỉnh thoảng Kapu lại chạy một vòng rộng để tìm thú săn. Nó đã tới vùng đất này nhiều lần. Nó và đàn của nó, cũng như những con sói khác của Bắc Cực, biết rõ mọi hồ nước, bụi cỏ, và động vật cỡ lớn trên lãnh thổ rộng lớn của chúng. Kapu có thể kiểm tra cả một vạt lãnh nguyên rộng lớn chỉ bằng mũi của mình, vì nó có thể ngửi thấy mùi con mồi từ cách xa hơn mười dặm.

Julie rất mừng trước khứu giác thấy tất cả của Kapu. Đàn tuần lộc hẳn phải đâu đó rất gần. Một con non không đi lang thang xa khỏi mẹ nó, và cái mũi của Kapu có thể “thấy” chúng từ rất xa trước mắt cô. Cô khẩn trương đi tới.

Amy im lặng nằm trong ba lô. Con sói non đã đủ lớn để chú ý đến tiếng nói của quyền lực. Một tiếng gừ, một tiếng rít, hay một tiếng sủa gắt từ Julie, là Amy sẽ thôi tìm cách ngoi ra khỏi ba lô và nằm im.

Cái bầu đoàn kỳ lạ ấy vượt gần ba mươi dặm trong một quỹ đạo mặt trời rồi mới chịu dừng lại ngủ. Đàn sói không hề mệt mỏi, nhưng Julie thì mệt. Cô ngồi xuống một gò đất ẩm có cỏ mọc và duỗi hai chân ra. Cô nhai thịt tuần lộc khô và cảm nhận sự trường cửu của dãy núi vươn cao phía trên mình. Trong những hàng cây xanh thẫm kia là nơi trú ngụ của thế giới hoang dã. Chúng sống cuộc đời của mình ở đó, sinh sôi và cứ thế tiếp tục. Cô rất thích dãy núi.

Dưới chân cô, lũ chim nhỏ bé kêu liếp chớp, nhào

xuống và bay quanh cô, nhắc cho cô nhớ đến một trận bão tuyết. Muỗi kêu vo ve nhưng không hề đốt. Cô chẳng hề có mùi với giống muỗi to lớn Bắc Cực. Một giống muỗi nhỏ hơn sẽ gây bệnh cho cô khi cô đến Colville trừ phi cô thoa kín mình bằng dầu cá, thứ cô đã nhớ mang theo.

Julie nghỉ lại, nhưng đàn sói thì không yên. Chúng đi tới đi lui, hít ngửi và xoay xoay tai. Một lúc sau, chúng nằm xuống, tai vểnh lên.

Khi chúng có vẻ đã yên, Julie bế Amy ra khỏi ba lô và đưa nó tới chỗ Aaka để bú. Nhưng Aaka không thể cho nhiều sữa. Nó đã không được ăn no suốt nhiều tháng. Sau vài lần mút đầy khó chịu, Amy bỏ cuộc. Nó nhìn quanh tìm Kapu và rúc mũi vào khoe miệng bố để đòi thức ăn. Cái dạ dày trống rỗng. Bố nó chẳng có gì để cho nó. Amy rên rỉ đau khổ. Julie đứng lên, nạp đạn khẩu .22, và đá đám cỏ.

Cô trở lại với một con thỏ chân tuyết và đưa nó cho Aaka. Con sói cái xé con mồi và chia cho Amy. Kapu và Zing ngủ để bảo tồn năng lượng.

Julie cũng đi ngủ. Cô ngả tấm da tuần lộc của mình ra và thiếp ngủ khi chưa kịp cởi ủng. Nhiều tiếng sau, cô bị đánh thức bởi tiếng kêu ai oán của một con cắt lớn. Cô ngồi dậy. Lũ cắt ăn rất nhiều vịt và ngỗng. Vịt và ngỗng sống nhờ nước. Tiếng con cắt nói với cô rằng cô và đàn sói của mình đang ở gần sông Colville - và lũ tuần lộc.

Đột nhiên con cắt gập cánh và lao vút về phía đông. Một túm lông xoay tròn trong không trung, và Julie nhổm quỳ lên. Kapu ngẩng đầu, đánh hơi, rồi đứng hẩn lên. Nó

lao vút về phía con mồi của con cắt. Con cắt đập cánh khi Kapu đến gần và bay lên, bỏ lại con ngỗng. Kapu tiến lại chỗ đó và dùng miệng ngoạm lấy. Rồi nó thả xuống và chạy trở lại chỗ nghỉ. Nó nằm xuống và liếc nhìn từng thành viên trong đàn như nói: «Tôi không lấy thứ đó - anh chị em cũng đừng lấy.»

Con cắt lượn trở lại. Nó đã nhìn thấy Kapu bỏ đi khỏi bữa ăn của nó và nằm xuống. Khi Kapu nằm im, con cắt mới đáp xuống con mồi của mình như một vì sao băng. Dùng móng vuốt chộp lấy con mồi, nó đập đôi cánh khỏe của mình và lao vút đi.

- Tại sao em lại làm vậy, Kapu? - Julie hỏi. - Tại sao em lại bỏ con ngỗng chứ? Em đâu có ăn gì suốt nhiều ngày rồi, nhưng em lại để thức ăn cho con cắt.

Mắt Kapu rất dịu dàng. Nó nhìn Julie, rồi đuổi người nằm nghiêng và nhìn bầu trời.

- Kapu - Julie thì thầm - có phải em biết những gì người Eskimo biết phải không? Có phải em để con cắt lớn ăn và sống bởi vì cộng đồng lãnh nguyên cần loài cắt phải không? Có phải đó là lý do em không cướp thức ăn của nó phải không? Chị tin là như vậy. Người già nói sói hy sinh không chỉ vì gia đình nó, mà còn vì toàn bộ môi trường.

Julie đứng lên, đặt Amy vào ba lô, và đi tiếp. Aaka theo sát phía sau cả hai. Kapu và Zing chạy vòng ra rồi quay lại chạy theo Julie, luôn luôn để con sói non trong tầm mắt, như thể lũ sói non là thứ duy nhất để đàn sói tồn tại. Và vào thời điểm này trong năm, Julie biết, đúng là như vậy.

Kế hoạch của cô đã có tác dụng.

Vài tiếng sau, Julie đến chân dãy Brooks. Phía trên đầu họ, những ngọn núi đồ sộ tuyết phủ chen kín nửa bầu trời. Julie đã tới căn nhà mùa đông của một đàn tuần lộc phía tây. Cô leo lên một cái gò để nhìn quanh. Phía dưới cô là một vệt xanh ngoằn ngoèo.

- Sông Colville - cô reo to, và chạy xuống dốc để tìm tuần lộc.

Nhưng chẳng hề có dấu móng tuần lộc. Không hề có những cặp sừng như những chiếc thang móc lên bầu trời.

Cô ngồi xuống khóc, nhưng chủ yếu là suy nghĩ. Đường như chẳng có gì nhiều để tiếp tục. Nhưng cô phải làm. Cô đã ra ngoài suốt mười một đêm rồi, nhưng bò xạ của làng Kangik cũng chỉ cách đàn sói một ngày rong ruổi thôi. Cô phải đưa đàn sói tới gần Đèo Anaktuvuk, nơi chú Atik nói đã nhìn thấy tuần lộc. Con đèo còn cách gần hai trăm dặm nữa, nhưng cô phải đi. Cô bế Amy ra khỏi ba lô cho nó chạy chơi, bắn hạ một con chim *ptarmigan* cho con sói non, và chợp mắt một chút. Rồi cô thu dọn hành trang và đi về phía một bờ dốc đứng phía trên dòng sông.

Đàn sói đi theo con sói non. Bàn chân chúng di chuyển êm ái, chúng dường như lơ lửng trên một biển gió. Đột nhiên Kapu dừng lại. Nó đã để lại mùi trên một khóm cỏ, phun nước tiểu vào một cây liễu lùn, và chạy trở lại chỗ Julie. Nó cào một vệt sâu trên mặt đất. Cô nhún vai và đi tiếp. Đàn sói không đi theo. Julie kiên nhẫn phát ra những tiếng ư ử. Kapu sủa văng lên.

- Đi nào, đi nào - Julie thúc giục. Kapu tru lên và chạy theo đúng con đường nó vừa chạy. Zing cũng chạy theo đường đó và để lại mùi trên cỏ và liễu.

Aaka chạy theo vết ấy, quay lại, và đè chân trước lên ba lô của Julie khi nó cố gắng ngoan lấy Amy. Julie găm gù. Aaka thu mình lại. Julie vội vàng xin lỗi và ôm lấy con sói mẹ dịu dàng.

- Chúng ta phải đi tiếp - cô nói về thúc giục, và lại đi.

Đèo Anatukvuk còn cách mười dặm nữa, và bố Kapugen có lẽ đã lên đường đi tìm cô. Ông sẽ nhanh chóng tìm ra cô nhờ con CB theo dấu cô. Cô không muốn thế. Cô phải đưa đàn sói tới một nguồn thức ăn mới trước khi cô gặp cha mình. Đây quyết tâm, cô bế Amy ra ngoài ba lô và ôm nó trên tay khi tiến về phía đông nam.

Cô lại vượt qua cái ranh giới vô hình.

Sói Kapu sữa và đứng nguyên tại chỗ. Nó sẽ không đi theo. Zing cũng sữa, còn Aaka rên rỉ. Julie cứ đi tới. Chúng kêu ăng ẳng và gọi Amy, nhưng chúng không vượt qua ranh giới. Cứ như thể có một bức tường cỏ khổng lồ đã được dựng lên và chúng thông thể vượt qua. Chúng chạy ngược xuôi, nhưng không chạy về phía con đèo. Khi Amy tìm cách vặn vẹo chuỗi khỏi tay Julie, Aaka tong tả vượt đường ranh giới vô hình để đón nó. Kapu vừa sữa vừa găm gù, vén môi lên để lộ ra không phải một mà cả hai chiếc răng nanh. Aaka quay lại. Nó không dám di chuyển để đón Amy nữa, mặc dù Julie càng lúc càng di chuyển xa hơn, quyết tâm buộc chúng phải đi theo.

Chúng không đi. Cả ba đứng trên gò đất nhìn cô. Rồi Kapu ngẩng đầu và tru lên một tiếng bi thương trầm trầm. Zing hòa tiếng với nó, và Aaka kêu lên một tiếng đau đớn, dịu dàng. Với đàn sói, bài ca của chúng kể về việc mất đi những thành viên yêu quý. Với Julie, nó nói về nỗi đau đớn, và cô phải quay lại chỗ chúng.

Khi cô vượt qua ranh giới vô hình, những cái đuôi vẫy rối rít và những cái lưỡi sói liếm lấy tay cô. Cô ngồi xuống và tính toán xem phải làm gì. Rồi Kapu nằm ẹp xuống và gác đầu lên hai chân trước. Nó dăm dăm nhìn về phía vùng đất trũng phía sông.

Với cách đó, cuối cùng Julie cũng nhận ra những gì ba con sói đang nói. Cái ranh giới vô hình, được đánh dấu bằng nước tiểu và những dấu móng vuốt, là nơi kết thúc lãnh thổ của đàn sói. Chỉ cần vượt một bước là chúng đã phá bỏ điều kiêng kỵ của sói. Lòng cô trĩu nặng. Cô không thể cùng đàn sói của mình tới được vùng đất của tuần lộc.

Đây thất vọng, cô ôm lấy Amy bé bỏng, nó liếm cằm cô, rồi nhìn mẹ nó. Kapu rảo chạy một quãng ngắn và ngoạm lấy mõm Zing, rồi mõm Aaka. Chúng ve vẩy đuôi và cụp tai cùng đuôi như thể đồng ý với nó. Aaka hất đầu và xoay chuyển đôi tai. Dần dần, Julie nhận ra một thông điệp quan trọng đang được gửi đi, nhưng cô không biết đó là gì.

Và rồi chúng nói với cô. Chúng chạy lên lãnh nguyên và vút đi như những bóng chim.

- *Humpf*- cô nói to. - Mình lại phải trông trẻ.

Cô ôm lấy Amy bụ bẫm.

Sau khi trải tấm da tuần lộc ra, cô cùng Amy nô đùa với cỏ rồi mới cho nó một miếng thịt tuần lộc khô. Con sói non gặm gừ và ăn đầy khoan khoái. Julie nằm sắp duỗi dài.

Cầm đặt trên tay, cô ngắm nhìn dòng sông. Lãnh thổ của tuần lộc bên kia lẽ ra đã là căn nhà mới cho đàn sói của cô. Giờ không thể như vậy được. Cô không thể đưa đàn sói của mình vượt qua dòng sông. Lãnh thổ của chúng đã hết. Cô phải để chúng tùy thuộc vào số phận của chúng.

Julie chớp mắt. Có một chỗ lõm sâu trên đám rêu nước. Sức ép của một vết chân đã ép nước bắn ra khỏi đám rêu và để lại một cái hố. Cô ngồi dậy và đi tới chỗ đó.

- Nai sừng tấm - cô nói, đứng bên trên một vết chân độ mười phân. Vết móng guốc không xòe rộng như của tuần lộc, nhưng sắc nét và dài hơn. Cô tìm thấy nhiều vết chân hơn nữa. Chúng dẫn xuống vùng đất trũng dưới sông. Julie giơ cao hai tay đầy phấn khởi. Tuần lộc là loài lang thang di chuyển từ bắc xuống nam Alaska theo một vòng tròn khép kín khổng lồ, nhưng nai sừng tấm thì khác. Một con nai sừng tấm hiếm khi di chuyển quá tám dặm cách xa nơi sinh của nó.

- Nai sừng tấm - cô nhắc lại. - Đàn sói sẽ sống.

Nhưng nai sừng tấm sống ở vùng đất trũng dọc các con sông, và bằng cách nào đó cô phải đưa đàn sói của cô qua cái ranh giới vô hình để xuống vùng đất trũng ven sông.

Có gì đó chuyển động. Julie chăm chú nhìn sang bờ bên kia sông Colville. Phía trên những cây liễu cao ba mét, một con sói đang chạy thông thả, và Julie nhận ra tại sao đàn

sói của cô không đi tiếp. Bờ sông bên kia là một đàn sói khác. Julie bất động quan sát chúng.

Thêm một con sói xám nhập bọn với con sói bạc. Nó nhấc chân để lại dấu mùi, cho thấy đó là một con đực. Cặp sói đánh hơi không khí. Gió mang mùi Julie tới chỗ chúng. Chúng ngoảnh đầu và nhìn cô, nhưng không thể xác định được vị trí của cô bằng mắt chúng. Con sói đực lại đi tiểu, sau đó thông thả chạy dọc cái đường biên giới vô hình của nó. Đường biên của nó cũng ở phía trên vùng đất của nai sừng tấm.

Chuyện gì vậy nhỉ? Julie tự hỏi. Có một đàn sói ở đằng kia và một đàn ở chỗ này và một không gian rộng lớn ở giữa nhưng chẳng có đàn nào tiến vào. Và nơi đó toàn nai sừng tấm. Cô nhớ bố Kapugen từng nói với cô rằng một số bộ lạc người da đỏ thiết lập những hành lang ở giữa các vùng lãnh thổ của họ nơi không ai có thể đi tới mà không sợ chết. Qua nhiều năm, vùng đất không người này trở thành một khu bảo tồn muông thú. Các loài động vật bị săn bắt quá nhiều sẽ rút tới hành lang an toàn và theo thời gian, phục hồi số lượng của chúng. Khi có quá nhiều hươu và nai sừng tấm đến mức các hành lang không duy trì nổi, chúng bị buộc phải chạy vào đất của người da đỏ và lại bị săn bắt. Khi người da trắng thay đổi luật đất đai, người da đỏ bị đói. Có vẻ như đàn sói cũng có những dàn xếp tương tự.

- Giờ tao phải làm gì đây? - Cô hỏi Amy, đang ngủ say trong ánh nắng.

Đầu óc Julie quay cuồng. Những con sóc đất non trôi lên, ríu rít âm ỉ. Những con chim non chui ra khỏi tổ, tự đi kiếm thức ăn. Lũ lữ thú đẻ rất nhiều, nên đám chồn, cáo, cú, chim ưng và chim cướp biển tha hồ no nê. Những đàn ngỗng ức trắng cùng ngỗng non kêu quàng quạc dọc triền sông. Tháng Bảy, gọi là tháng *Inukkukaivik*) tháng các loài động vật nuôi con, đang đến với Bắc Cực.

Julie nằm xuống bên Amy và ngủ.

Nhiều tiếng sau, ba con sói trở về trông rất no nê, bụng chúng tròn vo. Amy chạy lại chỗ mẹ và rúc mõm vào khoe miệng nó, như nói: “Thức ăn, cho con thức ăn”, Aaka bèn làm vậy. Julie mỉm cười. Năm ngoái cô gần như chết đói, rồi mới học được cách xin đàn sói thức ăn. Chính Kapu đã dạy cô rằng sói bố mẹ mang thức ăn về nhà cho sói non trong bụng và rằng tất cả những gì một con sói non cần làm là rúc vào khoe miệng con sói trưởng thành và nó sẽ ọe ra.

Đàn sói đuổi mình trong ánh nắng sáng khoái. Julie mừng vì chúng đã có ăn, nhưng cô biết rõ rằng bữa ăn này chỉ là một bữa ăn nhẹ. Một con sói trưởng thành cần ngót nghét ba cân thức ăn mỗi ngày. Xương sườn của chúng bắt đầu lộ ra dưới lớp lông. Thời gian đang cạn dần.

Và đàn sói của cô không thể bắt được nai sừng tấm.

Mặt trời đang xuống thấp dần dọc đường chân trời qua mỗi buổi đêm, báo hiệu rằng bóng tối sắp trở lại Bắc Cực. Nó cũng nói lên những điều khác nữa. Ánh sáng quanh mặt trời có màu vàng đục. Julie biết rất rõ màu này. Một

màn sương rất dày đang tiến dần vào từ phía bờ biển. Chẳng mấy chốc cô sẽ không thể nhìn thấy chân mình. Rõ ràng đàn sói cũng biết điều này, vì chúng ăn tất cả những gì chúng tìm được, giờ chúng đang đào chỗ cho một giấc ngủ dài.

Khi Kapu xoay tròn để nằm xuống, Julie tự hỏi không rõ nó có biết về những con sói ở bên kia sông không. Cô cần biết rõ hơn. Với tai, râu, mũi và đuôi của nó, nó liên tục giám sát đàn sói kia và thông báo hoạt động của chúng cho Zing và Aaka. Nó biết đích xác những gì đang diễn ra, và cuối cùng mới nói với Julie. Nó thôi đào chỗ ngủ và dăm dăm nhìn qua sông. Lông nó dựng đứng trên đầu và cổ, rồi dựng dọc xuống đến chót đuôi. Julie nhìn tới chỗ nó đang nhìn. Cặp sói phía xa đang nhích dần qua đường ranh giới vô hình. Vì chúng ở quá xa không nghe được Kapu tru nên nó cảnh báo chúng lùi lại bằng tai và lông cổ. Chúng nhìn thấy sự đe dọa của nó và quay lui. Đàn sói bên kia sông chui vào đám cỏ và nằm xuống.

Julie ôm gối và suy nghĩ. Một màn sương giờ đã thấy rõ phía chân trời. Màn sương âm thầm tiến về phía họ, một đợt sóng đặc quánh đang xóa nhòa cảnh vật. Nó có thể kéo dài vài ngày, thậm chí hàng tuần liền. Cô có một kế hoạch mới.

Khi đàn sói của cô ngủ hẳn, cô đứng lên. Nhón chân, cô vượt đường ranh giới vô hình và vụt chạy. Kapu lập tức đứng lên. Nó lao vút tới ranh giới của nó nhưng không phát ra một tiếng động. Trạng thái đã thay đổi theo màn hăm dọa dựng lông của Kapu.

Julie nhận thấy ở triền sông, những cây liễu và lách bị xén cụt bởi răng nai sừng tấm; dấu móng to tướng của chúng xới đất khắp mọi nơi. Lũ linh miêu thấp thoáng trong đám cỏ, và mấy phiến đá phẳng là chỗ đi vệ sinh gọn ghẽ của đàn sói.

Nhưng đàn sói của cô sẽ chết đói. Khẩu .22 của cô không thể bắn hạ một con nai sừng tấm. Sẽ chỉ kích thích nó tấn công. Bỗng nhiên cô biết mình phải làm gì. Cô phải đuổi một con nai tới chỗ đàn sói. Thậm chí chỉ một con nai sẽ giúp chúng được ăn no trong nhiều ngày, giúp cô có thời gian nghĩ một kế hoạch để phá bỏ điều cấm kỵ và đưa Kapu cùng đàn của nó tới vùng đất màu mỡ chưa có sói.

Cô đi thật khẽ. Ở cả hai bờ sông, những con sói nhìn theo cô. Đột nhiên Kapu vừa tru vừa sủa dữ dội và gay gắt - một lời cảnh báo. Julie quay lại. Một con nai sừng tấm đực đang chạy bổ xuống phía cô.

Không có chỗ để nấp. Những cây liễu nằm rải rác ở đây và không cao hơn cô bao nhiêu. Cô bị phơi mình ở mọi phía. Con nai đực đang xông tới giờ cao cấp sừng khổng lồ. Cái nọng của nó lúc lắc dưới cằm, và lòng trắng trong mắt nó ánh lên. Julie biết tốt hơn không nên quay người chạy. Với tất cả các con thú, một con vật bỏ chạy càng kích thích chúng đuổi theo. Cô không cần kích thích một cuộc tấn công.

Cô làm điều duy nhất có thể. Cô đối mặt với nó, và khi con nai khổng lồ gần như lao bổ vào cô, cô nhảy tránh sang một bên. Nó sầm sập vụt qua, không thể nhanh

chóng xoay mình và húc cô. Cách độ mấy chục mét, nó chậm lại và xoay người.

Rồi nó hạ sừng xuống, cào cào móng, và lại xông tới. Tiếng ồn, Julie nghĩ, tạo ra tiếng ồn. Cô ngả đầu ra sau và hú lên. Kapu, Zing, và Aaka cùng hú theo.

Con nai dừng lại, mũi phì phì, và nhìn lên bờ dốc. Đàn sói lại hú. Nó xoay người và bỏ chạy. Giờ Julie cảm nhận được những gì tất cả những loài ăn thịt cảm thấy - ham muốn đuổi theo con vật đang bỏ chạy. Hú và hét to, cô lừa con vật to lớn ra khỏi vùng đất trũng dưới sông, chạy qua đám liễu và lên lãnh nguyên mù sương. Đàn sói truy đuổi liền.

Kế hoạch của cô đã thành công. Giờ cô phải nghĩ cách phá bỏ điều cấm kỵ. Cô không thể ở dưới vùng trũng sông suốt mùa đông để đuổi nai sừng tấm ra khỏi cái hành lang không có sói cho Kapu được.

Câu trả lời duy nhất là hợp nhất hai đàn sói làm một.

Cô cưỡi ủng và lội xuống dòng sông lạnh ngắt, lựa những chỗ nước nông nhất. Màn sương vẫn còn khá xa phía dòng sông. Julie tính toán rằng cô có đủ thời gian để ve vãn hai con sói và tìm hang chúng. Cô sẽ kết bạn với con sói non bên kia và mang nó xuống khu vực hành lang. Sau đó cô sẽ quay lại và đón Amy mang tới vùng đất trũng. Những con sói trưởng thành sẽ phải xuống tìm chúng. Có thể sẽ có một cuộc đánh nhau dữ dội, nhưng Kapu, cô tin chắc vậy, sẽ thắng. Điều đó sẽ khiến hai con sói mới tuân lệnh Kapu. Điều cấm kỵ sẽ bị phá bỏ. Chúng sẽ săn nai sừng tấm

trong khu vực hành lang và không đến làng Kangik tìm bò xạ nữa.

Cô băng qua đám lách và liễu, vạch ra kế hoạch, thì một con sói đột ngột xuất hiện trước mặt cô.

- Ánh Bạc - Julie nói. - Ánh Bạc, là cậu rồi.

Ánh Bạc nhìn Julie và nhú mào. Nó dường như đang nói rằng nó không ngạc nhiên trước sự hiện diện của cô, rằng nó đã biết cô đến Colville từ rất lâu rồi. Nó vẫy đuôi một lần, xoay người, và thông thả chạy đi. Julie đằng hoàng đi sau nó bằng cả bốn chi. Một con sói nữa đi cùng Ánh Bạc, và cô không muốn đe dọa nó bằng cách đi hai chân như một thợ săn. Tại Ánh Bạc xoay tròn nói cho Julie biết cô đang hành xử đúng.

Họ đi trong đám lách và liễu lùn, Ánh Bạc di chuyển như một dòng suối ngoằn ngoèo. Julie di chuyển như một vũ công Eskimo đang kể câu chuyện của một người sói sống trước khi con quạ biến cả thế giới từ bóng tối sang ánh sáng. Cô cũng thò tay vào túi và xoa xoa *totem* Amaroq.

Ánh Bạc dừng lại đánh hơi một vết chân sói, thông thả chạy đi vài thước, và ngồi xuống. Julie ngồi xuống và ư ử thể hiện tình cảm, cô chìa cái găng của mình ra. Mùi Kapu thấm dẫm chiếc găng, và Julie hy vọng nó sẽ cho Ánh Bạc biết rằng Kapu đang ở gần đó. Ánh Bạc đánh hơi cái găng, ngó sang bên kia sông, rồi nhìn lại cái găng. Nó chẳng hề phấn khởi trước mùi của Kapu. Julie hiểu rằng nó đã biết rất rõ con trai mình ở đó.

Họ ngồi im lặng cạnh nhau. Trong lúc Ánh Bạc dùng lưỡi liếm sạch móng vuốt của mình, Julie tìm kiếm cái hang chỗ bờ sông toàn đá. Cô chẳng tìm thấy gì, cũng không thấy con sói non nào xuất hiện. Rõ ràng Ánh Bạc và bạn đời mới của nó đã điều chỉnh trước sự khan hiếm thức ăn bằng cách không sinh con.

Đột nhiên bạn đời của Ánh Bạc đứng lên. Julie nuốt khan. Nó chỉ cách chưa đầy ba mét. Những cây liễu lùn nơi nó núp mình chỉ chạm tới cái bụng trắng của nó. Nó to lớn, thân hình nó lẳn, mặt nó đanh. Tuy nhiên, nó nhỏ hơn Kapu. Vậy là tốt rồi. Con đầu đàn luôn là con lớn nhất. Kapu sẽ chiến thắng trận chiến giành quyền thủ lĩnh nếu cô có thể hợp nhất chúng với nhau. Julie đặt tên cho con sói kia là Xương Thô. Cô ư ử, tỏ ý thân thiện với nó. Nó phớt lờ cô bằng cách nhìn mông lung xuống phía sông.

Ánh Bạc đứng dậy và dịch thân sau nó về phía Julie, ngẩng đầu lên, và nhắm mắt lại. Julie biết nó muốn gì. Rất thận trọng cô chìa tay và gãi gãi lưng Ánh Bạc ngay phía trên đuôi, vị trí sói và chó đều rất thích được gãi. Ánh Bạc rên lên vẻ khoan khoái.

- Tớ ước rằng - Julie rầu rầu nói khi cô thúc những móng tay của mình và xoa mạnh - cậu và Kapu sẽ cùng nhau săn nai sừng tấm.

Xương Thô bước vài bước và chăm chú nhìn qua sông. Julie nhìn theo ánh mắt nó. Kapu và Zing đang đứng ngay phía sau đường biên giới vô hình. Tai và lông cổ chúng dựng đứng. Mắt chúng ghim chặt vào Xương Thô. Nó trùng

mắt nhìn lại. Julie ngẫm nghĩ về một quyết định lớn đang hình thành; rồi Xương Thô đột nhiên trừng ánh mắt, xoay tai, và bước lại gần Julie hơn. Nó hít ngửi mùi cô như thể đang đọc thông điệp nào đó mà cô mang tới từ bên kia sông.

Julie tự hỏi: Phải chăng Kapu không gọi cô về vì nó đã gửi theo cô một thông điệp bằng mùi?

Xương Thô dăm dăm nhìn qua sông và phát ra những tiếng ư ử thân thiện.

Ánh Bạc nhảy vọt tới trước.

Kapu và Zing vọt qua đường biên giới vô hình và xông xuống vùng đất trũng.

Xương Thô và Ánh Bạc nhảy ùm xuống sông, khiến nước bắn cao cả mét lên không.

Bốn con gặp nhau, trao đổi tín hiệu, và đuổi theo một con nai sừng tấm mà Julie không hề nhìn thấy. Trên lãnh nguyên chỉ còn Aaka và Amy.

Con nai hiểu tiếng gọi của thần chết. Nó nhắc bộ móng guốc đồ sộ và chạy cuống cuống, sừng và đầu ngả ra sau. Đàn sói vọt tới sừng nó. Chúng tỏa tròn ra và khép lại, bám sát con mồi không tiếng động. Kapu ra hiệu bằng mắt. Đàn sói vào vị trí để chuẩn bị hạ thủ.

Rồi Kapu dừng sừng lại trên đường chạy, những con khác cũng vậy. Nó ra hiệu chấm dứt cuộc săn. Thở hổn hển, mồi vén lên như cười, cả bốn con nhìn con nai một lúc, sau đó quay người và thông thả bỏ đi. Con nai chậm

bước, nhìn lại, và như thể chưa có chuyện gì xảy ra, nó cúi đầu. Nó tỏ ra chẳng sợ sệt gì. Kẻ săn mồi và con mồi, qua hàng nghìn năm, dường như đều đã quen với sự sống và cái chết.

Vừa đuổi con nai sừng tấm, bốn con sói chạy xuống bờ sông toàn cuội, tai vểnh lên, đuôi vung vẩy phía sau. Chúng chạy bên nhau như thể trong vũ trụ này chẳng có gì quan trọng hơn việc chạy giỡn. Julie như rơi vào trạng thái xuất thần. Dường như chúng đang thực hiện một nghi thức của loài sói. Chúng không giết con nai, chỉ cùng đuổi theo nó. Giờ đây dường như chúng đang chạy vui, như thể đang thực hiện quy luật đầu tiên của chúng - hợp tác. Một người già từng nói với Julie việc này theo cách khác: “Tất cả chúng ta ở đây vì nhau; người Eskimo, các loài vật, dòng sông, băng, mặt trời, cây cỏ, chim chóc, và cá. Chúng ta tôn vinh sự hợp tác.” Julie cảm thấy đó chính là những gì chúng đang thực hiện.

Thông qua những tín hiệu bí ẩn nào đó, đàn sói nói với nhau chúng sẽ hợp lực và trở thành một đàn. Và, dường như với Julie, cô là sứ giả đưa tin. Làm thế nào mọi việc như vậy thì cô không biết.

Julie lội qua vùng nước lấp loáng, đi lại ủng, và bằng cả bốn chi, cô leo lên triền sông tới vùng đất vốn chỉ thuộc về Kapu và đàn của nó. Cô nhìn ra khung cảnh bằng phẳng để xác định con nai sừng tấm mà cô đuổi cho đàn sói của mình. Giờ chẳng thấy nó đâu cả. Rõ ràng nó đã bỏ xa đàn sói, vì một con nai sừng tấm luôn có thể làm được vậy. Cô chẳng bận tâm. Điều kiêng kỵ đã được phá bỏ và có đủ

thức ăn cho sói ở vùng đất trũng. Cô sẵn sàng lên đường.

Aaka và Amy không nhìn cô khi cô thu dọn hành trang. Chúng đứng im nhìn theo đàn bốn con sói sẵn mỗi phía dưới. Rồi, theo một tín hiệu nào đó từ Kapu, Aaka bước tới trước và ư ử với Amy, rồi chúng cùng thong thả chạy xuống vùng đất trũng dòng sông.

Julie nhìn sáu con sói hít người và liếm nhau, ve vẩy đuôi, và thảo luận những vấn đề của sói. Xong xuôi, chúng bắt đầu dùng mũi tìm kiếm trong không khí.

- Nghi thức hay không có nghi thức - Julie nói - chúng đều đối.

Cô rút chiếc còi của Peter từ trong áo choàng *parka* và bước xuống triền dốc tới một cái gò trơ trụi nơi lũ sóc đất sống. Cô thổi một tiếng kêu chít chít. Một con sóc xuất hiện. Cô lại thổi. Một con nữa lộ ra khỏi hang và nhìn quanh. Xương Thô lao vọt tới chỗ đó. Julie thổi thêm nhiều giai điệu. Gò đất xuất hiện nhiều sóc. Kapu nhập bọn với Xương Thô. Zing theo chân Kapu, dọa cho một con sóc chui tọt xuống lỗ. Nhưng đàn sói không bắt chúng. Chúng đùa với lũ sóc, đuổi chúng chui xuống khi Julie thổi còi gọi chúng ra. Julie cười. Đàn sói dường như cũng đang cười, khi chiếc còi cứ kêu và lũ sóc đất cứ xuất hiện. Cô tự hỏi Peter đã nghĩ ra âm điệu gì để gọi được lũ sóc bé xiu chui ra khỏi lòng đất. Rồi cô nhớ cô từng ngoáy ngoáy ngón tay hồi hè năm ngoái trên lãnh nguyên để bắt chước tín hiệu đuôi của những con sóc bé nhỏ. "Mọi việc đều ổn - xung quanh không có kẻ thù, ra ngoài đi." Cô nhận ra rằng

Peter đã tạo ra tiếng gọi của lũ sóc đất cũng báo hiệu: “Mọi việc đều ổn. Ra đi nào.”

Đột nhiên, cuộc vui kết thúc. Xương Thô ở quá gần Aaka. Kapu gầm gừ với nó. Xương Thô nhe hàm cả răng hàm ra. Kapu nhảy bổ tới và ngoan lấy cần cổ nó. Nó lắc lắc và nhả ra. Hai con gầm gừ khi cùng dựng bờm lông, nhe răng, và vờn vờn nhau. Đột nhiên Kapu quật Xương Thô xuống đất và đứng uõn người bên trên nó, im lặng nhe ra những chiếc răng nanh. Rồi nó bước lùi lại và Xương Thô khép nép đứng dậy, đầu cúi thấp hơn Kapu, đuôi nó gần như sát đất. Tai nó ép sát trên đầu. Cuộc đấu giành vị trí thủ lĩnh đã kết thúc. Kapu là thủ lĩnh của cả đàn. Màn sương phủ xuống chúng.

Cả năm con sói trưởng thành quây lại thành vòng tròn và cất tiếng tru. Amy sủa ăng ăng. Bài hát lan qua dòng sông và dội lại từ các vách đá và dãy đồi. Bài hát tràn trề sự công bằng của trái đất. Julie cảm nhận được sự hòa hợp ấy và cũng cất tiếng hát.

Khi một trận gió lạnh thổi tan màn sương đi để vầng mặt trời lúc nửa đêm hé ra, Julie thu dọn hành trang để về nhà. Một con quạ vụt xuống từ trên trời và liều lĩnh rà sát đàn sói của cô. Nó ré lên, tiếng gọi tập hợp của giống loài nó. Không phát ra một âm thanh, trên những đôi cánh đen xò rộng, thêm ba con quạ xuất hiện, rồi bảy con nữa.

- Những con chim khôn ngoan - Julie nói. Cô chẳng hề nhìn thấy một con quạ nào kể từ ngày đầu ra lãnh nguyên.
- Chúng biết những gì sắp diễn ra.

Một con cáo đỏ xuất hiện. Nó bám theo lũ quạ, biết rằng chúng có thể tìm được thức ăn từ trên cao. Nó sẽ chia phần những gì chúng tìm được.

- Nhưng chưa có thức ăn đâu - Julie nói to, cảm thấy khó xử. Hai con nai sừng tấm đã bị truy đuổi, nhưng chưa con nào bị hạ. Lũ quạ và cáo biết điều gì đó mà cô không biết. Có lẽ, cô tự nhủ, khúc hợp xướng ấy của đàn sói nói cho cuộc sống trên lãnh nguyên biết rằng giờ chúng có năm con sói trưởng thành, chứ không chỉ ba, và chúng đã sẵn sàng săn con mồi lớn như loài sói vẫn làm.

Julie vác ba lô lên vai và rời khỏi Colville. Cô thấy hài lòng vì đàn sói của mình có đủ thú săn để sống được nhiều tháng, có lẽ cho tới khi lũ tuần lộc trở lại. Cô nhìn xuống ủng của mình, và mỉm cười, cô hướng mũi ủng về phía nhà, về phía Peter Sugluk - cô ngạc nhiên thừa nhận như vậy.

PHẦN III: THIẾU NỮ MIYAX

TRÊN ĐƯỜNG VỀ NHÀ, JULIE LẦN THEO LỐI ĐI CỦA MÌNH và đàn sói băng ngược qua lãnh nguyên. Sương mù đã tan và cô có thể nhìn thấy con đường mòn lẩn trong cỏ mà đoàn của cô đã tạo ra. Thêm vào đó, những túm lông sói vương trên đầu bông anh túc và cỏ như những lá cờ trắng đánh dấu lối đi.

Cô đi chưa được xa thì đã nghe thấy tiếng đàn quạ cất lên hồi chuông báo tử. Cô dừng lại lắng nghe. Át cả bài ca của quạ là những giọng sói báo hiệu sự kết thúc của một sinh mệnh và sự tiếp tục của những sinh mệnh khác. Con nai sừng tấm đã hiến dâng cho đàn sói. Cô mỉm cười. Đàn bò xạ được an toàn. Nếu tuần lộc quay lại vào mùa thu này thì công việc của bố Kapugen sẽ chẳng mấy mà phát đạt.

Cô vui vẻ đi. Khi sự mệt mỏi ập đến, cô nằm xuống tắm da tuần lộc và nhanh chóng thiếp ngủ. Cô ngủ trong tiếng chim hót và tiếng chồn trò chuyện suốt cả lúc đổi gió và mây đỏ tía hiện tại cận điểm của vầng dương lúc nửa đêm.

Cô thức giấc bởi tiếng cười của lũ cáo. Bốn con cáo con đang bốn chồn nhảy nhót xung quanh cô. Mắt chúng lấp lánh trong ánh nắng lúc giữa trưa trong khi chúng kéo ủng và găng của cô. Cô ngồi dậy. Không thấy cáo bố mẹ.

- Cáo con ra khỏi hang - cô nói to lên. - Tháng Sáu đã hết. Em bé sẽ sinh ngày năm tháng Bảy - và mình muốn có mặt ở đó.

Cô hát ba lô lên vai và rảo bước. Lũ cáo con bám theo cô cho tới khi một con chim *ptarmigan* bay lên; rồi chúng quay lại và đuổi theo nó trên những đôi chân dài nhanh nhẹn.

Có tiếng sói hú. Tiếng hú phát ra ngay trước mặt, chứ không phải sau lưng cô. Đây cảnh giác, cô dừng lại. Hóa ra Kapu vẫn đi theo cô. Nó đi trước để dò đường. Nó không được làm vậy. Cô thụp xuống trên cả bốn chi sẵn sàng nhìn vào mắt nó và buộc nó phải quay lại bằng một cái trừng mắt. Một tràng hú nữa. Julie đứng lên và bật cười.

- Bố Kapugen - cô kêu to, và vùng chạy. - Con đây. Con đây.

Ở khoảng xa mịt mờ, cô nhìn thấy cái dáng bè bè của cha mình. Ông dắt theo CB có xích và phải ngả người ra sau để cố ghì con chó lại.

Họ gặp nhau mừng rỡ đến mức CB cũng cảm thấy hân hoan. Nó chào đón Julie trước tiên, nhảy cẫng lên và liếm má cô. Cô ôm lấy nó, rồi chạy ào vào vòng tay bố Kapugen.

- Đàn bò an toàn rồi - cô nói. - Đàn sói đã có nai sừng tấm để săn.

- Nai sừng tấm; chúng tìm được nai sừng tấm - ông nói với vẻ vô cùng hài lòng. - Đó là tin rất vui, phải. - Ông lại ôm lấy cô. - Giờ bố có tin vui cho con đây.

Julie chờ đợi.

- Con có em trai rồi. - Mắt Kapugen sáng lên dịu dàng.

- Một cậu em trai - Julie nói. - Đó là một tin vui, phải. Bố đặt tên em là gì?

- Amaroq.

Julie không nói lên lời. Cô đưa mấy ngón tay lên môi và nhìn vào mắt cha mình.

- Chẳng có gì lạ cả - Kapugen nói, khi nhìn vẻ sững sờ của cô. - Phong tục của người Eskimo là đặt tên của một linh hồn đã khuất cho một em bé mà. Khi ấy em bé sẽ trở thành linh hồn ấy.

Cô cau mày, nhưng ông nói tiếp.

- Bằng việc đặt cho con trai mình tên con sói đầu đàn tuyệt vời của con, Amaroq, bố nói rằng em sẽ giống như nó. Bé Amaroq sẽ tự mình đi săn, em sẽ đi săn cho gia đình mình, và em sẽ bảo vệ bộ lạc của mình trước mọi kẻ thù. Cũng như con sói, em sẽ hòa hợp với vũ trụ.

Julie biết rất rõ tập tục *atiqs*, tức tên trùng tên, của người Eskimo. Những em bé thường được đặt tên của những người đã khuất. Bà cô Martha được đặt theo tên một người bạn đã mất, và gia đình người bạn nghĩ bà cô Martha chính là bé gái ấy.

- Con là bà nội của ta - gia đình sẽ nói với bé Martha, và không ai nghĩ thế là kỳ cục. Linh hồn của Martha vẫn hiện diện. Đó chính là em bé.

- Con thấy lạ lắm sao? - Kapugen hỏi sau khi Julie im

lặng khá lâu.

- Con hiểu việc đặt tên cho một em bé theo tên một người yêu thương hoặc một con tuần lộc tuyệt vời hay một con gấu Bắc Cực khỏe mạnh - cô trả lời. - Nhưng bố đặt tên em bé theo tên một con sói bố không thích và đã giết chết. Con không hiểu điều đó.

- Bố ngưỡng mộ Amaroq - ông nói. - Nó chết để cứu cả làng Kangik.

- Luật Minnesota ư? - Julie hỏi khẽ.

- Luật Minnesota.

Julie đứng một lúc lâu cố gắng chấp nhận cái chết của sói Amaroq bằng việc nhắc đi nhắc lại với chính mình: “Mọi việc là vậy”, cách nói của người Eskimo đem lại sự chấp nhận và bình yên. Cuối cùng cô nhìn bố Kapugen.

- Em bé sẽ rất xuất sắc - cô nói. - Và - cô nhìn phóng ra lãnh nguyên - em bé sẽ là cha nuôi của con.

Cô lại một lần nữa nhìn thấy con sói đen vĩ đại. Đầu nó ngẩng cao, và sự thông minh bùng lên trong ánh mắt nó. Nó vừa mới hạ một con tuần lộc gần trại của cô.

Cô mỉm cười và nghĩ đến người trùng tên với nó.

- Tóc em bé có đỏ không? - Cô tò mò hỏi.

- Đen như mây gió vậy.

- Còn mắt em?

- Còn đen hơn con trắng mới.

- Vậy em là Amaroq - Julie nói. - Điều đó thật tốt.

- Da em trắng hồng - Kapugen nói. - Bố hy vọng da em không bị nứt nẻ và phồng rộp vì nắng và lạnh.

- Ernest Adams cũng không như vậy - Julie nói. - Ông nội bé ấy là một thợ săn cá voi da trắng lưu lạc đến Bắc Cực. Bé ấy da trắng, nhưng không hề bị nứt nẻ và phồng rộp.

Kapugen cười.

- Con nói đúng, phải - ông nói, lắc lắc đầu. - Bố không nên lặp lại định kiến này. Nhiều người Eskimo có tổ tiên người da trắng, và họ không hề nứt nẻ và phồng rộp hơn so với những người còn lại trong chúng ta.

Ông cười khùng khục và cúi xuống để gom cỏ khô.

Kapugen dọn sạch một khoảnh nhỏ trên mặt đất và chất cỏ lên. Phía trên ông xếp cành khô mà ông gom được trên những bờ suối dọc đường; củi để nhóm lửa được cuốn xuống từ trên núi, nơi nhiều cây cối còi cọc mọc lên. Ông đánh một que diêm vào đám cỏ và ngọn lửa bùng lên, liếm vào chỗ củi trôi, và bùng lên thành một đồng lửa. Ông mở một hộp thịt hầm lớn mua ở cửa hàng, và khi than đã nóng đỏ, ông đặt hộp thịt lên trên.

- Dì Ellen có khỏe không ạ? - Julie hỏi khá muộn.

- Dì rất khỏe và hạnh phúc - Kapugen nói.

- Em Amaroq sinh lúc nào ạ? - Cô hỏi.

- Ngày mười lăm tháng Sáu - Kapugen nói. - Em sinh hơi sớm. Em khiến chúng ta ngạc nhiên, giống như tay thợ săn cừ khôi em mang tên.

- Bố có chở dì Ellen bay tới bệnh viện không? - Julie hỏi, giờ háo hức muốn biết mọi chi tiết về việc cậu em cha nuôi của mình chào đời.

Kapugen lắc đầu.

- Con sói non quyết định ra đời vào ngày sương mùa hè phủ kín. Bố không thể bay được.

- Thế bố đã làm sao?

- Bố chạy đi tìm bà Uma. Bà ấy đã đến.

- Bà Uma biết rất nhiều về trẻ con - Julie nói.

- Đúng vậy, phải - Kapugen trả lời, khuấy thịt hầm bằng con dao săn của mình. - Và bà biết tri thức của người Eskimo. Bà xoa bụng dì Ellen bằng lông sói. Bà nói như thế sẽ cho dì Ellen sức mạnh của sói cái. Đó là sức mạnh siêu việt - ông nói, và mỉm cười. - Điều đó làm cho việc sinh nở dễ dàng và tình yêu của dì dành cho em bé luôn mãnh liệt.

- Chuyện xảy ra như vậy à? - Julie hỏi đầy hy vọng.

- Chuyện xảy ra như vậy. Sáu tiếng sau, em bé chào đời và dì Ellen ôm em vào ngực với tình yêu mãnh liệt.

- Dì sẽ như vậy, phải - Julie nói. Cô có thể hình dung ra hình ảnh dì Ellen và cậu bé có mái tóc đen như mây gió.

- Chính khi đó bố biết em bé là Amaroq. Em sẽ là một người tuyệt vời.

Julie trải tấm da tuần lộc của mình và nằm sắp dài ra. Cô nhìn đồng lửa và nghĩ về bé Amaroq. Tên em gắn kết tất cả họ với nhau: cô, em bé, dì Ellen, bố Kapugen, đàn

bò, và đàn sói cô đã dẫn đi xa. Giờ họ là một gia đình.

- *Aapa* - Julie chậm rãi và thận trọng nói - sẽ sao nếu đàn sói trở lại và giết thêm một con bò xạ nữa? Giờ chúng ta có thêm Amaroq bên chúng ta, bố sẽ vẫn theo luật Minnesota chứ? Bố sẽ vẫn giết chúng à?

- Bố phải làm việc đó - ông nói.

- Cho dù chúng ta có một con sói non trong nhà ư? Bố sẽ giết những người anh em tinh thần của em.

- Công việc kinh doanh lại theo một luật khác - ông nói.
- Chúng ta phải bảo vệ công việc kinh doanh như đàn sói bảo vệ con mồi, cây cỏ và gia đình mình.

- Như thế rắc rối thật - Julie nói, và cau mày.

- Đó chính là thế giới hiện đại của chúng ta - Kapugen nói.

- À, *Aapa* - cô nói, nhìn lại phía dãy núi. - Con hy vọng tuần lộc sớm trở lại.

Khi ăn xong món thịt hầm, Julie và bố Kapugen cùng nằm xuống trên tấm da ngủ của mình và kéo mũ trùm áo *parka* phủ lên mắt để tự tạo ra màn đêm. Những âm thanh của tháng Bảy lạnh lạnh trên lãnh nguyên, khi lũ chim non hát những đoạn ca khúc của bố mẹ chúng còn bộn sóc đất chạy hối hả sau những bụi quả mọng.

Julie nhắm mắt lại, nhưng cô không thể ngủ ngay. Cô đang nghĩ về bé Amaroq - và Peter.

Cô tỉnh giấc vài tiếng sau bởi tiếng rền rền kéo dài của động cơ trực thăng. Cô ngồi dậy. Không khí rung động. Gió

cuộn lên từ cánh quạt máy bay khiến tóc cô rối bời và hất bụi vào mặt cô. Cô nhੌm lên trên cả bốn chi và nhìn chiếc máy bay, động cơ rền vang, bắt đầu hạ xuống cách đó không quá hai mươi mét.

Kapugen đứng lên và vẫy tay để báo với phi công ông và con gái mình ở đây. Phi công đã nhìn thấy ông, gặt đầu, cho máy bay bay lên và hạ xuống cách xa hai trăm thước. Kapugen và Julie nhìn hai người đàn ông trèo ra khỏi khoang lái và đi về phía họ.

- Xin chào - người cao hơn nói.

- Xin chào.

- Tôi khá ngạc nhiên tìm được hai người ở đây. Xin lỗi vì đã làm phiền hai người. - Người đàn ông cởi mũ bảo hiểm và kính râm, và Julie nhận ra ông ấy là một người da trắng.

- Tôi là một nhà sinh học - ông ấy nói. - Tên tôi là David Bradford. Đây là phi công kiêm trợ lý của tôi, Mark. Chúng tôi đang nghiên cứu nai sừng tấm. Tôi đã đeo vòng cổ vô tuyến lên chúng để có thể theo dấu chúng và biết được số lượng và sự phân bố của chúng.

Kapugen gặt đầu.

- Có một con nai sừng tấm đeo vòng ngay gần đây - ông ấy nói. - Tôi nghe được tín hiệu trên máy thu của tôi. - Ông ấy cười khùng khục. - Nhưng hóa ra con nai sừng tấm lại là hai người.

- Tôi đời nào lại là một con nai sừng tấm - Kapugen nói, mắt ông lấp lánh - và con gái tôi, Julie, cũng không phải

nai. Các anh không biết một con nai sừng tấm khi các anh nhìn thấy nó ư? - Kapugen cười to. - Đùa vui đấy. Nhà sinh vật tìm thấy hai người Eskimo và nghĩ họ là nai sừng tấm.

- Tôi phải thừa nhận là vậy - David nói, và cũng cười. - Chúng tôi nghe được tín hiệu và lần theo. Khi nghe rõ môn một, tôi nhìn xuống và thấy một đám lông lớn. “Nai kìa” tôi nói với Mark vậy. Khi bạn háo hức xem nai sừng tấm, bạn sẽ thấy một con - ông ấy nói, và lại cười. - Nhân tiện, hai người đã thấy một cái vòng cổ vô tuyến chưa? Nhiều khi chúng rơi mất và nằm trên mặt đất.

Julie lục ba lô.

- Các vị đang tìm cái này phải không? - Cô hỏi, giơ cái vòng cổ lên.

- Ôi chao - David nói - tuyệt quá. Cô tìm thấy nó ở đâu vậy?

- Cháu tìm thấy trên cổ một con nai sừng tấm non - cô nói. - Ít nhất cháu nghĩ đó là một con nai sừng tấm. Con vật chết đã lâu và toi tả, nên cháu chỉ có thể phỏng đoán thôi. - Cô nhìn ông ấy vẻ tinh nghịch. - Khi bạn háo hức xem nai sừng tấm, bạn sẽ thấy một con.

David mỉm cười và nhận lấy chiếc vòng cổ.

- Tôi đeo cái này lên một con non mới một tháng trước - ông ấy nói. - Tôi tự hỏi con vật đã chết như thế nào? Chó sói, tôi đoán vậy.

- Chú ở chỗ nào khi chú đeo cho nó? - Julie hỏi.

- Dọc sông Colville cách đây khoảng hai mươi dặm về

phía tây nam ở vùng trũng sông.

- Vậy thì chắc nó bị gấu xám giết thịt.

- Chó sói - David nói rất quả quyết. - Tôi đã nhìn thấy một đàn ở khu vực đó.

- Không phải sói - Julie nói. - Từ Wainwright tới Colville chỉ có một đàn, và cháu biết chúng rất rõ. Chúng sẽ không đi xuống vùng trũng sông. Cấm kỵ.

- Tôi chắc cô biết rất nhiều về sói, cô Julie - David nói, mỉm cười vẻ nhún nhùng.

- Julie thực sự hiểu về sói - Kapugen xen ngang - trong khi anh sẽ chẳng bao giờ biết về chúng đâu. Hãy tin con bé đi.

David vẫn mỉm cười vẻ tự mãn.

- Dave! - Mark lên tiếng - người này là Kapugen. Ông ấy là một thợ săn và một doanh nhân cừ khôi. Anh có thể tin tưởng ông ấy và con gái ông ấy. Người ta nói cô ấy bị lạc trên lãnh nguyên và sống cùng với chó sói nên mới sống sót được đấy.

- Thật vậy ư? - David hỏi với vẻ thán phục hơn.

- Đúng vậy - Kapugen nói.

Vẫn còn ngờ vực, David lấy cuốn sổ tay ra, tìm ngày ông ấy gây mê và đeo vòng cho con nai con, rồi viết ngày tìm thấy. Sau khi đọc la bàn, ông ấy ghi lại vị trí hiện tại của họ và cả tên của Julie. Ông ấy không điền dòng cuối cùng - CHẾT như thế nào.

- Cô có nghĩ cô có thể chỉ cho tôi trên bản đồ địa hình này vị trí cô tìm thấy thiết bị không? - Ông ấy hỏi Julie.

- Cháu có thể làm được - cô trả lời. Bố Kapugen cũng có một tấm bản đồ như vậy trên tường trong phòng ngủ của ông.

- Chúng ta đang ở đây - David nói, chỉ tay. - Và đây là nơi tôi đeo vòng cho con nai con. - Ông ấy chỉ một điểm trên sông Colville. Đồi núi mọc hai bên bờ sông - qua khỏi đó núi rất cao. Đó chính là khu vực Julie đã dẫn đàn sói của mình tới. Giờ phải tìm cái hang sói non trên bản đồ. Cô lần theo đường khe cạn bằng ngón tay.

- Đây - cô nói, chỉ tay. - Con nai con cách Colville khoảng ba mươi dặm.

- Gấu xám - David thay đổi quan điểm. - Sói mang thức ăn cho con non trong dạ dày. Chúng không mang con mới tới cho con non.

- Vậy gấu xám mang thức ăn tới cho con của chúng à? - Kapugen hỏi.

- Thành thật mà nói - David nói với chút bối rối - tôi không biết. Có lẽ không phải. Mỗi bị sói săn.

- Đó không phải là mỗi sói săn - Julie nói. - Cháu thấy qua ghi chép của chú ngày chú đeo cái vòng cổ lên con nai sừng tấm, thì đàn sói đang ở làng Kangik.

- Làm sao cô biết chuyện như vậy? - David vặn.

- Chúng đã hạ một con bò xạ - Kapugen trả lời.

- Và - Julie nói tiếp - đàn sói không đi xa khỏi Colville khi

con nai con bị giết. Một con sói non mới sinh trên sông Avalik vào khoảng thời điểm đó.

- Tại sao một con gấu lại tha xác con mồi đi xa vậy? - David trầm ngâm.

- Có lẽ không phải vậy - Julie trả lời. - Sau khi giết được nó, chắc chắn nó kéo cái xác vào sâu trong đất liền tới chỗ con của nó. Chúng ăn no say và bỏ lại, dự định sẽ quay lại. Một cái xác thú là cả kho báu với nhiều loài vật. Có thể một con cáo đã tha đi, một con đại bàng cũng kéo đi, nhưng cháu đoán rằng đàn sói tìm thấy nó và mang trở lại cho con sói non của chúng để chơi. Chúng mang đồ chơi bằng miệng. Bốn mươi dặm chỉ là một cuộc đi chơi với sói thôi.

- Và làm thế nào cô tìm được nó?

- Bằng mũi của cháu - cô cười trả lời, biết rằng cô chỉ nói một phần sự thật.

David viết "Chết vì gấu xám" mà không hỏi thêm rồi cảm ơn Julie. Ông ấy rất hài lòng với thông tin cô cung cấp.

- Đưa hai người về nhà thì sao nhỉ? - Ông ấy hỏi.

Julie rất muốn. Cô chưa bao giờ đi bằng trực thăng cả.

- Có được không, *Aapa*? - Cô hỏi.

- Các ông có chỗ cho con chó không?

- Nếu ông ôm nó trên lòng - Mark trả lời.

- Tôi sẽ làm vậy, phải - Kapugen nói.

David và Mark đi về phía máy bay.

- Vừa nói đến gấu - Kapugen nói - thế là có ngay một con. - Ông ra hiệu.

Aklaq, con gấu xám, và hai con non to lớn của nó ở bên kia chiếc trục thẳng. Mark rút súng trường khỏi bao.

Con gấu xám đứng hẳn trên hai chân sau. Cái lưỡi đỏ lòm của nó nổi bật trên màu trắng của bộ răng to tướng. David nhảy vào máy bay. Mark quay sang Julie.

- Lên đi - anh ấy nói. - Tôi sẽ dọa nó chạy đi.

Con gấu xám gầm gừ. Rồi nó hạ chân xuống đất và chạy thẳng về phía chiếc trục thẳng. CB sửa và gầm gừ. Kapugen nhắc nó lên và ửn nó vào khoang. Mark luồn phía dưới cánh quạt máy bay và tì súng lên vai.

Julie vung cánh tay, ra hiệu "con người".

Khẩu súng nổ vang.

Một phát đạn nữa tiếp theo. Con gấu gầm lên và xù lông bờm, rồi lại đứng trên hai chân sau. Mark chưa kịp nã phát đạn thứ ba, Julie đã vẫy tay với con *aklaq* và hét to. Cô tiến về phía con gấu, đầu cúi thấp, dọa con gấu xám kênh càng. Ngạc nhiên trước sự hung tợn của cô, con *aklaq* hạ xuống trên cả bốn chân. Thị lực nó rất kém, nhưng mũi nó là những cảm biến tầm xa. Nó ngửi thấy mùi thuốc súng và thông điệp của Julie. Bản năng sâu thẳm nhất của nó dẫn lại. Nó vòng trở lại chỗ đàn con, rồi quay người và đứng lên. Nó lại sẵn sàng tấn công nữa.

Julie xua nó, con *aklaq* hạ đôi chân to tướng có những

cái vuốt dài lấp lánh xuống và bình thản bỏ đi như chẳng có gì xảy ra. Mấy con gấu con lon ton chạy theo sau.

- Tốt lắm - Julie nói, và đi lùi trở lại phía trục thẳng để không kích thích con gấu đuổi theo. Cô nhặt ba lô lên và leo lên khoang bên cạnh bố Kapugen. CB liếm má cô.

- Làm thế nào con biết cách làm như vậy? - Kapugen hãnh diện hỏi cô. - Bố không biết con lại biết cách đuổi được gấu.

- Đàn sói đã dạy con - cô nói.

Ông gật đầu hiểu ý, mắt ông lấp lánh niềm vui.

Động cơ máy bay gầm lên, những cánh quạt quay đều, và Julie được nâng bổng lên khỏi lãnh nguyên.

Khi chiếc trục thẳng âm âm bốc lên không trung, Julie nhìn thấy con *aklaq* và con của nó lữ cữ đi về phía nam theo hướng Colville. Một con quạ chấp chới bên trên chúng chờ cơ hội lữ gấu bắt được một con lữ thử hay bắt được một ít cá.

Kapugen, bằng giọng đủ to để có thể át tiếng âm âm của cánh quạt trục thẳng, hỏi David liệu ông ấy có phiền bay xuống sông Colville trước khi về nhà không. Ông muốn xem liệu có con tuần lộc lẻ loi nào ở chân núi mà ông và Malek có thể săn không. David gật đầu và bảo Mark đổi lộ trình. Ông ấy cũng cần thông tin về tuần lộc.

Cỗ máy ồn ào chao nghiêng, treo lơ lửng trên không như một con hải yến, rồi vút về phía dãy Brooks. Nhìn xuống dưới, Julie có thể thấy hàng dặm đỉnh núi. Tất cả

đều trắng xóa và lởm chởm như răng cá hồi. Thật tuyệt vời, cô nghĩ bụng, khi được là một loài vật sống sót trong vẻ đẹp nghiệt ngã như thế.

Mark rà máy bay thật thấp khi anh theo vệt cây trên núi. Sau nhiều dặm không nhìn thấy con tuần lộc nào, Kapugen ra hiệu cho Mark bay về Kangik, và anh ấy xoay máy bay về phía bắc. David ngoảnh lại chỗ Kapugen ở ghế sau.

- Tuần lộc dạt hết về phía đông qua Vịnh Prudhoe - ông ấy hét to. - Vài con đi về phía nam, nhưng không đi về phía Kangik.

- Chúng phải đến - Julie thì thầm một mình. - Chúng phải đến Kangik mùa thu này.

- Những sinh vật rắc rối - Kapugen nói với David. Quay sang Julie, ông nói: - Ta đi thăm em bé nào.

Cô nheo mắt sung sướng.

Chiếc trực thăng đáp xuống trên đường băng kim loại phía trước lều Quonset. David, giờ rất ấn tượng với Julie - đặc biệt vì cách cô xử lý con gấu - bắt tay cô và mời cô đến Fairbanks với Kapugen một ngày nào đó. Ông ấy sẽ cho cô xem thiết bị tiếp sóng vô tuyến và những biểu đồ ông đã lập được cho từng con nai sừng tấm mà ông đeo vòng. Ông ấy sẽ nói với cô nhiều điều về thói quen của nai sừng tấm. Rồi ông ấy nói thêm: "Hoặc có khi cô kể với tôi ấy." Mỉm cười, ông ấy vẫy tay từ biệt và đóng cửa máy bay.

Julie nôn nóng vẫy tay cho tới khi con bộ kim loại nhắc

bồng lên khỏi mặt đất và bay đi; rồi cô chạy về nhà. Kapugen sai bước theo cố bắt kịp cô.

- Dì Ellen - cô gọi khi chạy vào phòng khách. - Amaroq. Em bé đâu ạ?

- Suytttt - em đang ngủ - dì Ellen nói, nhón chân đi tới cái nôi da tuần lộc treo thả từ trần. Cái mũi và trán của cậu bé tí xíu là tất cả những gì Julie nhìn được bên dưới tấm chăn lông cáo trắng mềm mại.

- Amaroq - Julie thì thầm. - Amaroq.

Làn da mịn màng của em bé hồng hào hơn là trắng, nhưng mái tóc cậu bé thì đen hoàn toàn, rất đen. Cặp lông mi đen uốn cong trên đôi má tròn bầu bĩnh.

Julie đứng im trước em bé một lúc, sau đó khe khẽ hát:

- Em là cha nuôi của chị. Chân chị nhảy vì em. Mắt chị nhìn vì em. Óc chị suy nghĩ vì em. Và suy nghĩ với sự ra đời của em. Sói và người Eskimo lại là một!

Julie nhìn bé Amaroq một lúc lâu. Rồi cô quay sang dì Ellen:

- Con bé em lên được không?

- Không, không - dì Ellen cảnh báo. - Chớ bao giờ đánh thức một em bé đang ngủ, mẹ dì luôn bảo vậy.

Julie không hề nhìn thấy bố Kapugen cho tới khi ông đến cạnh cô.

- Amaroq, Amaroq - ông hát khi với tay vào nôi và nhắc cậu bé lên.

- Không, không, anh Kapugen - dì Ellen trách. - Làm ơn nào, để nó ngủ. Nó sẽ lại bỏ mất nê nếp đấy.

Kapugen đu đưa cậu bé trên tay mình, hôn lên đôi má mềm của bé, và trao em cho Julie. Cô ôm chặt cậu bé vào lòng đầy yêu thương.

- Ellen yêu dấu - Kapugen nói, choàng tay qua vai dì - trẻ con chẳng có nê nếp nào ngoại trừ tình yêu thương và yêu thương nhiều hơn nữa.

- Ôi, anh Kapugen - dì Ellen nói. - Con chúng ta phải có kỷ luật hoặc nó sẽ lại quậy như con nhà Uma mất.

- Quậy hơn nhiều ấy chứ - Julie nói, hôn em bé. - Em là Amaroq, con sói non. Em sẽ nhảy nhót và vật lộn, thậm chí cắn xé. Em sẽ chạy đến nơi nào em thích nhanh như gió.

Em bé mở bừng mắt. Đôi mắt bầu dục còn đen hơn cả con trắng mới và đầy vẻ tò mò. Bé nhìn thẳng vào Julie như thể bé biết mình là cha nuôi của cô.

Dì Ellen đưa tay để giải cứu cậu bé của mình. Nhìn thấy cảnh đó, dì rất thất vọng, Julie đặt Amaroq trở lại nôi và đu đưa nhẹ nhẹ để ru em ngủ.

- Dì Ellen - Julie nói khẽ, chẳng hề rời mắt khỏi em bé - bé Amaroq sẽ nhảy nhót, gầm gừ và lăn lộn. Em sẽ chạy tung tăng ra lãnh nguyên như một con tuần lộc non. Dì sẽ nghĩ là em nghịch ngợm, nhưng em sẽ ổn. Tất cả những gì dì cần làm là cất tiếng gọi như một con sói mẹ, và em sẽ lại trở lại. Con đã chứng kiến điều này.

- Anh cũng đã chứng kiến cảnh này, phải - Kapugen nói,

kiểm tra lại dây chiếc nôi mà ông tự làm để em bé có thể
đứng giữa mọi hoạt động sống.

Dì Ellen nhìn con mình rồi nhìn Julie.

- Julie - dì nói - dì có cảm giác con tin linh hồn con sói
của con nằm trong con trai dì.

- Đúng vậy - Julie nói không chút bối rối. - Đây là
Amaroq.

Cô vỗ về cái đầu nhỏ xíu của bé.

- Em không cảm thấy sức mạnh của thằng bé ư? -
Kapugen nói, cầm lấy tay dì Ellen và áp vào em bé. - Nó
rất khỏe. Nó sẽ nhấn chìm những nhu cầu cá nhân của
mình vì sự tốt đẹp của tất cả. Đó là những gì con sói đã
làm. Sói là động vật duy nhất hiểu vũ trụ. Con người không
hiểu điều đó, chỉ có Amaroq.

- Mới đầu - dì Ellen nói - em không nghĩ anh thật sự tin
linh hồn Amaroq ở trong con chúng ta. - Dì lùi khỏi chồng.
- Giờ thì em thấy đúng là anh tin như vậy.

- Vốn vậy mà - Kapugen nói.

Ông ngồi xuống những tấm da hải cẩu và dịu dàng kéo
dì Ellen xuống cạnh mình. Julie bắt chéo chân và duyên
dáng ngồi xuống.

- Nhắm mắt lại đi, *Aaka* - Julie nói. - Bố Kapugen và con
có một câu chuyện kể cho dì.

Dì Ellen bấu lấy tay Kapugen và nhắm mắt lại.

- Em thấy cái chớp băng vùng cực chứ? - Kapugen nói,

rất chậm rãi. - Em thấy trái đất phình lên quanh đỉnh thế giới chứ?

Dì Ellen gật đầu.

- Dì ở trên Cực Bắc nhìn xuống - Julie chậm rãi nói. - Có một đất nước trên đó. Alaska, Canada, Siberia, Greenland, Lappland, tất cả như nhau. Dì thấy chứ?

- Có - dì Ellen nói. - Như là một đất nước khi ta nhìn xuống quả cầu thay vì nhìn lên như những tấm bản đồ của chúng ta vẽ ra.

- Dì thấy tuyết, gió và các loài vật chứ? - Julie hỏi.

Dì Ellen gật đầu, mắt vẫn nhắm chặt.

- Đã từng - Kapugen nói tiếp - có hai con sói chạy giỡn. Khi đó chẳng hề có người và cũng không có ánh sáng. Trái đất lộn ngược trong bóng tối. Một hôm có một con quạ đến chỗ lũ sói và bảo chúng hãy giữ chặt. Con quạ bay lên, và khi nó bay, nó xoay trái đất lại phía ánh sáng. Sói trở thành người Eskimo. Đó là lý do chúng ta rất giống chúng. Chúng ta đi săn theo nhóm giống sói. Chúng ta có những thủ lĩnh giống như sói, và chúng ta yêu quý trẻ con như sói yêu thương con của chúng.

- Kể từ đó cứ vậy - Kapugen nói tiếp, cảm thấy Ellen vẫn chưa thể hiểu hết lời mình - rất dễ dàng cho chó sói gửi linh hồn của nó vào một đứa bé khi chúng ta lấy tên nó đặt cho đứa bé. Trẻ con và linh hồn chó sói sống hạnh phúc.

- Amaroq ở đây - Julie nói, vỗ về em bé. Cô lấy cái *totem* từ trong túi và giơ lên cho dì Ellen thấy. - Dì nhìn này, nó

đã rời khỏi *totem*.

Dì Ellen nhìn, rồi thở dài, cố gắng lĩnh hội.

- Giờ, Ellen yêu quý - Kapugen chậm rãi và thận trọng nói - hãy làm con sói một lúc đi.

Dì cau mày khi cố gắng thử.

- Giờ, hãy mở mắt ra. Nhìn xem, Amaroq chính là đứa bé đó, đây.

Đôi mắt xanh xám của dì Ellen chớp chớp, rồi mở lớn. Dì nhìn từ Julie sang Kapugen và rồi đứa con đang ngủ của mình.

- Em yêu cả hai bố con rất nhiều - dì nói về bất lực. - Nhưng có vài điều dường như em không hiểu. Hai bố con thấy những điều em không thấy. - Những giọt mồ hôi to như hạt sương đọng trên trán dì và chảy dọc xuống lọn tóc chỗ tai dì. - Em phải cố gắng giống như một người Eskimo hơn.

- Không - Kapugen chỉnh vợ. - Bố con anh phải giống em hơn. Để tồn tại trên thế giới vùng cực bây giờ, bố con anh phải tham gia vào những công việc của em và học ngôn ngữ của em.

Julie nhìn cha mình vẻ dè chừng.

- Như thế cũng có nghĩa là chúng ta cũng phải theo luật Minnesota ạ? - Cô hỏi, giọng cô thấp và đầy lo sợ.

- Cũng phải vậy - Kapugen nói, và Julie hiểu rằng vì sự tốt lành cho làng, ông đã chấp nhận luật lệ Minnesota và trái tim ông đã đông cứng quanh đó. Cô rất đau đớn. Khi

đàn sói của cô trở lại - và chúng sẽ trở lại; đây là lãnh thổ của chúng kia mà - Kapugen sẽ bắn hạ chúng. Ông đang nói với cô như vậy.

Bé Amaroq tỉnh giấc với tiếng khóc và cả nhà lập tức vận động. Kapugen ôm em bé trong khi dì Ellen đun nước để tắm và chỉ cho Julie cách mặc tã giấy cho bé.

Peter xuất hiện ở cửa. Vì chẳng ai nghe thấy anh gõ cửa, nên anh tự mình đi vào. Anh đứng yên lặng một lúc.

- Julie - cuối cùng anh nói, bước lại chỗ cô và thì thầm vào tai cô. - Đàn sói an toàn chưa? Em có dẫn chúng tới chỗ thú săn không?

Cô ngạc nhiên quay lại, rồi cười chính mình vì đã quá mãi mê với em bé.

- *Ee-lie*, em làm được rồi. - Cô nói, hạnh phúc nhìn anh.
- Đến đây và gặp Amaroq Kapugen nào. Nó chỉ có một cái tên Eskimo thôi.

Bẽn lẽn, Peter đi qua phòng, nhìn xuống cậu bé đang quấy đạp và kêu khóc trên bàn.

- Cậu bé là một con sói đầu đàn nhỏ bé - anh nói, và Julie cùng Kapugen đều cười vang vì thích thú.

- Em chịu thua - dì Ellen nói. - Thằng bé là Amaroq. Cháu cũng nói vậy à, Peter?

- Dĩ nhiên rồi ạ - Peter nói.

Peter nhặt cái trống lắc bạc mà mẹ dì Ellen gửi từ Minnesota tới và lắc lắc, gõ vang một điệu trống Eskimo. Kapugen bắt đầu hát, còn Julie ư ử, và cậu bé con khe khẽ

ọ ọe khi nghe những âm thanh của cái thế giới mà cậu vừa được sinh ra trong đó.

Khi bé Amaroq đã được tắm rửa, mặc quần áo, cho bú, Peter cầm lấy tay Julie và dìu cô sang gian *qanitchaq*. Anh đóng cửa lại và hôn lên môi cô. Tim cô đập thành thịch và hai má nóng ran. Cô lùi lại. Vậy ra đây là những gì dì Ellen muốn chỉ khi dì nói dì và bố Kapugen yêu nhau. Cho đến giờ cô mới hiểu.

- Julie - Peter nói bằng giọng hạ thấp - giờ đàn sói đã ở rất xa, anh có thể tiếp tục với các kế hoạch của mình rồi.

- Kế hoạch gì? - Julie hỏi.

- Anh sẽ đi học ở Fairbanks. Anh đã được nhận vào Đại học Alaska.

Julie cảm thấy nhói lên vì thất vọng, điều Peter nhanh chóng nhận ra trong mắt cô.

- Sẽ ổn thôi - anh nói, ôm lấy khuôn mặt cô trong bàn tay anh. - Chúng ta sẽ ở bên nhau. Dì Ellen đã gửi hồ sơ của em tới trường trung học ở Fairbanks. Dì nói em sẽ được nhận.

- Nhưng em không thể đi - cô nói, lấy lại bình tĩnh.

- Em phải đi chứ - anh nói.

- Đàn tuần lộc còn xa tí tặn biên giới Canada, anh Peter.

- Thế nghĩa là sao?

- Nghĩa là chúng sẽ không đi qua Kangik. Đàn sói sẽ trở

lại, và khi chúng trở lại, bố Kapugen sẽ bắt chúng.

- Không thể khác được - Peter nói. - Em phải đi học. Em muốn đi học. Anh cảm nhận được vậy.

- Phải - cô trả lời. - Đúng vậy. - Cô mở cửa gian *qanitchaq* ngoài và họ thả bộ ra ngoài nắng. - Em muốn học để làm một giáo viên dạy tiếng Yupik và tiếng Inupiat cho trẻ em Eskimo để chúng không đánh mất bản sắc của mình. Chúng sẽ quên ngôn ngữ mất, anh biết không.

- Vậy thì em phải đi cùng anh.

- Ai sẽ chăm sóc bò xạ cùng với bác Malek khi anh và em đi vắng? - Cô hỏi. - Bố Kapugen quá bận.

- Bố Malek đã mời một người chăn bò trẻ tuổi tới Kangik - Peter nói.

- Em phải ở lại đây - cô nói.

Peter trầm ngâm khi họ đi bộ về phía bờ sông không cây cối.

- Em có thể đi học ở Barrow, Miyax - anh nói. - Chỗ đó không xa theo đường không. Em có thể về nhà dịp cuối tuần và chăm sóc đàn bò.

- Barrow ư? - Julie đột ngột ngồi xuống chiếc xuồng của Kapugen.

- Có chuyện gì sao? - Anh hỏi, ngồi bên cạnh cô. - Có vẻ em sợ. Nói anh nghe nào.

Julie hít một hơi.

- Em từng sống ở Barrow. Em đã lấy chồng - cô nói. -

Bọn em lấy nhau theo phong tục Eskimo cũ, một sự thỏa thuận giữa các ông bố bà mẹ. - Cô nhìn anh. - Em không hạnh phúc. Chúng em chưa bao giờ là bạn đời.

Peter cầm lấy tay cô.

- Ở Provideniya em sẽ không phải lấy chồng. Hai người phải đồng ý mới kết hôn cơ.

- Bọn em không thể - Julie quyết liệt nói. - Đó là lý do em bỏ ra lãnh nguyên. Bọn em còn quá nhỏ và em không sẵn sàng lấy chồng. Em rời Barrow để đi bộ tới Mũi Hy Vọng và đón tàu đi San Francisco. Em sẽ cảm thấy không thoải mái ở Barrow - cô nói.

- Một lý do chính đáng để đi học ở Fairbanks - Peter nhiệt thành nói.

- Chưa được.

- Có phải vì đàn sói? - Peter hỏi.

- Đó là một lý do - cô nói. - Nhưng em có thể học được nhiều điều từ dì Ellen. Dì có rất nhiều sách và âm nhạc.

Cả hai im lặng một lúc lâu.

- Tới Fairbanks đi, Miyax - Peter dịu dàng nài nỉ.

Julie đứng lên và mỉm cười.

- Anh Peter - cô nói bằng giọng rành rẽ - hãy nói với bác Malek em sẽ chăm sóc đàn bò xạ khi anh đi vắng.

- Chúng ta yêu nhau mà - anh nói, đứng lên và nhẹ nhàng kéo cô đứng dậy. Anh choàng hai cánh tay quanh người cô, và cô nép đầu vào ngực anh.

- Em phải ở lại Kangik - cô trả lời.

Peter hôn cô thật nồng nàn, rồi nâng cằm cô lên cho tới khi anh nhìn thẳng vào mắt cô. Cô nhìn lại anh không hề chớp mắt.

- Em nói đúng - anh nói, buông tay xuống sườn. - Anh có thể thấy rằng em không thể đi học trong năm nay. Anh sẽ nhớ em! - Anh nhìn đi như thể thấy tương lai của mình giờ hơi khác một chút. - Anh sẽ học hành chăm chỉ; rồi anh sẽ trở về cưới em và chúng ta sẽ gây dựng công việc của mình. Chúng ta là những người giỏi hợp tác.

Julie mỉm cười và nhìn dòng sông. Nó chảy đen xì qua vùng đất.

- Khi nào anh đi, Peter?

- Tuần sau anh đi. Chú Kapugen sẽ đưa anh đi. Anh sẽ tìm một chỗ để sống và làm việc cho tới hết tháng Tám, khi lớp học bắt đầu. Anh sẽ cải thiện tiếng Anh của mình. - Anh cầm lấy tay cô. Cô cảm thấy áp lực những ngón tay ấm áp của anh; rồi mắt anh bừng lên nét tươi sáng.

- Chúng ta sẽ cần có thời gian rồi mới kết hôn, Miyax yêu dấu - anh nói.

- Thật lạ lùng, Peter - cô trầm ngâm nói. - Em thấy em đã hơi quen với văn hóa người da trắng. Em tức giận bố Kapugen vì chấp nhận luật lệ Minnesota của người da trắng, nhưng em thấy tập quán đủ già dặn mới kết hôn của họ là chuyện rất hay. Đó là một kế hoạch tốt mà các gia đình da trắng có.

Tay ôm choàng lấy nhau, họ bước về phía sông và nhìn những vệt sáng vụt nhanh qua trên những con sóng giống như bắc cực quang. Peter gãi gãi đầu.

- Miyax - anh nói - anh vẫn nghĩ em nên đi học cùng anh. Chú Kapugen sẽ không bắn Kapu đâu, giờ nó có quan hệ với ông ấy thông qua con trai của chính ông, bé Amaroq. Như thế sẽ khó cho ông làm vậy.

- Nhưng bố sẽ làm - Julie nói. - Vì bố tin người da trắng đúng khi nghĩ về sói và con mồi.

- Điều đó thì anh không hiểu - Peter nói. - Chú Kapugen biết chúng ta phải sống cùng thiên nhiên, chứ không phải điều khiển nó.

Julie nhìn chàng trai cao lớn có gò má cao và nước da bánh mật này và biết cô yêu anh rất nhiều. Cô cũng biết anh sẽ trở về vì cô khi cô sẵn sàng.

Peter rời khỏi Kangik. Anh hôn tạm biệt Julie, ôm cô chặt đến mức cô băn khoăn phải chăng những lễ thói cũ của người Eskimo không phải đã là tốt nhất. Sẽ còn nhiều năm nữa cô mới học xong trung học và đại học. Những lễ thói của người da trắng, cô thở dài trầm ngâm, không phải là lễ thói của tự nhiên.

Nhưng tự nhiên không chỉ phối ở Kangik. Đàn bò xạ phải được cho ăn, và dì Ellen cần được hỗ trợ khi có bé Amaroq. Rồi đàn sói - đàn sói vẫn ở đâu đó ngoài kia trong gió và cỏ cây, và nếu tuần lộc không trở lại trong đợt di cư tháng Mười, chúng sẽ là mối đe dọa với bò xạ và vì thế với chính chúng nữa.

Gần như buổi tối nào Julie cũng đi tới tận sông và hú lên những tiếng gọi “Tớ là Julie đây” của mình. Rồi cô đợi, nín thở và lắng nghe. Khi đàn sói không trả lời, cô lại thở phào. Đêm đó chúng không trở lại.

Đầu tháng Chín, tuyết rơi và đọng lại trên mặt đất. Đó là tháng tuần lộc trút bỏ lông nhung trên sừng của chúng. Dòng sông đóng băng và quá trình đóng băng diễn ra khắp Bắc Cực.

Vào một buổi chiều quang đãng, một giọng nói trên bộ đàm CB cho biết “có rất nhiều *aiviq* ở một cái vịnh nhỏ phía bắc Mũi Icy.” Đây là một tin vui với làng Kangik. Hải mã không phải là loại thực phẩm được ưa thích, nhưng rất bổ dưỡng và, may mắn cho dân làng, không ở quá xa.

Hải mã cưỡi trên những tảng băng nổi của Bắc Băng Dương cứ xoay vòng bất tận theo chiều kim đồng hồ quanh chỏm băng của vùng cực. Khi Kapugen nghe tin chúng xuất hiện ở Mũi Icy thì chúng đã trên đường di chuyển từ các bãi kiếm ăn mùa hè ở Bắc Băng Dương tới các vùng nước mùa đông ở Biển Bering. Ở đó, chúng sẽ lặn tìm sò và quần quanh dọc các bờ biển cho tới khi băng vỡ lại đưa chúng lên phía bắc.

- Atik, chào anh, Atik. Anh nghe thấy tôi nói không? - Kapugen nói qua bộ đàm CB. - Chúng ta đi bắt *aiviq* cho làng Kangik thôi.

- Tôi nghe rồi, Kapugen. Kế hoạch hay đấy, phải.

Kapugen đóng cương đàn chó vào một chiếc xe kéo chất đầy dụng cụ cắm trại và săn bắt, rồi móc theo chiếc xe

trượt chở chiếc thuyền da hải cẩu của mình. Phấn chấn sắp tiến hành chuyến săn bắt cuối cùng trong năm, ông vào trong nhà tìm Julie.

- Miyax - ông nói - con sẽ đi với bố chứ? Chúng ta có thể cần con giúp cắm trại và chăm nom đàn chó.

Cô tụt khỏi *iglek*, rất vui khi được hỏi. Rồi cô ngập ngừng.

- Thế ai sẽ giúp dì Ellen? - Cô hỏi.

- Cô Uma đang tới - Kapugen nói. - Cô cũng sẽ chăm nom đàn bò xạ khi chúng ta đi vắng.

Julie vẫn do dự.

- *Ee-lie*, cô bé Miyax - ông nói, mắt sáng ngời. - Bố đã nói chuyện với David Bradford. Ông ấy nói ông ấy đã thấy đàn sói Kangik ngày hôm qua.

- Chúng ở đâu ạ?

- Tít dưới vùng trũng đánh chén một con nai sừng tấm. - Ông mỉm cười. - Con làm cho chúng thành những con sói hạnh phúc.

Nghe những lời đó, Julie nhanh nhẹn mặc quần áo ấm, thật sự rất phấn khởi được ra biển băng, ngôi nhà tinh thần của những người Eskimo Yupik.

Bé Amaroq kêu la và cô bế cậu lên, vỗ vỗ vào phần lưng đầy đặn của em và khe khẽ ru bé. Dì Ellen vội vàng ra khỏi phòng ngủ.

- Cứ để nó khóc, con yêu - dì nói. - Nó phải học tuân thủ

giờ giấc và kỷ luật.

Julie tôn trọng những yêu cầu của dì Ellen. Dì hôn em bé và đặt bé trở lại nôi, rồi vội vã đi vào gian *qanitchak* để đi ủng. Dì không thể chịu được khi nghe cậu bé khóc.

Trong ánh sáng yếu ớt của buổi chiều muộn, Julie, bố Kapugen, và chú Atik lên đường băng qua lãnh nguyên đông cứng. Đêm đó họ dừng lại tại một điểm cắm trại thường xuyên được sử dụng của các thợ săn Eskimo. Chiều hôm sau, họ đến khu vịnh.

Julie giúp chú Atik dựng lều ngủ trong khi bố Kapugen bò lên một cái gò phía trên bãi biển. Ông trườn về và nói ông đã đếm được chín con hải mã trên một tảng băng gần bờ.

- Chúng ta sẽ bắt bao nhiêu con? - Atik hỏi ông.

- Hai con - Kapugen trả lời. - Chúng ta chỉ cần vậy.

- Nhưng ngài - Atik nói. - Hai bộ ngài sẽ kiếm được một nghìn bốn trăm đô la cho công ty. Sáu cặp là bốn nghìn hai trăm đô la đấy.

- Hai thôi - Kapugen nói, đầu ngẩng cao như một con sói đầu đàn.

Atik hiểu vấn đề đã được ấn định và không nói thêm nữa.

- Miyax - Kapugen nói, quay sang Julie - bố cần con giúp nhé. - Có một con hải mã cái trên tảng băng có con non đang gặp rắc rối. Nó bị ngã vào một khe nứt. Khi chúng ta nổ súng, đàn hải mã sẽ nhảy xuống biển và con hải mã non

sẽ bị kẹt lại. Chúng ta quá bận không thể cứu nó được. Con phải cố gắng thôi.

- Con sẽ cố gắng - cô nói. - Con không biết nói tiếng của hải mã, nhưng chắc chắn chúng biết tiếng Yupik. Chúng vẫn nghe từ khắp mọi phía của Bắc Băng Dương suốt mười nghìn năm rồi.

Kapugen mỉm cười với cô.

- Hải mã biết rống như bò - Atik nói, và nháy mắt.

- Ta đi thôi - Kapugen nói, nằm ẹp xuống để tránh tầm mắt của đàn hải mã. Julie và Atik theo ông. Ánh sáng vẫn còn đọng lại thêm vài tiếng nữa, mặc dù mặt trời đã lặn. Thời điểm này trong năm, mặt trời chiếu sáng mặt đất cho tới gần chín giờ. Nhiệt độ là dương năm độ. Họ trườn tới bờ dốc không một tiếng động. Đột nhiên có một tiếng rống rất lớn. Julie ngẩng đầu lên. Kapugen chống tay nhõm dậy. Đàn chó sủa khe khẽ như nói rằng chúng không dám chắc có chuyện gì trong ánh sáng nhập nhoạng. Có một tiếng rống đau đớn.

- Đó là tiếng kêu tuyệt vọng - Kapugen nói, và cả ba, dùng cùi chỏ và ngón chân để đẩy, im lặng trườn lên cái gò ven bờ. Trên đỉnh gò, họ nhìn ra mặt biển đóng lớp băng mỏng và chín con hải mã trưởng thành trên một tảng băng gần bờ. Tám con đực; con còn lại là một con hải mã cái to lớn, cổ và vai nó nung núc những tảng mỡ. Nó đang rống và đập mạnh tảng băng. Những chiếc nanh của nó, hai chiếc ngà trắng to tương sáng loáng, là những lưỡi rìu của nó. Những vụn băng to như những con ngỗng tuyết bay

tung trong không trung khi nó tìm cách cứu con của mình thoát khỏi khe nứt. Những cái chân chèo sau rất linh hoạt của nó làm trụ đỡ khi nó vận động. Nó đang phá khối băng trước mặt.

Gần nó là hai con đực khổng lồ.

Kapugen nhìn Atik. Atik nhìn Kapugen. Mắt Kapugen nói, “Bắn,” và họ nổ súng. Mọi việc kết thúc rất nhanh. Hai con đực chết. Đúng như Kapugen dự liệu, số còn lại trong đàn nhảy ùm khỏi tảng băng và phá toang lớp băng xốp lao xuống một đợt nước màu tía. Tất cả, trừ con mẹ. Nó không chạy đi. Hoàn toàn chẳng chú tâm đến những phát súng hay những đồng loại đã chết của nó, nó tiếp tục phá băng để giải cứu con của nó.

Nó cứ tiếp tục vậy khi Kapugen và Atik chạy xuống mép nước với chiếc xuồng da. Nó cũng chẳng hề ngừng mọi nỗ lực điên cuồng của mình khi Julie bước lên xuồng cùng với các thợ săn và quạt mái chèo.

Kapugen nhảy lên tảng băng và cột con hải mã của mình. Atik thì cột con còn lại. Julie bò tới trước cố gắng tròng dây vào con hải mã con và kéo nó ra khỏi khe nứt. Thấy vậy, con hải mã cái trở nên lo lắng. Nó gầm rống với Julie và Kapugen, nó há rồi khép miệng rất nhanh đồng thời lại phát ra những âm thanh như tiếng búa khoan. Rồi nó vờ tấn công.

Kapugen và Julie đứng im. Con hải mã trừng trừng nhìn họ qua khóe mắt thê lương của nó, quay đi, và điên cuồng chém mé bên kia của khe nứt. Trong khoảng thời gian

chưa bằng Julie buộc sợi thừng của mình để quăng tới, cặp ngà khổng lồ đã phá xong mé gần biển của tảng băng. Con hải mã non được tự do. Nó nhảy ùm xuống nước. Con hải mã mẹ cũng nhảy xuống theo nó, nâng nó lên trên lưng mình, và bơi đi.

- Công việc của con chỉ có vậy - Julie nói, nhìn con hải mã mẹ và con của nó. - Nó chẳng cần bất kỳ sự giúp đỡ nào.

Cô mỉm cười đầy ngưỡng mộ.

Kapugen đặt tay lên vai Julie. Cô ngược lên và thấy đôi mắt ông loáng thoáng những điều mơ màng khi ông nhìn theo con hải mã mẹ chẳng chút sợ hãi đang bơi đi. Ngay cả sau khi nó biến mất giữa những tảng băng, Kapugen vẫn không rời mắt khỏi đốm băng nơi nó biến mất. Cuối cùng ông lên tiếng.

- Có lần các già nói với bố thế này - ông chậm rãi nói. - "Tất cả chúng ta đều có liên hệ với nhau." - Ông làm hiệu về phía con hải mã mẹ tận tâm. - Chúng đều ổn, thật vậy.

- Vâng - Julie nói. - Chúng đều ổn, đúng vậy ạ.

Có gì đó vừa xảy đến với Kapugen, Julie nhận ra như vậy. Ở đây trên vùng bờ biển vắng vẻ và trơ trọi này, con hải mã mẹ đã mang ông trở lại từ thế giới của người da trắng. Cô luồn tay mình vào tay ông, và những ngón tay run rẩy của cô ấm áp hẳn.

Đột nhiên họ gặp nguy hiểm lớn. Một nửa của tảng băng đã biến mất, và cái nửa nơi họ đứng trên đó đang

ngiêng đi. Mấy con hải mã đực đã được buộc dây trượt về phía biển. Kapugen nhẹ nhàng thả một con xuống nước bằng sợi dây, cố gắng ổn định tảng băng, nhưng đã quá muộn. Nó bắt đầu lật ngược. Atik nhảy xuống xuống và kéo con hải mã của mình xuống biển. Kapugen bế bổng Julie lên, tung cô xuống xuống, và nhảy theo sau.

Họ chậm rãi chèo về phía bờ, hơi vất vả bởi mấy con hải mã nặng cả tấn. Phía sau họ, tảng băng tiếp tục nghiêng đi cho tới khi nó thẳng đứng như một con cá voi vọt lên khỏi mặt nước. Rồi nó đổ ụp xuống. Julie nhìn thấy nó sắp bổ nhào xuống con hải mã của Atik và kéo chiếc xuống cùng những người thợ săn xuống biển. Với động tác rất nhanh, cô cắt phăng sợi dây bằng con dao *ulu* của mình. Tảng băng đổ rầm xuống con hải mã đực, nó biến mất khỏi tầm nhìn. Kapugen nhìn Julie vẻ biết ơn.

Họ cho thuyền lên bãi biển. Kapugen và Atik nhảy lên bờ và kéo con hải mã còn lại tới chỗ an toàn. Nhất thời, ba người thợ săn đứng im lặng nhìn con vật khổng lồ, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Sau một lúc im lặng đầy kính trọng, Kapugen rút con dao của mình ra và bắt đầu mổ bụng nó. Ông thò tay vào trong cơ thể ấm nóng, tìm quả tim, rồi mang tới mép biển.

- Hồi *aiviq* vĩ đại - ông nói. - Ta mượn thân xác của người. Thịt của ta sẽ là của người. - Ông ném trái tim xuống những con sóng. - Ta trả lại linh hồn người cho biển. Ta lại sinh người lần nữa.

Khi nghi thức tôn kính xong xuôi, Kapugen và Atik bước

lên xuống và chèo ra để vớt con hải mã kia. Giết một con vật mà không sử dụng nó là điều không hay. Họ chèo quanh tảng băng tìm kiếm dưới nước nhưng không tài nào tìm được con hải mã đã chết.

- Ta xin lỗi, *aiviq* - Kapugen nói bằng giọng trầm thấp, chậm rãi. - Ta xin lỗi đã bỏ phí người. Ta sẽ đi quanh nhà bốn lần khi ta trở về để tự trừng phạt vì đã để mất người.

Julie lắng nghe và cảm thấy bình yên hẳn. Đây chính là người cha mà cô vẫn nhớ.

- Ta cũng xin lỗi, *aiviq* - Atik nói. - Da của người đáng ra là lớp bọc thuyền tuyệt vời, bộ lòng của người là đồ đi mưa, thịt của người thành thịt của ta. Ta xin lỗi.

Khi họ lên bờ lại, Kapugen và Atik gỡ lấy cặp ngà trắng nhẵn thín, rồi xả con vật khổng lồ thành từng phần cho làng Kangik.

- Anh vẫn có thể làm được bộ bọc thuyền đấy - Kapugen nói với bạn mình khi họ khiêng tấm da tới chỗ xe trượt. - Món này dành cho anh.

Atik mỉm cười cảm ơn. Ngôn ngữ người Eskimo vốn không có từ "cảm ơn." Người ta không cho đi để được cảm ơn. Người ta cho đi để làm vui chính mình; việc đó không cần đến sự cảm ơn.

Khi tấm da đã ở trên xe trượt và thịt đã gói ghém xong, Atik nhặt bộ lòng và bọc lại.

- Uma sẽ làm cho bé Amaroq một cái áo mưa từ bộ lòng này - ông ấy nói. - Cô ấy sẽ làm vậy nếu tôi mang được một

con *aiviq* về nhà.

Trong màn tối như bung, Atik nhóm chiếc bếp Coleman đặt một tảng thịt hải mã lớn vào nồi để chuẩn bị bữa tối thu hoạch. Julie cho đàn chó ăn khẩu phần của chúng. Chúng ăn một cách vui vẻ, đuôi ve vẩy. Những vì sao chiếu sáng như những ngọn đèn bạc khổng lồ khi đoàn thợ săn ăn uống và mặt trăng di chuyển vòng tròn trên bầu trời. Kapugen ngược nhìn với vẻ im lặng trầm tư.

Sáng hôm sau, nhóm thợ săn gói ghém thịt, ngà, lều và đồ đạc rồi cho đàn chó hướng về Kangik.

- *Hut* - Julie hô, CB dẫn đầu, cất tiếng sủa và nhảy căng lên, rồi họ khởi hành về Kangik tràn ngập sinh lực của con hải mã.

Ngày trở nên ngắn hơn rất nhanh.

- *Taggaqtugik* - Julie nói với dì Ellen hôm mừng một tháng Mười Một. - Thế nghĩa là tháng mọi hồ nước đóng băng và dì có thể nhìn thấy bóng mình trên băng!

- Đẹp lắm - dì Ellen nói, vỗ vỗ lưng Amaroq nằm trên vai mình.

- Đó cũng là tháng - Julie nói - khi tất cả cá voi ở phương nam trong biển Bering, khi những con gấu vùng cực có mang vào đất liền để đào hang trong tuyết. Đó là tháng hải cẩu bơi dưới băng biển và những loài chim duy nhất còn lại với chúng ta là cú tuyết và chim *uria*^[14].

- Ngoại trừ bắt cá trên băng - dì nói - thời kỳ thu gom thức ăn đã kết thúc.

Mặt trời không mọc vào ngày mười tám tháng Mười Một, và mọi thứ chuyển sang màu xanh lam - tuyết, các dấu chân, và những bóng râm. Đêm Bắc Cực là một bảng các gam màu lam.

Julie, dì Ellen, và bé Amaroq đến trường các ngày trong tuần. Dì Ellen để em bé vào một tấm da gấu bắc cực rất ấm trên bàn, và các bài học bắt đầu.

Có bé Amaroq truyền cảm hứng cho giáo viên, mười đứa trẻ đủ mọi lứa tuổi học những câu tiếng Anh như “Em bé nhìn ngón chân mình” và “Em bé cần thay tã”. Từ Julie, chúng học cách nói câu tương tự trong tiếng Inupiat và Yupik. Julie cũng cho chúng xem cách cộng năm ngón tay em bé với năm ngón tay em bé để thành mười. Sau phép tính này cô dạy tiếp bài học về cách trừ bốn ngón chân em bé từ năm ngón. Dì Ellen dạy chúng hát bài “Miền Viễn Bắc.”

Một bài học quan trọng được Sở Giáo dục Dốc Bắc nghĩ ra. Mỗi trẻ được nhận mười đô la. Với số tiền này, chúng mua tất tại Công ty Trường học Kangik. Rồi bà Marie đến trường kinh doanh bánh rán Eskimo. Bà trả tiền bột và nguyên liệu bằng cách viết ra một tờ hóa đơn công ty, trả bằng tiền đầu tư của bọn trẻ. Bà và bọn trẻ trộn và làm bánh rán. Khi làm xong, bọn trẻ chạy khắp các phố trong làng, cứ bám theo các ngọn đèn đi xuyên màn tối về nhà, và bán bánh rán cho các gia đình Kangik. Với số tiền thu

được, chúng trả cho công ty tiền nguyên liệu. Rồi mỗi đứa trẻ được trả năm xu hoa hồng. Số còn lại là tiền lãi. Nó thuộc về công ty. Bằng cách này, chúng học về cách công ty bản địa vẫn đang hỗ trợ người Eskimo và người da đỏ ở Alaska kể từ năm 1971.

Một lá thư của Peter gửi cho bọn trẻ làng Kangik về đến trường vào một ngày tháng Mười Hai, và dì Ellen đề nghị Julie đọc to lên.

Các bạn thân mến - bức thư mở đầu. - Tôi ở Fairbanks trong một phòng sinh viên ở khuôn viên Đại học Alaska. Chúng tôi ăn trong một phòng ăn lớn và lên lớp học. Tôi học bốn môn - tiếng Anh, sinh học, toán, và xã hội học. Mỗi môn là một lĩnh vực khác nhau.

Miyax đề nghị tôi kể với các bạn về làng tôi ở Siberia. Đến đó bạn sẽ thấy như ở nhà. Nó rất giống làng Kangik. Bố tôi mặc áo maklak và áo trùm parka, săn gấu bắc cực và hải mã. Mẹ tôi mặc trang phục truyền thống và nấu đồ ăn cho chúng tôi. Ở Nga, chúng tôi phải mượn súng từ chính phủ khi chúng tôi đi săn. Chúng tôi phải mang vỏ đạn rỗng về khi chúng tôi trả lại súng. Vì lý do ấy, bố tôi dùng bẫy và giáo đi săn.

Tôi nhớ tất cả các bạn. - Julie chưa kịp dừng lại thì cô đã đọc: Nhắn Julie rằng tôi yêu cô ấy và rằng tôi là đối tác mãi mãi của cô ấy. Bạn của các bạn, Peter.

Cô đỏ mặt và bế bé Amaroq lên để giấu đi sự bối rối của mình.

- Anh Peter yêu chị Julie - đưa con nuôi tám tuổi của bà

Marie là Bessie nói, và đám trẻ cười khúc khích rồi cùng hát vang.

Dì Ellen vỗ tay, thế là buổi học kết thúc. Julie vội vã mặc cho chúng quần áo thật ấm trước những lời trêu chọc và cười đùa rồi cho tất cả về nhà.

Sau khi đưa trẻ cuối cùng đã kéo khóa áo trùm *parka*, bước ra gió lạnh và đêm tối, buổi học nữa bắt đầu. Dì Ellen dạy Julie lịch sử thế giới và toán, còn Julie dạy dì Ellen tiếng Yupik và Inupiat.

Julie gập cuốn từ điển Inupiaq-Anh vào cuối buổi học của họ rồi lấy lá thư của Peter ra khỏi áo. Mỉm cười bên lên, cô nhìn lá thư.

- Dì nghĩ sao về Peter, *Aaka*? - Cô hỏi.
- Dì quý cậu ấy - dì Ellen nói.
- Sao anh ấy lại cứ nói anh ấy yêu con?
- Dì nghĩ đúng là cậu ấy yêu con.
- Anh ấy còn phải đi học, và khi tuần lộc trở lại Kangik, con phải đi học. Chúng con chưa sẵn sàng để làm *iglu*.
- Con có yêu cậu ấy không?
- Chưa ạ - Julie nói. - Bố Kapugen sẽ không để con như vậy.
- Julie này - dì Ellen nói vẻ ngỡ ngàng - tại sao con lại nói vậy chứ? Con biết bố Kapugen muốn con lớn khôn, biết yêu và lấy chồng. Con biết điều đó mà.
- Đúng vậy, nhưng bố ngăn con. - Cô đặt cuốn từ điển

lên bàn. - Con phải ở đây tại Kangik để bố không giết đàn sói. Con không thể nghĩ về Peter hay đi học chừng nào bố còn nghĩ về luật Minnesota.

- Ôi Julie - dì Ellen nói, nhìn xuống bé Amaroq đang lúu rúu. - Dì rất tiếc nghe con nói vậy.

Julie nhìn vợ của cha mình. Người mẹ kế cô rất yêu quý này không hề biết điều mọi người Eskimo đều biết từ lúc chào đời: rằng con người và động vật cùng tồn tại vì lợi ích của cả hai.

Đầu tháng Tư, một đợt gió ấm từ phía đông mang theo mưa biển tuyết thành bùn nhão. Dân làng cởi bỏ những tấm áo trùm *parka* nặng trĩu và tới khu sân chung cũng như dọc bờ sông. Họ tự hỏi không biết xuân sớm có đưa tuần lộc về Kangik không.

Rồi một đợt không khí dưới không độ ập đến như một cái ngòi bọ cạp đốt. Đất, bùn nhão, và nước đóng băng chỉ trong một giờ. Một trận mưa băng trút xuống cả lớp băng phủ. Làng Kangik, những ngôi nhà, xuống, và xe trượt đều chìm dưới một lớp gương. Những khuôn cửa đóng cứng. Việc đi lại rất nguy hiểm, và các chỗ cất giữ thực phẩm gần như không thể mở được. Đây là tình hình thời tiết khắc nghiệt nhất có thể chịu đựng được ở một vùng đất toàn những điều kiện thời tiết không thể chịu đựng nổi.

Tiết giá lạnh tụt xuống âm ba mươi độ và duy trì suốt gần một tháng trời. Máy bay của Kapugen không thể bay được với nhiệt độ đó và thực phẩm trở thành vấn đề. Cửa

hàng của bà Marie cũng cạn dần hàng hóa dự trữ. Ông Atik, vẫn còn thịt hải mã đông trên xe trượt, bật bộ đàm CB.

- Atik còn thịt hải mã - ông nói. - Cứ đến xe trượt ở nhà tôi nếu mọi người cần thịt hải mã. Hết.

Không lâu sau tuyên bố ấy, cửa gian *qanitchak* bị đá tung và bọn trẻ mang theo túi ny lông còn người lớn mang nổi trượt tuyết tới nhà Atik để lấy phần thịt con hải mã của ông ấy.

Một buổi tối mất điện. Bà Marie phải đi bộ đến nhà Kapugen để nói với ông bà hết ga chạy máy nổ. Dân làng thấp nển lấy ánh sáng và nhóm bếp lò cắm trại để nấu nướng. Họ vận lò sưởi chạy than-dầu thật thấp để tiết kiệm dầu. Trạm khí tượng thông báo nhiệt độ không thay đổi.

Vài đứa trẻ đói bụng bị ốm. Khi nhiệt độ tăng lên âm hai mươi độ, Kapugen nhóm các lò sưởi dầu hỏa ở lều Quonset và làm nóng máy bay của mình. Đàn ông trong làng giúp gỡ băng khỏi đường băng, rồi ông cùng bác Malek bay đi Barrow để mua thực phẩm. Khi ông rời nhà, những lời cuối cùng của dì Ellen là "Tã Pampers, làm ơn mua cả tã Pampers."

Ở Barrow, Kapugen thuê một chiếc Beaver, loại máy bay vận tải của miền bắc, và chất lên đó khí đốt, dầu sưởi, thức ăn viên cho bò xạ, và hàng thùng nhu yếu phẩm. Ông thanh toán bằng một tấm séc công ty. Ở trạm dự báo thời tiết Hoa Kỳ tại Barrow, ông được thông báo dự báo trong ngày trời quang đãng và sẽ duy trì ở âm hai mươi độ.

- Thời điểm tốt để bay - Kapugen nói. - Chúng ta có thể tới rừng Brooks và xem đàn tuần lộc có lên phía bắc không.

Với tiếng rừ rừ như mèo, chiếc Beaver to tướng cất cánh, và Kapugen hướng máy bay về phía nam tới Colville. Ông không nhìn thấy tuần lộc ở chân núi dọc dòng sông.

Trên đường trở về Kangik, Kapugen thấy một đàn quạ và một con sói lẻ loi. Chỉ có vậy. Không nai sừng tấm, không tuần lộc. Thất vọng, ông bay về nhà, hạ cánh an toàn trên đường băng vẫn đóng băng ở Kangik.

Kapugen và Malek định gọi người tới giúp khuân đồ xuống nhưng không cần phải gọi. Tất cả mọi người đều nghe thấy tiếng chiếc Beaver về, và đàn ông cùng đàn bà đều đổ ra lãnh nguyên, kéo theo xe trượt của họ, sẵn sàng hỗ trợ.

Kapugen không về nhà cho tới khi máy nổ chạy và hàng dự trữ được cất vào kho. Rồi ông về với dì Ellen và Julie. Không thể nói với họ rằng tuần lộc sẽ không về vào năm nay, ông bế bé Amaroq đang ngủ lên và ôm bé trên tay. Em bé mở mắt.

- Bố có một bài hát cho con đây - Kapugen nói với cậu con trai bé bỏng. - Nghe bố nhé.

Ôi tuần lộc, các bạn đang ẩn ở đâu?

Tôi biết chỗ các bạn đi

Trong bóng tối của những hàng cây

Trên những con đèo, trong khóm cỏ lãnh nguyên

Tôi biết nơi các bạn đi.

Ông ôm bé trên vai và vỗ về cơ thể chắc nịch của bé.

Ôi tuần lộc, các bạn đang ẩn ở đâu?

Tôi không thể đợi được - các con tôi đang đói.

Tôi biết chỗ các bạn đi.

Trong bóng tối của những hàng cây,

Trên những con đèo, trong khóm cỏ lãnh nguyên

Tôi biết nơi các bạn đi.

Các bạn sẽ không đến Kangik,

Aya, ya, ya, các bạn sẽ không đến Kangik.

- *Aya, ya, ya* - Julie hát theo, trong tâm trạng buồn và lo sợ cho sự sung túc của làng. - *Các bạn sẽ không đến Kangik.*

- *Aya, ya, ya* - một giọng hát vang lên từ gian *qanitchak*.

Kapugen trao bé Amaroq cho Julie và mở cửa trong.

- David Bradford - ông nói với người chủ cửa hàng Cá và Thú săn. - Anh mang đến cho chúng tôi tin vui à? Tuần lộc đến Kangik à?

- Tôi vừa thấy các anh đã phải đi xa thế nào trong thời tiết nguy hiểm này - ông ấy nói, không trả lời câu hỏi. - Nhưng tôi cũng thấy các anh ổn.

- Mời anh vào - dì Ellen nói. - Tôi sẽ pha trà. Chắc anh

lạnh lắm.

Julie gật đầu chào ông ấy và mỉm cười.

- Xin chào, cô gái gấu nhỏ bé - ông ấy chào cô.

Mặc kệ câu chào của ông ấy, cô nâng bé Amaroq má đỏ hồng hào lên cho ông ấy ngắm.

- Vậy đây là cậu em bé bỏng của cô, Julie - David nói.

- Trông cậu bé khỏe mạnh như hàm sói vậy.

- Đúng thế - Julie nói, cười vang trước ý tưởng một em bé được so sánh với hàm sói.

David ngồi xuống chiếc ghế đẩu bọc thật dày và nhận cốc trà đang bốc hơi từ đĩa Ellen về biết ơn. Ông ấy sưởi ấm hai bàn tay trên đó.

- Thời tiết kinh khủng - ông ấy nói. - Tôi phải để trực thăng chạy nếu không tôi sẽ không tài nào khởi động lại được, cho nên tôi không ở lại lâu được. - Việc tôi đến để thông báo, anh Kapugen, là những con sói anh nói đã giết con bò xạ của anh đã rời Colville và đang tiến về hướng này.

Tim Julie đập thành thịch.

- Tôi nghĩ tôi cần cảnh báo anh trước khi chúng giết thêm một con nữa.

- Biết được việc đó thì tốt quá - Kapugen nói, chậm rãi đứng lên và cầm lấy súng. - Tôi sẽ chặn đường chúng trước khi chúng đến đây.

- Không, *Aapa*, đừng - Julie kêu lên, chạy tới chỗ cha

mình. - Bố đã hứa bố sẽ không giết chúng trừ phi chúng giết hại bò xạ. Chúng đã giết con nào đâu. - Cô ôm bé Amaroq chặt hơn. - Để con lại dẫn chúng đi. Bố hứa rồi mà.

Kapugen cau mày.

- Đúng là bố đã nói vậy, phải - ông nói. - Nhưng bố cũng giống như sói. Bố phải bảo vệ gia đình mình trước kẻ thù.

- Đàn sói không phải là kẻ thù của chúng ta, *Aapa* - Julie thì thảo. - Bố biết vậy. Chúng là một phần chúng ta. Chúng ta là một phần chúng.

Cô áp má mình vào cái đầu trơn láng, mềm mại của em bé. Cậu bé cong lưng và ré lên.

- Ngay cả bé Amaroq - cô nói, vỗ vỗ cậu bé để cậu yên - cũng biết bố không nên bắn đàn sói.

- Chắc, đó là một cách hiểu - dì Ellen lên tiếng từ chỗ ngồi bên bàn, nơi dì đang sửa lại bài vở. - Còn dì thì nói bé Amaroq khóc vì bố nó làm nó thức giấc.

- *Ayaa*, anh đánh thức nó - Kapugen nói, mỉm cười và bỏ súng xuống. Ông dịu dàng bế con trai mình từ tay Julie và áp trán mình vào cái mũi nhỏ xíu của bé. - Con chẳng quan tâm, phải không, con sói non bé bỏng?

Amaroq thôi khóc và đập đập chân.

Julie leo lên *iglek*. Đầu óc cô bị xen ngang bởi cuộc trò chuyện giữa bố Kapugen và David. Họ đang lên kế hoạch cách tốt nhất chặn đàn sói và bắn hạ chúng. Dì Ellen cũng lắng nghe.

- Tôi phải trả chiếc Beaver trước khi làm được việc gì khác - Kapugen nói.

- Anh có thời gian mà - David nói. - Đàn sói đang ăn gì đó ở một dốc nước trên sông Avalik. Chúng sẽ ngủ một hai ngày.

David đi ra cửa.

- Tôi phải tới Barrow - ông ấy nói. - Tôi phải kiểm tra một con gấu bắc cực đã giết chết một người da trắng ở đó.

Gương mặt Kapugen không biểu lộ gì cả:

- Mọi việc là thế mà - ông nói khẽ. - Cái người *gussak* ở chỗ nào?

- Ngay gần nhà ông ấy trên bãi biển. Ông ấy ra ngoài khởi động xe hơi. Một con gấu trắng tấn công và ông ấy quay người chạy. Đó là sai lầm. Julie dạy tôi chó có chạy. Ông ấy thì không làm thế.

- Người ta bắt được con gấu chưa? - Kapugen hỏi.

- Hàng xóm của ông ấy đã bắn con gấu.

- Thời điểm nguy hiểm trong năm - Kapugen nói. - Lũ gấu trắng mẹ bỏ lũ con hai năm tuổi của chúng - và chúng đói.

- Và đàn sói cũng vậy - David nói trước khi đeo mặt nạ bảo hộ và kính râm lên. Ông ấy mở cửa, khí lạnh từ gian *qanitchaq* ủa vào phòng. Dì Ellen rùng mình.

- Dì không nghĩ mình sẽ quen được với cái lạnh - dì nói, và cười. - Hay có khi những sức mạnh chuyển động trong

thế giới hoang dã làm cho dì rùng mình?

Julie không nói.

- Tôi sẵn sàng rồi - Bác Malek gọi từ phía ngoài. - Đến lúc trả chiếc Beaver rồi.

Kapugen quay sang dì Ellen.

- Malek và anh sẽ trả chiếc máy bay thuê và lấy máy bay của anh về lại Kangik.

- Nhanh lên, trước khi đàn sói đến - dì nói.

Kapugen gật đầu chỉ một lần. Mắt ông không sáng lên. Ông đặt bé Amaroq vào nôi và hôn lên bàn chân đi ủng của bé. Rồi ông đi.

Khi chỉ còn lại Julie và dì Ellen, Julie tụt xuống khỏi *iglek* và đến ngồi cạnh dì.

- Dì Ellen - cô nói - bài học tiếp theo của chúng ta là về chuyện mọi loài vật và cây cỏ phụ thuộc vào mọi loài vật và cây cỏ khác như thế nào.

- Dì hiểu điều đó - dì nói. - Con đã dạy dì rất kỹ.

Julie thấy thất vọng. Cô đã trò chuyện với dì Ellen từ lúc mặt trời lặn về các chu trình cũng như sự xuất hiện của một loài động vật và sự diệt vong của loài khác. Cô đã nâng hai bàn tay dì lên và nói với dì chuyện làm thế nào người Eskimo biết họ có liên hệ với tất cả các loài động vật vì tất cả họ đều có những loại xương như nhau trong hình hài này hoặc hình hài khác. Cô đã nói với dì rằng sói giữ cho môi trường lạnh mạnh, và rằng khi môi trường lạnh mạnh, con người cũng lạnh mạnh.

Và dì Ellen vẫn nói với cô dì sẽ giết một con sói để cứu đàn bò và bố Kapugen đồng ý với dì.

Julie biết cô phải làm gì đó ngay lúc này. “Khi mọi thứ không suôn sẻ, thì tức là mày đang làm gì đó không đúng”, cô đã nói với chính mình trên lãnh nguyên. “Thay đổi những gì mày đang làm”. Cô nhìn dì Ellen thật lâu và hít một hơi thật sâu.

- Dì Ellen yêu quý - cô nói. - Con sẽ thôi giảng bài để kể cho dì một câu chuyện.

Một cô gái trẻ bị lạc trên lãnh nguyên. Cô ấy đang chết đói. Một hôm cô ấy tìm thấy cái hang mùa hè của một đàn sói và kết bạn với đàn sói. Một con sói non đã dạy cô ấy cách lấy thức ăn từ dạ dày sói bằng cách chạm vào khoe miệng của một con sói. Cô ấy đã làm như vậy, và một con sói đã hào phóng cho cô ấy thức ăn, nhưng thức ăn không đủ. Cô ấy đã ăn rêu và nấm.

Một đợt sương mù phủ khắp vùng đất nên cô ấy không thể nhìn được gì. Trái đất rung chuyển. Sương tan bớt và Kapu, người bạn sói non của cô ấy, hiện ra. Cảnh giác như một con đại bàng, nó đánh hơi gió và vẫy đuôi như thể đang đọc một câu chuyện thú vị của sói. Cô ấy cũng đánh hơi, nhưng với cô ấy, mọi trang sách đều trống trơn. - Julie nhìn vào mắt dì Ellen.

Amaroq, con đầu đàn của đàn sói, cất tiếng tru. Móng Vuốt, người bạn tốt nhất của nó, tru và sủa. Rồi Amaroq chuyển sang một khúc ca và Ánh Bạc, bạn đời của nó, hòa theo. Giọng chúng vút cao rồi lắng xuống khi từng con hòa

nhịp với con khác. Giọng lồng lộng của Thạch Đông, con sói trông coi sói con, ngân vang, và như nhịp trống, năm con sói non sữa ăng ăng và kêu ư ử. Cô gai xoa cằm; có gì đó rất lạ ở bài ca săn mỗi này. Nó kỳ quái và bồn chồn. Nó kể những điều cô không hiểu, và cô thấy sợ.

Sương quang hắt và cô nhìn thấy Amaroq, những thợ săn của nó, cùng lũ sói non chạy băng qua lãnh nguyên. Ngay cả Thạch Đông cũng đi cùng chúng. Chúng đang rời bỏ cô chẳng? Có phải đây là ngày chúng bắt đầu cuộc sống lang thang của sói không? Giờ cô phải tự lập chẳng? Cô bò quanh trắng tuyết của mình và cuống cuống thu thập những loại cây có lá mà tuần lộc vẫn ăn. Cô nhét nắm vào túi, và cả những mảng rêu tuần lộc. Cô không còn từ chối bất kỳ thứ gì có thể ăn được nữa.

Khi cô làm việc trên cả bốn chi, sự rung động trên mặt đất càng lớn hơn. Cô gái lui lại. Từ trong sương mù xuất hiện một con tuần lộc lớn đang chạy về phía cô. Trên cổ nó, vọt lên bằng sức mạnh của một con sói đại dương, chính là Amaroq.

Dì Ellen ngó quanh phòng. Mất dì dừng lại chỗ Kapugen đã đặt khẩu súng của ông. Nó đã không còn. Julie tiếp tục.

- Móng Vuốt đang luôn lách bên dưới con tuần lộc. Bên sườn nó là Ánh Bạc.

Rồi Amaroq nhảy tới, lơ lửng trong không trung một lát, và bập hàm răng của nó vào vai con thú.

Sương ập đến rất nhanh và khi sương tan đi, con tuần lộc sừng sừng phía trên Amaroq, cặp sừng như dao của nó

nhắm thẳng vào đầu con sói. Có tiếng gầm gừ trầm trầm, tiếng móng guốc bổ cồm cộp, và những cái chân đồ sộ chém một cách vô ích xuống đất; vì Amaroq đã lại nhảy lên và cắm hàm răng của mình vào lưng con thú. Gầm gừ, sử dụng sức mạnh toàn thân của mình, nó ép con vật lòng vòng và loạng choạng. Ánh Bạc vọt tới đằng trước con mồi cố gắng ngăn nó và làm cho nó chậm bước. Móng Vuốt ngoạm được một chân sau của nó. Con tuần lộc nhảy tung lên, quăn quại, rồi khụy xuống. Gạc của nó cắm xuống đất. Nó rống lên và gục xuống.

Miyax, cô gái, không tin được vận may của mình - cả một con tuần lộc gục ngã ngay chân cô. Chỗ này đủ thức ăn cho cô cả tháng, có lẽ cả năm. Cô sẽ hun khói để thịt nhẹ dễ mang hơn, rồi gói ghém và đi về phía bờ biển. Cô sẽ sống.

Và đúng là con đã sống.

Dì Ellen ngồi im. Chẳng mấy chốc dì đứng lên tìm khẩu súng của Kapugen trong gian *qanitchaq*. Nó không ở đó.

- Julie - dì nói - dì hiểu. Dì hiểu rồi. Hãy đi bảo với bố Kapugen dì sai rồi: Luật Minnesota không có ý nghĩa ở đây.

Julie mặc áo len và quần lông *qivit* ấm áp của mình vào. Bên trên, cô trùm thêm áo *parka*. Rồi cô đội mũ len, đi găng, và găng trùm. Cô nhét đầy túi thịt khô và xông ra thế giới băng giá chói lòa. Cô đi tới chỗ chiếc xe trượt mà cô đã chất đầy những viên linh lăng tối qua, và thay vì dẫn đàn chó lên lớp băng khó lường, cô nhặt sợi dây và tự mình kéo xe trượt. Cô trượt ngã vài lần, rồi lại đứng dậy. Sau khi

cô cho bò xạ ăn, cô sẽ đi ra lãnh nguyên để tìm Kapu và Aaka, Ánh Bạc, Xương Thô, Zing, và Amy, và dẫn chúng đi. Cô nhìn lều Quonset và lắng nghe tiếng cánh cửa mở và tiếng Kapugen khởi động chiếc Beaver. Ông sẽ có thể bắn rất tốt từ trên chiếc máy bay đó.

Ở bãi quây gia súc, cô cho thức ăn viên vào máng, đóng cổng, loay hoay một lúc với cái then đóng băng, rồi tiến ra bờ sông. Cô đi chưa được năm bước thì dừng lại. Kapugen đã ở đây. Ủng của ông, với dấu đặc trưng trên đế, đã nghiền vỡ lớp băng và để lại những dấu hằn trên tuyết. Ông ở đây với khẩu súng của mình. Ông không đưa chiếc Beaver tới Barrow. Dấu chân ông còn mới và đi xung quanh bãi quây gia súc. Ông đang đi bộ lần theo đàn sói.

Có tiếng tru xa xa. Tiếp theo là một tiếng sủa cảnh báo, và rồi, rất gấp gáp, giọng những con sói của cô vút lên từ lãnh nguyên hoang dã. Cô chạy về phía chúng. Băng vỡ vụn dưới chân cô, khiến cô chậm bước; nhưng cô vẫn dướn tới, quyết tâm phải cứu chúng bằng cách nào đó.

Mình có thể làm gì? Làm thế nào dọa được chúng sợ? Một khẩu súng sẽ rất được việc. Mình lại chẳng có. Một con sói chết cũng có tác dụng - có lẽ là mấy cái găng đầu sói của mình. Chúng lại ở nhà mất rồi. Cô nhận thấy gió đang đưa mùi của cô về hướng Kapu và đàn của nó. Cô hy vọng nó ngửi thấy cô và cả mùi sợ hãi mà cô phát ra. Điều đó sẽ xua chúng đi. Cô gắng gượng, nhìn lại để xem Kapugen có đi theo không.

Mặt đất rung chuyển, có tiếng răng rắc vang lên. Julie

lại ngó lại, và thấy đàn bò xạ đang rầm rập lao ra khỏi bãi quây, những con đực đi trước, lũ bê ở giữa, bò sữa ở phía sau. Bộ lông dài của chúng tung bay trong gió, chúng phóng ra lãnh nguyên và lao tới một quả đồi nhỏ phía trên dòng sông, chúng đã thoát ra. Chúng đã tự do. Nhất thời Julie rùng mình; rồi cô thấy sợ.

Công việc kinh doanh đã tan biến. Kapugen thất bại rồi. Bé Amaroq sẽ không có tương lai. Cô phải lừa chúng trở lại bãi quây. Vùng chạy, vấp ngã, cô cố gắng vòng qua chúng với hai cánh tay dang rộng và hò hét. Tuyết bay tung dưới chân chúng, che khuất chúng và bãi quây. Cô chạy.

Có ánh sáng mờ xuất hiện trên mặt sông băng, Julie phủ phục xuống trên cả bốn chi và rất tập trung khi đàn sói của cô, Kapu dẫn đầu, những con khác phía sau, thông thả chạy xuống dòng sông đóng băng. Chúng di chuyển hết như nước chảy. Chúng rời lòng sông và phóng vào đàn bò. Luồn lách giữa chúng, tăng nhịp bước của chúng theo nhịp bước của những con bò đực nhanh chân, Kapu và đàn của nó đã bắt kịp đàn bò.

Những đám tuyết mà đàn bò khuấy lên đã lắng xuống. Julie dụi mắt. Kapugen đang đứng bên cạnh bãi quây. Ông không mang súng. Tay ông chấp sau lưng, đầu ông nhô về phía trước.

Julie nhìn từ ông sang đàn sói. Chúng nhảy nhót dễ dàng khi chia tách đàn bò. Cô không hiểu tại sao đàn bò lại không quây thành vòng tròn phòng thủ. Chúng đang biến mình thành những mục tiêu dễ dàng bằng việc chạy tán

loạn. Cô nhắm mắt lại, không muốn nhìn những gì tiếp theo.

Khi cô mở mắt ra, đàn sói đang thông thả đi. Đàn bò xạ đã ngừng chạy. Chúng gõ vỡ băng bằng những cái móng guốc đồ sộ của mình và đang cúi xuống để bình thản gặm cỏ lãnh nguyên đang trồi lên. Đàn sói, thở hổn hển và ve vẩy đuôi, tong tả bỏ đi một quãng ngắn và nằm ẹp xuống.

Vì một lý do không rõ nào đó, cuộc săn kết thúc. Chẳng hề có con mồi nào bị hạ. Kẻ săn mồi biết điều gì đó mà Julie không hiểu.

Rồi cô nhìn thấy cánh cổng mở toang.

Lẽ nào cô đã khép hờ? Cô quay cuồng thắc mắc. Phải chăng cô không khóa đủ chặt? Không, cô nhớ rõ mình đã khó khăn thế nào khi cài chốt trong giá lạnh. Cô đã khóa rất kỹ.

Và rồi cô hiểu.

Bố Kapugen đã thả đàn bò xạ ra.

Cô bước trên băng về phía ông, kéo theo chiếc xe trượt phía sau.

- Chúng lại được ở đó - ông nói. - Sói và bò xạ phương bắc.

Suốt một tiếng im lặng kéo dài, Julie và cha cô nhìn những con vật di chuyển dưới vầng mặt trời trắng xóa chiếu xuống đỉnh trái đất.

- Còn công việc kinh doanh, *Aapa*, - Julie thì thào. - Chuyện gì sẽ xảy ra với công việc kinh doanh?

- Giờ chúng ta có một đàn hoang dã - ông nói. Nét mặt ông thật bình thản. - Người Eskimo đã tiêu diệt bò xạ Alaska khi người da trắng trang bị súng cho chúng ta. Giờ người Eskimo sẽ phục hồi chúng. Chúng sẽ sống và sinh sản để rồi lại trở thành một phần của chúng ta. - Ông quay sang cô. - Còn công việc, con và bố sẽ phải đi xa lắm, như người dân của chúng ta vẫn thường làm, để thu gom *qivit* về đàn. Vậy thôi.

Ông chậm rãi nói thêm.

- Nhưng bố không biết dì Ellen sẽ nói gì đây.

- Con vừa rời chỗ dì - Julie nói. - Dì nói luật Minnesota không phải là luật của Bắc Cực. Dì nghĩ vậy, bố ạ.

- Vậy bố cũng nghĩ vậy, ừ - Kapugen nói, nheo mắt nhìn lãnh nguyên lồng lộng, ngôi nhà của ông.

Gió quất vào họ nhưng họ không rời bước. Cũng như đàn bò xạ và chó sói, họ cũng vừa phục hồi lại trật tự.

- Khi nào con sẽ đi học? - Cuối cùng Kapugen hỏi.

- Khi nào tuần lộc trở về - Julie nói.

- Chúng sẽ về, chắc chắn - Kapugen nói. - Đàn sói đang nói vậy. - Ông hất mũ trùm áo *parka* của mình ra sau và khum tay sau tai. - Hãy nghe xem - ông nói.

Kapu cất tiếng tru. Nó bắt đầu bằng tông thấp và vút lên âm vực cao nhất của gió và giữ nguyên ở đó. Zing, Ánh Bạc, Aaka, Xương Thô, và Amy hòa theo. Không khí rung động, băng răng rắc, và mặt đất lách tách đầy sức sống.

- Chúng đang nói rằng - Kapugen nói - đàn tuần lộc

đang đến.

Julie che mắt và nhìn dòng sông cùng lãnh nguyên.

Một khối xám thẫm rung rinh trên mặt băng lấp lánh. Đường như đó là một đám mây gió đang di chuyển về phía họ. Julie nheo mắt. Phía trên cái bóng thẫm là cặp sừng, cả một biển sừng.

- *Aapa* - cô reo lên. - Tuần lộc đây rồi!

Như sức mạnh không gì kháng cự nổi của tự nhiên, đàn tuần lộc cái tràn về phía họ. Những con đực ở phía sau vài ngày. Những con cái ngẩng cao đầu, những con vật của quá khứ băng giá này, cùng với sói và bò xạ, đã từng giữ cho lãnh nguyên sinh sôi mãi mãi. Những đám mây hơi thở phía sau chúng tản ra như những lá cờ trắng báo hiệu sự trở lại của chúng. Đàn tuần lộc rất đông, nhìn không xuể. Kapu tru lên một giai điệu chói lói và giữ nguyên vậy. Đàn bò xạ khụt khịt và dăm dăm nhìn con thủy triều tuần lộc tràn tới mà chẳng biểu lộ gì, còn Kapugen và Julie thì ôm choàng lấy nhau.

- Phải như vậy mà - Kapugen nói.

Khi Julie nhìn đàn tuần lộc mang theo sự sống, cô nghĩ về trường trung học, những cuốn sách, những cô bé cậu bé, và các thầy cô giáo. Rồi cô cảm thấy cái còi của Peter áp vào ngực mình và cô nghĩ về anh.

Giá mình có thể nghĩ về trường học và giáo viên trước khi mình nghĩ về anh Peter, cô lập luận, mình sẽ không yêu. Nhưng hình ảnh những con sóc đất nhỏ bé nhảy lên

khỏi mặt đất và hình ảnh Peter nhảy múa tại lễ hội Nalukataq đã thay đổi tâm trí cô.

- Mình sẽ lấy anh Peter - cô tự nhủ - khi mình đã trưởng thành.

Kapugen nhặt sợi dây xe kéo, Julie nắm lấy, và họ cùng đi bộ trở lại Kangik. Họ nghe tiếng hú của sói hòa với nhịp trống của người Eskimo đang thông báo sự trở lại của cuộc sống.

~ **HẾT** ~

^[14] Tên tiếng Anh là “guillemot”, loài chim biển phân bố xung quanh vòng cực, dành phần lớn thời gian ở biển và chỉ vào bờ để sinh sản ở vách đá hay bãi đá trên các đảo. Nó lặn sâu từ 30-60 mét, ăn cá, động vật giáp xác, ốc.

Table of Contents

Giới thiệu

PHẦN I: THỢ SĂN KAPUGEN

PHẦN II: SÓI NON AMY

PHẦN III: THIẾU NỮ MIYAX